

MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO	3
1. Giới thiệu về Trường Đại học Hải Dương.....	3
2. Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên	4
3. Các ngành đào tạo.....	4
4. Tổ chức dạy và học.....	5
5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo	5
6. Kiểm định chất lượng	5
7. Về cơ sở vật chất	5
8. Giới thiệu về đơn vị chuyên môn quản lý ngành Giáo dục thể chất	6
PHẦN 2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	8
1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo	8
1.1. Sự phù hợp với nhu cầu đào tạo, nhu cầu nhân lực.....	8
1.2. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo.....	10
2. Khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành của cơ sở đào tạo	10
PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	12
1. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	14
1.1. Mục tiêu chung	14
1.2. Mục tiêu cụ thể	14
2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	15
2.1. Chuẩn đầu ra.....	15
2.2. Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp.....	16
2.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp	17
3. CHUẨN ĐẦU VÀO CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	18
4. KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP	18
5. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	18
5.1. Cấu trúc Chương trình đào tạo	18
5.2. Nội dung Chương trình đào tạo	19
PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	50
1. Về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo hiện nay của nhà trường	50
1.1. Đội ngũ giảng viên	50
1.2. Cán bộ nghiên cứu khoa học	74
PHẦN 5. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT	75

1. Về cơ sở vật chất hiện có của nhà trường	75
1.1. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.....	75
1.2. Trường thực hành sư phạm.....	76
2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất của nhà trường	76
PHẦN 6. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	77
1. Đơn vị chuyên môn quản lý đối với ngành đào tạo	77
2. Phân công cán bộ quản lý chuyên môn.....	77
PHẦN 7. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ RỦI RO.....	79
1. Rủi ro của đề án mở mã ngành.....	79
2. Các biện pháp phòng ngừa rủi ro đối với đề án mở mã ngành	79
3. Các biện pháp xử lý rủi ro đối với đề án mở mã ngành.....	79
PHẦN 8. ĐỀ NGHỊ CAM KẾT VÀ THỰC HIỆN	80
XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO.....	81

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành đào tạo: Giáo dục thể chất

Mã số: 7140206

Trình độ đào tạo: Đại học

Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Hải Dương

PHẦN 1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về Trường Đại học Hải Dương

Trường Đại học Hải Dương là Trường công lập trực thuộc UBND tỉnh Hải Dương, được thành lập theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương và được đổi tên theo Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Trải qua quá trình xây dựng, phát triển, Trường Đại học Hải Dương đã đóng góp một nguồn nhân lực to lớn cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước, đặc biệt là khu vực Đồng bằng sông Hồng. Trường đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước cho những đóng góp to lớn trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao (Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba). Nhiều đơn vị và cá nhân trực thuộc Trường đã được Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội ghi nhận và tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý.

Trong thời gian qua, với chất lượng đào tạo đáp ứng được nhu cầu thực tế, số sinh viên của Trường có việc làm đúng ngành đào tạo ngay năm đầu sau tốt nghiệp luôn đạt tỉ lệ cao: từ 78,7% đến 83%; tỉ lệ sinh viên làm việc trái ngành đào tạo chiếm khoảng 4,9% đến 10,8% mỗi năm.

Trường Cao đẳng Hải Dương được sáp nhập vào Trường Đại học Hải Dương theo Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương. Trường Cao đẳng Hải Dương, tiền thân là Trường Cao đẳng Sư phạm Hải Dương, có truyền thống xây dựng và phát triển 63 năm, là cơ sở đào tạo giáo viên uy tín trong tỉnh và trên toàn quốc. Nhà trường có thế mạnh, uy tín về đào tạo các mã ngành sư phạm trình độ cao đẳng, có đủ điều kiện về đội ngũ để đào tạo các mã ngành sư phạm trình độ đại học.

Mặt khác, nhà trường hiện nay có hệ thống các trường thực hành sư phạm từ mầm non đến phổ thông đảm bảo cho việc thực hành, thực tập, rèn nghề của sinh viên sư phạm.

Sau khi Trường Cao đẳng Hải Dương sáp nhập vào Trường Đại học Hải Dương, bộ máy tổ chức, cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ giảng viên cơ hữu của nhà trường hoàn toàn đáp ứng được việc đào tạo giáo viên trình độ đại học ở các ngành, trong đó có ngành Giáo dục thể chất

2. Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên

Nhà trường có hơn 400 cán bộ, giảng viên, nhân viên, người lao động, trong đó có 33 Tiến sĩ về khoa học giáo dục. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của nhà trường đang phát triển nhanh và bền vững, có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm tốt. Ngoài ra, nhà trường có mời một số giảng viên thỉnh giảng có trình độ Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ có nhiều kinh nghiệm giảng dạy và thực tiễn từ các cơ sở đào tạo đại học và các cơ quan, doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nhà trường được tỉnh cho phép và đang tích cực mời các nhà khoa học cùng các chuyên gia ở trong và ngoài nước; đặc biệt là những người đang sinh sống ở tỉnh Hải Dương và Hà Nội tham gia giảng dạy, hợp tác nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình, học liệu phù hợp với thực tiễn của Hải Dương và các tỉnh, thành phố lân cận.

3. Các ngành đào tạo

Giai đoạn từ 2019 đến nay, Trường Đại học Hải Dương tập trung tổ chức tuyển sinh, đào tạo trình độ thạc sĩ, đại học,... cụ thể:

* Trình độ Thạc sĩ, gồm 02 ngành:

1. Kế toán
2. Quản lí kinh tế

* Trình độ đại học, gồm 12 ngành:

1. Kế toán
2. Quản trị kinh doanh
3. Tài chính - Ngân hàng
4. Quản trị văn phòng
5. Chăn nuôi
6. Công nghệ thông tin
7. Kỹ thuật điện
8. Phát triển nông thôn
9. Chính trị học
10. Kinh tế
11. Ngôn ngữ Anh
12. Quản trị dịch vụ Du lịch & Lữ hành

4. Tổ chức dạy và học

Đào tạo theo học chế tín chỉ:

- Nhà trường đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ đối với trình độ đại học từ năm học 2011 - 2012;

- Học viên, sinh viên, giảng viên và cán bộ quản lý đã thích ứng với việc giảng dạy và học tập theo học chế tín chỉ.

Đổi mới cách dạy và học:

- Nhà trường tập trung nâng cao chất lượng các học phần kiến thức ngoại ngữ, tin học và các kỹ năng bổ trợ, cập nhật kiến thức cho các học phần hàng năm;

- Xây dựng và triển khai ngân hàng đề thi, đẩy mạnh chống gian lận trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo

Trường đã ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin trong việc quản lý các hoạt động, các dữ liệu được số hóa. Nhà trường hợp đồng với VNPT Hải Dương đặt mạng Internet cáp quang với tốc độ đường truyền 200Mbps. Xây dựng, triển khai, duy trì hệ thống mạng LAN và wifi phủ kín toàn trường. Nhà trường đã trang bị hệ thống máy chủ để cài đặt phần mềm đào tạo, các phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng. Sử dụng Google Meet và Microsoft Team trong công tác đào tạo trực tuyến. Sử dụng hệ thống email đồng bộ, giúp cho việc ban hành văn bản nhanh, kịp thời.

6. Kiểm định chất lượng

Năm học 2020 - 2021, Trường đã hoàn thành tự đánh giá cơ sở giáo dục. Báo cáo Tự đánh giá đã được Cục Quản lý chất lượng (Bộ Giáo dục và Đào tạo) chấp thuận và đồng ý triển khai các bước đánh giá ngoài (6/2020). Trường đã đăng ký kiểm định chất lượng, kí hợp đồng với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C) để thực hiện đánh giá ngoài. CEA-AVU&C đã thực hiện khảo sát sơ bộ (15/11/2020), khảo sát chính thức (19/11/2020 - 24/11/2020) để phục vụ đánh giá ngoài. Kết quả, Trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (Giấy chứng nhận số CSGD2021.04/CEA-AVU&C cấp ngày 26/5/2021).

7. Về cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất: Hiện tại Trường Đại học Hải Dương có 04 cơ sở đào tạo:

- Trụ sở chính (cơ sở 1): Khu đô thị phía Nam, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Tổng diện tích đất được giao 294.903,2 m² (bao gồm cả khu Kí túc xá sinh viên).

- Cơ sở 2: Số 42, đường Nguyễn Thị Duệ (20.108 m²) và số 250 đường Nguyễn Lương Bằng (4962,4 m²), phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Cơ sở 3: Khu 8, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (19.813 m²).

- Cơ sở 4: Khu Tiền Trung, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (15.523,4 m²).

Theo Đề án sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương của UBND tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, mức đầu tư cơ sở vật chất giai đoạn 1 (2023 - 2025) ước tính từ 200 tỉ đồng đến 250 tỉ đồng để xây dựng phòng học, giảng đường, nhà làm việc,... khang trang, hiện đại.

8. Giới thiệu về đơn vị chuyên môn quản lý ngành Giáo dục thể chất

Đơn vị chuyên môn quản lý ngành Giáo dục thể chất có tiền thân là khoa Nhạc - Họa - Thể dục của Trường Cao đẳng Hải Dương. Quá trình hình thành và phát triển của khoa có thể chia thành ba giai đoạn chính.

Giai đoạn từ năm 1960 đến năm 1996, khoa đào tạo theo địa chỉ các đơn ngành Cao đẳng Nhạc - Họa - Thể dục khoảng 150 đến 200 sinh viên mỗi năm. Khoa cũng tham gia bồi dưỡng giáo viên trình độ 10 + 3 lên trình độ Cao đẳng, trung bình 100 học viên/ lượt. Trong thời gian này, khoa đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách về đội ngũ, điều kiện cơ sở vật chất,... để khẳng định được vai trò, vị thế của mình; đóng góp không nhỏ cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh Hải Dương, tỉnh Hưng Yên và nhiều tỉnh khác.

Giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2010, do nhu cầu của việc dạy học tích hợp đối với các môn khoa học xã hội ở các trường THCS trong tỉnh, đồng thời nhằm giải quyết thực trạng giáo viên phải dạy “chéo môn”, dạy môn không được đào tạo, khoa đã chuyển hướng đào tạo từ đơn ngành thành song ngành, với một số mã ngành đào tạo mang tính tích hợp như Thể dục - Sinh, Thể dục - Công tác đội, Mỹ thuật - Gốm . Bên cạnh đó, khoa bắt đầu đào tạo một số ngành ngoài sư phạm như Mỹ thuật ứng dụng, Thiết kế đồ họa, thể hiện việc khoa bắt kịp với sự chuyển biến của xã hội và hội nhập với xu thế chung của các trường Cao đẳng và Đại học là đào tạo theo nhu cầu. Đây cũng là giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn của khoa khi chỉ tiêu đào tạo sinh viên ngành sư phạm giảm dần. Được sự tin nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương, giảng viên của khoa đã tham gia vào đội ngũ cốt cán thay sách giáo khoa do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì.

Giai đoạn từ năm 2010 đến nay, khoa tiếp tục đào tạo các ngành sư phạm thể chất và ngoài sư phạm thể chất đảm nhiệm một số học phần Nhạc - Họa Thể dục ở ngành Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Sư phạm Tiếng Anh và các khoa trong nhà trường . Khoa cũng cung cấp nhiều nguồn nhân lực cho hai trường THCS Chu Văn An và trường THPT Chu Văn An. Các giảng viên trong khoa được giao nhiệm vụ

ở trường THCS và THPT đều nỗ lực “làm mới” mình để đáp ứng được yêu cầu của giáo dục phổ thông.

Ở mỗi giai đoạn nói trên, các giảng viên trong khoa luôn chủ động, tích cực tự học, tự bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học để nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghề nghiệp. So với các khoa khác trong nhà trường, ngoài công việc giảng dạy ở trường các giảng viên của khoa không chỉ đăng kí đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường mà còn là thành viên, chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, có kết quả nghiệm thu đều đạt loại Giỏi, loại Xuất sắc.

Như vậy, bằng quá trình đào tạo bài bản có nền tảng là sự tâm huyết và sáng tạo của các thầy cô, từ khi thành lập cho đến nay, trải qua ba giai đoạn hoạt động, khoa Nhạc - Họa - Thể dục đã làm tròn sứ mệnh của mình là đào tạo nhiều thế hệ giáo viên trung học cơ sở với chất lượng cao. Nhiều sinh viên của khoa trưởng thành, sau một số năm trải nghiệm nghề nghiệp đã đảm nhiệm cương vị hiệu trưởng ở các trường THCS hoặc công tác ở các Vụ, Viện... Với những thành tích này, khoa nhiều lần được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương tặng Bằng khen.

Sau khi Trường Cao đẳng Hải Dương sáp nhập vào Trường Đại học Hải Dương, khoa Nhạc - Họa - Thể dục với bề dày, thương hiệu trong quản lí, đào tạo giáo viên các ngành khoa Nhạc - Họa - Thể dục (Âm Nhạc, Mỹ thuật, Thể dục) trình độ cao đẳng, khoa Nhạc - Họa - Thể dục của Trường Đại học Hải Dương hoàn toàn có thể làm tốt chức năng quản lí, đào tạo ngành Giáo dục thể chất trình độ đại học.

PHẦN 2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1.1. Sự phù hợp với nhu cầu đào tạo, nhu cầu nhân lực

Trong báo cáo tổng kết năm học 2021 - 2022, triển khai nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiện nay toàn quốc có 86,1% giáo viên THCS và 99,9% giáo viên THPT đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019. Mặt khác, theo báo cáo tại phiên giải trình do Ủy ban Văn hóa, Giáo dục tổ chức ngày 25 tháng 02 năm 2022, cả nước thiếu 14.653 giáo viên THCS, 11.133 giáo viên THPT. Về cơ bản, tỉ lệ và số liệu này cho thấy đội ngũ giáo viên chưa hẳn đã đáp ứng được yêu cầu về số lượng và chất lượng giáo viên trung học thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Trước tình hình thiếu giáo viên, ngày 02 tháng 8 năm 2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 3585/BGDĐT-NGCBQLGD gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc triển khai tuyển dụng biên chế giáo viên mầm non, phổ thông theo Quyết định số 72-QĐ/TW của Bộ Chính trị ngày 18 tháng 7 năm 2022. Cụ thể là Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo khẩn trương triển khai tổ chức tuyển dụng 27.850 biên chế giáo viên mầm non và phổ thông bổ sung cho các tỉnh, thành phố năm học 2022 - 2023. Mặt khác, trong định hướng chiến lược đào tạo giáo viên, từ năm 2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao chỉ tiêu đào tạo sư phạm theo nhu cầu của các địa phương. Năm 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao 69.630 chỉ tiêu cho 102 trường đào tạo giáo viên trên cả nước, nếu so với năm 2019 thì chỉ tiêu năm 2020 tăng tương đương 64% (năm 2019 là 44.076 chỉ tiêu). Việc giao tăng chỉ tiêu này nhằm đảm bảo lộ trình thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông mới.

Do đó, đào tạo giáo viên trung học nói chung, giáo viên Giáo dục thể chất trình độ đại học nói riêng trong những cơ sở giáo dục đại học có đủ điều kiện bảo đảm chất lượng là việc làm phù hợp để giải quyết bài toán thực tế và thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của Đảng và Nhà nước.

Hải Dương, xét về vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên, nằm ở vị trí trung tâm Đồng bằng sông Hồng, thuộc tam giác kinh tế trọng điểm phía Bắc (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh), tiếp giáp với các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh, Thái Bình, Hưng Yên và thành phố cảng Hải Phòng; có tiềm năng lớn về sản xuất vật liệu xây dựng, như đá vôi, đất sét, cao lanh, quặng bô-xít,... Ở khía cạnh hệ thống giao thông và cơ sở hạ tầng, Hải Dương có các tuyến đường bộ (quốc lộ 5A, 188, 18,...), đường sắt (tuyến Hà Nội - Hải Phòng đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa qua bẫy

trạm trên dọc tuyến đường), đường thủy (tuyến đường thủy dài 400 km rất thuận tiện cho việc vận chuyển của các loại tàu bè có trọng tải khoảng 500 tấn); gần hai sân bay - sân bay quốc tế Nội Bài Hà Nội và sân bay Cát Bi Hải Phòng. Hải Dương cũng nổi bật ở phương diện văn hóa tâm linh với 1.098 khu di tích lịch sử, trong đó có 133 di tích quốc gia và nhiều khu di tích được xếp hạng đặc biệt quốc gia như Côn Sơn, Kiếp Bạc... Như vậy, Hải Dương là tỉnh hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... Đầu tư giáo dục và đào tạo nhằm ổn định và phát triển các yếu tố nói trên cho vùng đất là phen giậu phía đông của kinh thành Thăng Long xưa, thủ đô Hà Nội nay.

Kết quả cuộc Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình năm 2021 cho biết dân số Hải Dương là 1.936.774 người, mật độ dân số 1.161 người/km², đứng thứ tám trong cả nước. Với một tỉnh đông dân, mật độ dân số cao như Hải Dương thì vấn đề giáo dục đào tạo luôn luôn được các cấp chính quyền đặc biệt quan tâm.

Theo thống kê, năm học 2022 - 2023, Hải Dương có 26.815 giáo viên, cán bộ quản lý khối công lập, gồm 22.559 người trong diện biên chế, còn lại là hợp đồng. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019 của khối THPT đạt 100%, THCS đạt 93,5%, Tiểu học đạt 95,7%, Mầm non đạt 97%. So với nhu cầu giáo viên để thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông mới, năm học 2023 - 2024, toàn tỉnh Hải Dương thiếu 3.794 giáo viên các cấp, 1.194 giáo viên cấp THCS và THPT, trong đó có giáo viên Giáo dục thể chất

Như vậy, ngoài việc bổ sung cho những nơi hiện đang thiếu giáo viên Giáo dục thể chất, bổ sung cho những giáo viên Giáo dục thể chất hiện nay sắp hết tuổi công tác thì việc cung cấp nguồn giáo viên Giáo dục thể chất có trình độ đại học để đáp ứng cho quy mô học sinh THCS, THPT tăng lên trong những năm tới là rất quan trọng. Do đó, khi khảo sát nhu cầu người học và nhà tuyển dụng tại các trường THCS, THPT, 100% ý kiến cho rằng cần thiết có cơ sở đào tạo giáo viên trung học nói chung, giáo viên Giáo dục thể chất nói riêng trên địa bàn tỉnh để kịp thời bổ sung số giáo viên còn thiếu của các trường phổ thông, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 - 2030.

Trong thời gian tới, tỉnh Hải Dương tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương, chỉ đạo của ngành, Thủ tướng Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, trong đó có chương trình dạy học môn Giáo dục thể chất ở THCS, THPT. Chính vì vậy, Trường Đại học Hải Dương nhận thấy việc mở ngành Giáo dục thể chất trình độ đại học là xu hướng tất yếu, phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Hải Dương cũng như của khu vực Đồng bằng sông Hồng và cả nước.

1.2. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo

Mục tiêu phát triển Trường Đại học Hải Dương sau sáp nhập thành trường đại học trọng điểm của tỉnh Hải Dương và khu vực Đồng bằng sông Hồng là một trong những mục tiêu quan trọng của giáo dục Hải Dương. Việc đào tạo sinh viên Giáo dục thể chất trình độ đại học cho phép tận dụng tối đa nguồn nhân lực chất lượng cao của trường Đại học Hải Dương, đặc biệt là đội ngũ giảng viên sư phạm. Không chỉ vậy, nó còn nâng cao vị thế của trường Đại học Hải Dương tại tỉnh Hải Dương và khu vực, góp phần đưa trường Đại học Hải Dương trở thành đại học trọng điểm định hướng nghiên cứu đa ngành, trong đó có một số ngành mũi nhọn, tạo điều kiện hội nhập sâu rộng vào cộng đồng giáo dục đại học trong nước, quốc tế, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng.

Từ những lí do nêu trên, Trường Đại học Hải Dương xét thấy việc mở ngành đào tạo Giáo dục thể chất trình độ đại học là hoàn toàn cần thiết.

2. Khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành của cơ sở đào tạo

Thực hiện Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và các quy định pháp lí hiện hành có liên quan, Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương đã chỉ đạo, tổ chức việc xây dựng và đề xuất chủ trương về việc mở ngành đào tạo, cụ thể như sau:

Nhà trường đã cho khảo sát, phân tích về nhu cầu sử dụng giáo viên Ngữ văn trung học ở hiện tại và tương lai của tỉnh Hải Dương và các tỉnh khác trong khu vực, trên toàn quốc để làm rõ sự cần thiết của việc mở ngành đào tạo.

Hội đồng khoa học và đào tạo của nhà trường đã tổ chức thẩm định và có kết luận về đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo đã được xây dựng bảo đảm đầy đủ nội dung và chất lượng theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Trên cơ sở phê duyệt của Hội đồng Trường Đại học Hải Dương về chủ trương mở ngành đào tạo, Hiệu trưởng nhà trường đã chỉ đạo xây dựng đề án mở ngành đào tạo Giáo dục thể chất xây dựng chương trình đào tạo, thẩm định chương trình đào tạo, kiểm tra các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo của ngành.

Hội đồng Khoa học - Đào tạo Trường Đại học Hải Dương đã tổ chức thẩm định Đề án mở ngành đào tạo Giáo dục thể chất trình độ đại học, trong đó đã xem xét, đánh giá

kĩ điều kiện thực tế của Trường Đại học Hải Dương về mở ngành: tên ngành đào tạo, chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy - học trực tuyến và công tác tổ chức quản lí đối với ngành đào tạo đề xuất mở. Kết quả thẩm định của Hội đồng Khoa học - Đào tạo cho thấy Trường Đại học Hải Dương có đủ điều kiện để được mở ngành đào tạo theo quy định.

Trên cơ sở Hội đồng Khoa học - Đào tạo trường thông qua chương trình đào tạo của ngành Giáo dục thể chất trình độ đại học, Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương đã kí quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất trình độ đại học, mã số 7140206.

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Việc xây dựng, phát triển chương trình đào tạo luôn là thế mạnh của Trường Đại học Hải Dương. Nội dung chương trình đào tạo của các ngành đào tạo hiện nay của nhà trường thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, tăng cường thực hành nghề nghiệp, đảm bảo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Hải Dương thường xuyên tiếp cận với chương trình đào tạo của các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn và khu vực, gắn với thực tiễn để đào tạo phù hợp với nhu cầu của người học, với sự phát triển kinh tế - xã hội. Các ngành đào tạo đều được xây dựng chuẩn đầu ra, làm thước đo cho việc đào tạo. Các hội thảo đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới phương pháp học tập, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng của xã hội... được thực hiện cả ở cấp khoa và trường. Nội dung, chương trình đào tạo được triển khai theo hướng tăng cường rèn năng lực nghề nghiệp đã giúp sinh viên ra trường làm được việc ngay, đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng.

Hiệu trưởng nhà trường đã chỉ đạo tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất trình độ đại học đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục đại học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành. Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất trình độ đại học của nhà trường cụ thể như sau:

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Giáo dục thể chất
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Physical Education
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7140206
Khoa quản lý chương trình:	Khoa Nhạc - Họa - Thể dục
Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Thời gian đào tạo:	4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	125
Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo: 125 tín chỉ; - Đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; - Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh.

Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân sư phạm
Vị trí việc làm:	- Giảng dạy môn Giáo dục thể chất tại các trường phổ thông; - Làm chuyên viên ở các cơ sở giáo dục; - Làm chuyên viên ở các viện nghiên cứu (Viện Khoa học thể dục thể thao,...); - Giảng dạy Giáo dục thể chất tại các trường Cao đẳng, Đại học sau khi học bổ sung kiến thức, học lên bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ đáp ứng yêu cầu chuyên môn.
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	Thạc sĩ, Tiến sĩ trong nước và ngoài nước
Chương trình đào tạo tham khảo:	- Chương trình đào tạo Đại học Giáo dục thể chất Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội; - Chương trình đào tạo Đại học Giáo dục thể chất Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; - Chương trình đào tạo Đại học Giáo dục thể chất Trường Đại học Văn hóa - Thể thao và Du lịch.

CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;
- Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;
- Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào trường Đại học Hải Dương;

- Quyết định số 362/QĐ-ĐHHD ngày 28/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành quy chế về đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hải Dương.

1. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo giáo viên Giáo dục thể chất có trình độ đại học, có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, đáp ứng nhu cầu đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả dạy học môn thể dục trong các trường ở bậc học phổ thông, hoặc làm công tác quản lý phong trào Thể dục thể thao (viết tắt: TDTT) ở các Sở, Ngành, các đơn vị TDTT cơ sở tại các địa phương; có năng lực đảm đương công tác giảng dạy, nghiên cứu trong lĩnh vực TDTT và đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục trong các trường ở bậc học phổ thông về quy mô, chất lượng, hiệu quả, phục vụ sự nghiệp Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa đất nước; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tiếp tục học tập lên các bậc học cao hơn; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc, tự thích ứng để học tập suốt đời; có ý thức phục vụ nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Có kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về khoa học Giáo dục thể chất và các kiến thức liên ngành

PO2: Có kiến thức đầy đủ, hệ thống và hiện đại về khoa học giáo dục, phương pháp dạy học Giáo dục thể chất

PO3: Sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục thể chất và khoa học giáo dục.

PO4: Sử dụng thành thạo các kỹ năng dạy học Giáo dục thể chất: lập kế hoạch dạy học Giáo dục thể chất, thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học Giáo dục thể chất, kiểm tra đánh giá năng lực Giáo dục thể chất của học sinh.

PO5: Có năng lực phát triển chương trình Giáo dục thể chất, biên soạn tài liệu sách giáo khoa, tham khảo môn Giáo dục thể chất đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PO6: Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề khoa học giáo dục và khoa

học Giáo dục thể chất.

PO7: Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin, thiết bị dạy học hiện đại và ngoại ngữ trong dạy học Giáo dục thể chất.

PO8: Có một số năng lực khác như năng lực giao tiếp; năng lực tự học suốt đời; năng lực quản lý thời gian và tổ chức cuộc sống, thích ứng với những biến động của cuộc sống và xã hội; năng lực làm việc theo nhóm, hợp tác, chia sẻ.

PO9: Tuân thủ hiến pháp và luật pháp, có thái độ sống trung thực, trách nhiệm, có kỉ luật, tuyên truyền, vận động, tham gia các hoạt động xã hội có ích cho cộng đồng.

PO10: Rèn luyện đạo đức, tác phong người giáo viên; yêu nghề, say mê nghiên cứu và có ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa Việt.

PO11: Truyền tải và gìn giữ các giá trị của văn hóa truyền thống của Việt Nam và địa phương, phát huy các giá trị phù hợp với thời đại hội nhập, xây dựng các phẩm chất năng động, hội nhập của công dân toàn cầu.

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Chuẩn đầu ra

2.1.1. Về kiến thức

PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lí luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

PLO2: Vận dụng được các kiến thức tâm lí học, giáo dục học, quản lí nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

PLO3: Vận dụng được kiến thức chuyên môn toàn diện, hệ thống kiến thức ngành, nguyên tắc, phương pháp giảng dạy Giáo dục thể chất để lập luận phân tích và dạy học Giáo dục thể chất, giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

PLO4: Vận dụng được kiến thức cơ bản của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn để phát triển kiến thức mới, để có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

PLO5: Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học Giáo dục thể chất; khai thác, phát triển được học liệu, phương tiện dạy học hiệu quả để xử lí tốt các tình huống dạy học, giáo dục.

PLO6: Đánh giá được trình độ nhận thức, năng lực người học, nhu cầu phát triển năng lực người học để lựa chọn mức độ kiến thức, kĩ năng, phương pháp giáo dục cho phù hợp.

2.1.2. Về kĩ năng

PLO7: Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

PLO8: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin để tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lí học sinh.

PLO9: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

PLO10: Vận dụng được các tri thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức hoạt động trải nghiệm về Giáo dục thể chất cho học sinh trong môi trường giáo dục đa văn hóa.

PLO11: Vận dụng hiệu quả các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của người học trong học tập môn Giáo dục thể chất ở trường phổ thông.

PLO12: Vận dụng sáng tạo tri thức đã học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn ở trường phổ thông.

PLO13: Sử dụng linh hoạt kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp sư phạm trong dạy học Giáo dục thể chất và trong cuộc sống.

2.1.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO14: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.

PLO15: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời; đánh giá để đưa ra kết luận và có giải pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

PLO16: Có tư duy phản biện xã hội, tuyên truyền, lan tỏa những thông điệp tích cực đến học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh.

2.2. Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp

Chức danh nghề nghiệp	Giáo viên, nghiên cứu viên	Viên chức, cán bộ	Chuyên viên, nhà báo, biên tập viên	Phóng viên, biên tập viên	Giảng viên	Cán bộ huấn luyện viên
Môi trường làm việc						
Các cơ sở giáo dục phổ thông	2	0	0	0	0	0
Các cơ quan truyền thông, các tạp chí, nhà xuất bản	0	2	1	0	0	0
Cơ quan quản lý giáo dục, viện nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực giáo dục	0	2	2	0	0	0
Các cơ sở nghiên cứu Thể thao	2	2	2	0	0	2

Trường Đại học, Cao đẳng	0	0	0	0	2	0
Lĩnh vực Báo chí chuyên ngành	1	1	1	2	0	1
Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	1	2	2	1	0	0

Chú giải:

0	Không có vị trí việc làm tại môi trường làm việc tương ứng
1	Người học có thể làm được; người học sẽ làm được tốt hơn nếu tích lũy kinh nghiệm và học thêm (học bổ sung, học nâng cao trình độ)
2	Người học sẽ làm được ngay sau khi tốt nghiệp

2.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo bậc đại học ngành Giáo dục thể chất tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học các chuyên ngành: Quản lý thể thao, Tâm lý học thể thao, Sinh học thể thao, Y sinh học thể thao,... ở các cơ sở đào tạo trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ trong nước và nước ngoài.

* MA TRẬN TÍCH HỢP MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Tích “X” vào các ô tương thích)

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo										
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11
PLO1 (KT)	X	X									
PLO2 (KT)	X	X									
PLO3 (KT)	X	X									
PLO4 (KT)	X	X									
PLO5 (KT)	X	X									
PLO6 (KT)	X	X									
PLO7 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO8 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO9 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO10 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO11 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO12 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO13 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO14									X	X	X

(MĐTC&TN))											
PL015 (MĐTC&TN)									X	X	X
PL016 (MĐTC&TN)									X	X	X
Tổng	6	6	7	7	7	7	7	7	3	3	3

3. CHUẨN ĐẦU VÀO CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất trình độ đại học là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương, đáp ứng được:

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên cho đào tạo hình thức khác chính quy hoặc phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, cụ thể là học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

- Ngưỡng đầu vào do cơ sở đào tạo quy định đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019.

4. KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất trình độ đại học có khối lượng học tập là 125 tín chỉ, cộng với khối lượng Giáo dục Quốc phòng - An ninh theo quy định hiện hành.

5. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Giáo dục thể chất trình độ đại học gồm 125 tín chỉ. Trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 24 tín chỉ, có tỉ lệ 19,2%; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 101 tín chỉ, có tỉ lệ 80,8%. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được cấu thành bởi nhóm kiến thức cơ sở ngành (30 tín chỉ: 26 tín chỉ bắt buộc, 02 tín chỉ tự chọn; chiếm 24% toàn khối); nhóm kiến thức chuyên ngành (52 tín chỉ: 48 tín chỉ bắt buộc, 06 tín chỉ tự chọn; chiếm 41,6% toàn khối); nhóm nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm (12 tín chỉ; chiếm 11,88% toàn khối); nhóm khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế (07 tín chỉ; chiếm 6,93% toàn khối).

Cụ thể như sau:

Khối kiến thức	Loại học phần	Số tín chỉ
1. Kiến thức giáo dục đại cương (Không tính các học phần GDTC và GDQP - AN)		24 tín chỉ
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		101 tín chỉ
2.1. Kiến thức cơ sở ngành		30 tín chỉ
	+ Bắt buộc	26 tín chỉ
	+ Tự chọn	4 tín chỉ
2.2. Kiến thức chuyên ngành		52 tín chỉ
	+ Bắt buộc	48 tín chỉ
	+ Tự chọn	4 tín chỉ
2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm		12 tín chỉ
2.4. Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế		7 tín chỉ
TỔNG SỐ		125 tín chỉ

5.2. Nội dung Chương trình đào tạo

5.2.1. Khung Chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Ghi chú
				Lí thuyết	Bài tập, Thảo luận, Thực hành	Tự học	
1. Kiến thức giáo dục đại cương (Không tính các môn GDTC và GDQP - AN)			24				
Lí luận chính trị			11				
1	PLO001	Triết học Mác - Lênin	3	32	26	92	
2	PLO002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21	18	61	
3	PLO003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18	61	
4	PLO004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18	61	
5	PLO005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	18	61	
Giáo dục quốc phòng và an ninh							
6	ME006	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1		37	8		

7	ME007	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2		22	8		
8	ME008	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3		14	16		
9	ME009	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4		4	56		
Ngoại ngữ			7				
10	EN01	Tiếng Anh 1	3	30	30	90	
11	EN02	Tiếng Anh 2	4	45	30	125	
Khoa học Tự nhiên			2				
12	IT013	Tin học đại cương	2	15	30	55	
Khoa học Xã hội - Nhân văn			4				
13	PSY013	Pháp luật đại cương	2	21	18	61	
14	EDU014	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	2	21	18	61	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			101				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			30				
Các học phần bắt buộc			26				
15	PSE115	Tâm lí học	3	30	30	90	
16	PSE116	Giáo dục học	3	30	30	90	
17	CUL119	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	20	20	60	
18	PSE127	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15	30	55	
19	PHYE119	Giải phẫu học thể dục thể thao	3	30	30	90	
20	PHYE120	Sinh lí học thể dục thể thao	3	30	30	90	
21	PHYE121	Sinh hóa thể dục thể thao	3	30	30	90	
22	PHYE122	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	3	30	30	90	
23	PHYE123	Lịch sử thể dục thể thao và thể thao	2	20	20	60	

		trường học					
24	PHYE124	Thống kê và đo lường thể dục thể thao	2	20	20	60	
Các học phần tự chọn (Chọn 02 trong các học phần)			4				
25.1	PHYE325.1	Vệ sinh y học thể dục thể thao	2	20	20	60	
25.2	EDU325.2	Giáo dục môi trường	2	20	20	60	
25.3	PSE325.3	Giao tiếp sư phạm	2	15	30	55	
25.4	PHYE325.4	Quản lí thể dục thể thao	2	20	20	60	
2.2. Kiến thức chuyên ngành			52				
Các học phần bắt buộc			36				
26	MSP226	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 (Chạy trung bình, ngắn, tiếp, nhảy xa)	4	12	108	80	
27	MSP227	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ)	4	12	108	80	
28	MSP228	Phương pháp giảng dạy Công tác Đoàn - Đội	3	30	30	60	
29	MSP229	Phương pháp giảng dạy Thể dục	4	12	108	80	
30	MSP2230	Phương pháp giảng dạy Bóng đá	3	9	81	60	
31	MSP231	Phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	3	9	81	60	
32	MSP232	Phương pháp giảng dạy Bóng bàn	3	9	81	60	
33	MSP233	Phương pháp giảng dạy Bóng rổ	3	9	81	60	
34	MSP234	Phương pháp giảng dạy Cầu lông	3	9	81	60	

35	MSP235	Phương pháp giảng dạy Võ thuật	3	9	81	60	
36	MSP236	Phương pháp giảng dạy Aerobic	3	9	81	60	
Các học phần chuyên sâu (Chọn 01 trong 06 phân môn sau: Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Bóng bàn, Cầu lông, Võ thuật - học trong 4 kì)			12				
37.1	PHYE237.1	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 1	3	9	81	60	
37.2	PHYE237.2	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 2	3	9	81	60	
37.3	PHYE237.3	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 3	3	9	81	60	
37.4	PHYE237.4	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 4	3	9	81	60	
38.1	PHYE238.1	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 1	3	9	81	60	
38.2	PHYE238.2	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 2	3	9	81	60	
38.3	PHYE238.3	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 3	3	9	81	60	
38.4	PHYE238.4	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 4	3	9	81	60	
39.1	PHYE239.1	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 1	3	9	81	60	
39.2	PHYE239.2	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 2	3	9	81	60	
39.3	PHYE239.3	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 3	3	9	81	60	
39.4	PHYE239.4	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 4	3	9	81	60	
40.1	PHYE240.1	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 1	3	9	81	60	
40.2	PHYE240.2	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 2	3	9	81	60	

41.3	PHYE240.3	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 3	3	9	81	60	
40.4	PHYE240.4	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 4	3	9	81	60	
41.1	PHYE241.1	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 1	3	9	81	60	
41.2	PHYE241.2	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 2	3	9	81	60	
41.3	PHYE241.3	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 3	3	9	81	60	
41.4	PHYE241.4	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 4	3	9	81	60	
42.1	PHYE242.1	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 1	3	9	81	60	
42.2	PHYE242.2	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 2	3	9	81	60	
42.3	PHYE242.3	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 3	3	9	81	60	
42.4	PHYE242.4	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 4	3	9	81	60	
Các học phần tự chọn (Chọn 02 trong các học phần)			4				
43.1	MSP343.1	Phương pháp giảng dạy Đá cầu	2	6	48	56	
43.2	MSP343.2	Phương pháp giảng dạy Bơi lội	2	6	48	56	
43.3	MSP343.3	Phương pháp giảng dạy Khiêu vũ thể thao	2	6	48	56	
43.4	MSP343.4	Phương pháp giảng dạy Cờ vua	2	6	48	56	
2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm			12				
44	TMT244	Nghiệp vụ sư phạm 1	2	15	30	55	
45	TMT245	Nghiệp vụ sư phạm 2	2	15	30	55	
46	TMT246	Thực tập sư phạm 1	2		120		
47	TMT247	Thực tập sư phạm 2	6		360		
2.4. Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay			7				

- an ninh 4																
Tiếng Anh 1	0	0	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	2	0
Tiếng Anh 2	0	0	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	2	0
Tin học đại cương	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2	0
Pháp luật đại cương	3	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Quản lí HCNN và quản lí ngành GDĐT	1	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Tâm lí học	0	3	0	0	0	0	2	3	0	0	0	0	0	2	1	0
Giáo dục học	0	3	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0
Cờ sở văn hóa Việt Nam	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	2	3	2
Phương pháp nghiên cứu khoa học	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	2	3	2
Giải phẫu học thể dục thể thao	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Sinh lí học thể dục thể thao	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Sinh hóa thể dục thể thao	1	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	1	3	3
Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	0	1	3	3	3	2	2	3	1	3	3	3	3	0	3	2
Lịch sử thể dục thể thao và thể thao trường học	0	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	2	3	3
Thống kê và đo lường thể dục thể thao	0	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	2	3	3
Vệ sinh y học thể dục thể thao	0	1	3	3	3	2	2	3	1	3	3	3	3	0	3	2

thao																
Giáo dục môi trường	0	1	3	3	3	2	2	3	1	3	3	3	3	0	3	2
Giao tiếp sự phạm	0	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	2	3	3
Quản lý thể dục thể thao	2	1	0	0	0	0	1	0	0	2	1	0	0	1	2	0
Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 (Chạy trung bình, ngắn, tiếp, nhảy xa)	2	1	0	0	0	0	1	0	0	2	1	0	0	1	2	0
Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ)	0	3	0	0	0	0	3	3	0	0	0	0	0	3	3	0
Phương pháp giảng dạy Công tác Đoàn - Đội	0	0	3	3	3	1	2	2	1	3	3	3	3	1	3	2
Phương pháp giảng dạy Thể dục	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	0	3	2
Phương pháp giảng dạy Bóng đá	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	0	3	2
Phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	0	3	2
Phương pháp giảng dạy Bóng bàn	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	0	3	2
Phương pháp giảng dạy Bóng rổ	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	0	3	2
Phương pháp giảng dạy Cầu lông	1	1	3	3	2	2	1	1	0	3	2	1	3	1	3	2

Phương pháp giảng dạy Võ thuật	1	1	3	3	2	2	1	1	0	3	2	1	3	1	3	2
Phương pháp giảng dạy Aerobic	1	1	3	3	2	2	1	1	0	3	2	1	3	1	3	2
Thể thao chuyên sâu Bóng đá 1	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	2	3	2
Thể thao chuyên sâu Bóng đá 2	0	1	3	3	3	2	3	2	1	2	3	3	3	1	3	2
Thể thao chuyên sâu Bóng đá 3	1	1	3	3	3	2	3	2	1	2	2	3	3	2	3	3
Thể thao chuyên sâu Bóng đá 4	1	1	3	3	3	2	3	2	1	2	2	3	3	2	3	3
Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	1	1	1
Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 2	1	1	3	3	3	2	2	3	0	2	2	3	3	1	3	3
Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 3	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 4	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 2	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 3	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 4	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2	2	1	2
Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 1	1	1	3	3	3	1	1	0	0	2	2	1	2	1	2	2
Thể thao chuyên sâu	0	1	3	3	3	2	3	3	1	3	3	3	3	0	3	2

Bóng bàn 2																
Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 3	0	1	3	2	3	1	2	2	0	2	3	2	3	0	3	1
Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 4	1	1	3	3	3	2	3	2	1	2	2	3	3	2	3	3
Thể thao chuyên sâu Cầu lông 1	1	1	3	3	3	2	3	2	1	2	2	3	3	2	3	3
Thể thao chuyên sâu Cầu lông 2	1	1	3	3	3	2	3	2	1	2	2	3	3	2	3	3
Thể thao chuyên sâu Cầu lông 3	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	1	1	1
Thể thao chuyên sâu Cầu lông 4	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Thể thao chuyên sâu Võ thuật 1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Thể thao chuyên sâu Võ thuật 2	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Thể thao chuyên sâu Võ thuật 3	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Thể thao chuyên sâu Võ thuật 4	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Phương pháp giảng dạy Đá cầu	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Phương pháp giảng dạy Bơi lội	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Phương pháp giảng dạy Khiêu vũ thể thao	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Phương pháp giảng dạy Cờ vua	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Nghiệp vụ sư phạm 1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Nghiệp vụ sư phạm 2	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Thực tập sư phạm 1	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2	2	1	2
Thực tập sư phạm 2	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2	2	1	2

Khóa luận tốt nghiệp	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2	2	1	2
Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	0	1	3	2	3	1	2	2	0	2	3	2	3	0	3	1
Sinh lí học thể dục thể thao	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2	2	1	2

Ghi chú: Dùng thang đánh giá mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp thấp; 2 - Đóng góp trung bình; 3 - Đóng góp cao.

(Các học phần trong chương trình đều tham gia đóng góp vào bảng ma trận CDR)

5.2.3. Kế hoạch đào tạo

Chương trình đào tạo Giáo dục thể chất trình độ đại học thực hiện trong 04 năm với 08 học kì, trong đó học kì 1 với 18 tín chỉ, học kì 2 là 17 tín chỉ, học kì 3 với 16 tín chỉ, học kì 4 là 12 tín chỉ, học kì 5 với 17 tín chỉ, học kì 6 là 14 tín chỉ, học kì 7 với 15 tín chỉ, học kì 8 là 16 tín chỉ. Cụ thể như sau:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Kì I			18	
Bắt buộc			18	
1	PLO001	Triết học Mác-Lênin	3	
2	EN01	Tiếng Anh 1	3	
3	PSE115	Tâm lí học	3	
4	PHYE237.1- PHYE242.1	Thể thao chuyên sâu 1	3	
5	MSP226	Phương pháp giảng dạy điền kinh 1 (Chạy trung bình, ngắn, tiếp , nhảy xa)	4	
6	IT013	Tin học đại cương	2	
Kì II			17	
Bắt buộc			17	
1	PLO002	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	2	
2	PSE116	Giáo dục học	3	
3	PHYE237.2- PHYE242.2	Thể thao chuyên sâu 2	3	

4	PHYE119	Giải phẫu học thể dục thể thao	3	
5	PHYE123	Lịch sử thể dục thể thao và thể thao trường học	2	
6	MSP227	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ)	4	
Kì III			16	
Bắt buộc			14	
1	PLO003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
2	EN013	Tiếng Anh 2	4	
3	PHYE237.3- PHYE242.3	Thể thao chuyên sâu 3	3	
4	PHYE124	Thống kê và đo lường thể dục thể thao	2	
5	MSP228	Phương pháp giảng dạy Công tác Đoàn – Đội	3	
Tự chọn			2	
6.1	PHYE325.1	Vệ sinh Y học Thể dục thể thao	2	
6.2	EDU325.2	Giáo dục môi trường	2	
6.3	PSE325.3	Giao tiếp sư phạm	2	
	PHYE325.4	Quản lý thể dục thể thao	2	
Kì IV			12	
Bắt buộc			12	
1	PLO004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
2	PSY013	Pháp luật đại cương	2	
3	PHYE237.4- PHYE242.4	Thể thao chuyên sâu 4	3	
4	CUL119	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
5	MSP236	Phương pháp giảng dạy Aerobic	3	
Kì V			17	
Bắt buộc			17	
1	PO005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
2	MSP229	Phương pháp giảng dạy Thể dục	4	
3	MSP230	Phương pháp giảng dạy Bóng đá	3	
4	MSP231	Phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	3	
5	PHYE120	Sinh lý học thể dục thể thao	3	
6	TMT244	Nghiệp vụ sư phạm 1	2	
Kì VI			14	

Bắt buộc			9	
1	MSP233	Phương pháp giảng dạy Bóng rổ	3	
2	MSP234	Phương pháp giảng dạy Cầu lông	3	
3	TMT246	Thực tập sư phạm 1	2	
Tự chọn . (chọn 3 trong các học phần)			6	
4.1	MSP343.1	Phương pháp giảng dạy Đá cầu	2	
4.2	MSP343.2	Phương pháp giảng dạy Bơi lội	2	
4.3	MSP343.3	Phương pháp giảng dạy Khiêu vũ thể thao	2	
4.4	MSP343.4	Phương pháp giảng dạy Cờ vua		
Kì VII			15	
Bắt buộc			15	
1	EDU014	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	2	
2	MSP232	Phương pháp giảng dạy Bóng bàn	3	
3	MSP235	Phương pháp giảng dạy Võ thuật	3	
4	PHYE121	Sinh hóa thể dục thể thao	3	
5	TMT245	Nghiệp vụ sư phạm 2	2	
6	PSE127	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
Kì VIII				
Bắt buộc			16	
1	PHYE122	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	3	
2	TMT247	Thực tập sư phạm 2	6	
3	LIT448A	Khóa luận tốt nghiệp	7	
Thay thế khóa luận tốt nghiệp			7	
3.1.1	LIT448B.1	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	4	
3.1.2	LIN448B.2	Sinh lý học thể dục thể thao	3	

5.2.4. Mô tả học phần

1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊ NIN (3 tín chỉ)

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại

cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó sinh viên có được kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật, xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng vào việc nhận thức, cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.

2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN (2 tín chỉ)

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền của chủ nghĩa Mác - Lênin và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần bao gồm các nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hoá, thị trường và vai trò của chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Học phần giúp sinh viên phát triển tư duy logic, phương pháp suy luận đồng thời trang bị kiến thức cơ sở quan trọng giúp sinh viên học tốt các học phần chuyên ngành sau này.

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (2 tín chỉ)

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ. Học phần bao gồm các nội dung: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2 tín chỉ)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị

văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần.

5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam làm rõ đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ xâm lược (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 1 (45 tiết)

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lí luận của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh gồm: Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kì.

7. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 2 (30 tiết)

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng ta hiện nay bao gồm: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kĩ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao; đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề về dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

8. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 3 (30 tiết)

Học phần nghiên cứu các kiến thức, kỹ năng chiến thuật, kỹ thuật quân sự cần thiết như: kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, một số phương tiện chỉ huy và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; hiểu biết về phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; hiểu biết và xử lý các vết thương chiến tranh; thực hành rèn luyện đội ngũ từng người và đơn vị; thực hành sử dụng vũ khí bộ binh và chiến thuật tiến công, phòng ngự từng người.

9. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 4 (60 tiết)

Học phần nghiên cứu về quân binh chủng, cụ thể là tổ chức lực lượng trong các quân binh chủng - công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội và công an; lịch sử truyền thống quân binh chủng - lịch sử truyền thống của quân đội và công an; đồng thời tham quan các học viện, đơn vị, bảo tàng.

10. TIẾNG ANH 1 (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MYELT và lớp học ảo, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

11. TIẾNG ANH 2 (4 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có to, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Những kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một vài quốc gia trên thế giới. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MYELT và lớp học ảo, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

12. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính, xử lý lỗi cơ bản của máy tính, hệ điều hành; Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word; Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; Thao tác với slide, định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide, tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; Mạng máy tính và an toàn thông tin, một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

13. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và đề cập tới một số ngành luật cơ bản của Việt Nam hiện nay nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về nhà nước, pháp luật nói chung và nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng. Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 6 chương. Chương 1,2 là các vấn đề cơ bản về nhà nước, pháp luật. Chương 3,4,5 là những nội dung cơ bản về pháp luật chuyên ngành như Luật Hành chính Việt Nam; Luật Dân sự Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam. Chương 6 là pháp luật về phòng chống tham nhũng.

14. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NN VÀ QUẢN LÝ NGÀNH GDĐT (2 tín chỉ)

Học phần Quản lý hành chính NN và quản lý ngành GDĐT là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước (tính chất, nội dung, phương pháp, luật,...); quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo (tính chất, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, bộ máy quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và đào tạo). Trên cơ sở đó, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân, trong việc giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

15. TÂM LÝ HỌC (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về tâm lý: Bản chất, quá trình nảy sinh, quy luật hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý; mối quan hệ giữa các hiện tượng tâm lý, chức năng vai trò của tâm lý đối với hoạt động của con người; giúp sinh viên hiểu bản chất và quy luật của sự phát triển con người trong quá trình phát triển cá thể, từ đó vận dụng vào công tác tham vấn, giáo dục học sinh ở phổ thông. Học phần còn trang bị cho người học những tri thức tâm lý về sự phát triển tâm lý, quy luật phát triển tâm lý ở con người và các đặc điểm tâm lý điển hình, đặc trưng ở các giai đoạn lứa tuổi nhằm mục đích mô tả một cách khái quát nhất chân dung tâm lý của con người ở từng giai đoạn lứa tuổi cũng như ứng dụng những tri thức

đó để quá trình giáo dục, dạy học được tổ chức phù hợp với tâm lí lứa tuổi.

16. GIÁO DỤC HỌC (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những tri thức khoa học và các khái niệm cơ bản của giáo dục học; vai trò của giáo dục đối với sự phát triển con người và xã hội; chiến lược phát triển giáo dục và việc tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Sinh viên hiểu được bản chất của quá trình dạy học. Học phần tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng các nguyên tắc dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học trong tổ chức quá trình dạy học. Học phần cung cấp cho người học hiểu biết bản chất của quá trình giáo dục nghĩa hẹp, động lực căn bản trong phát triển toàn diện nhân cách con người. Trên cơ sở các nguyên tắc, phương pháp giáo dục, sinh viên có khả năng giải quyết các tình huống sư phạm. Từ đó góp phần hình thành phẩm chất yêu trẻ yêu nghề, thế giới quan khoa học, năng lực sư phạm như tổng hợp, phân tích tài liệu, thuyết trình, năng lực sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học...

17. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên nắm bắt những đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại (tiến trình văn hóa Việt Nam, không gian văn hóa Việt Nam); chỉ rõ loại hình văn hóa Việt Nam, các yếu tố cấu thành văn hóa Việt Nam và nội hàm của các yếu tố đó. Làm sáng tỏ văn hóa Việt Nam là tổng hòa các giá trị vật chất và tinh thần do các thế hệ người Việt Nam tạo nên trong quá trình tương tác với tự nhiên, xã hội và con người: Tác động đến tự nhiên như: ăn, ở, mặc...; Tác động đến xã hội như: phong tục tập quán, tôn giáo, triết học, đạo đức...; Tác động đến chính con người: các giá trị như Chân Thiện Mỹ. Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần đại cương về văn hóa Việt Nam, cung cấp một cái nhìn toàn diện về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó giáo dục lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm của mỗi công dân đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam.

18. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những thông tin, những kiến thức cơ bản, trong nghiên cứu khoa học, những kĩ thuật cần thiết để tiếp cận phương pháp thực nghiệm và cách trình bày các kết quả nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó giúp người học hiểu ý nghĩa của công tác nghiên cứu khoa học, có kĩ năng phát hiện và lựa chọn và tổ chức, triển khai các nội dung nghiên cứu. Hình thành ý thức học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực, độc lập, luôn có ý thức học hỏi, phê phán đánh giá, rút kinh nghiệm cho bản thân. Hình thành tính trung thực trong học tập và trong công tác nghiên cứu khoa học sau này.

19. GIẢI PHẪU HỌC THỂ DỤC THỂ THAO (3 tín chỉ)

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về cấu tạo các cơ quan, các cơ chế, các quá trình sinh lí diễn ra ở các mức độ từ tế bào đến cơ thể của người. Mặt khác học phần còn cung cấp vai trò và hệ thống thần kinh và sự phát triển của các hệ cơ, xương, khớp trong cơ thể cũng như ảnh hưởng của các bài tập thể dục thể thao đến chức năng sinh lí trong cơ thể, để đảm bảo sự thống nhất trong nội bộ cơ thể như giữa cơ thể với môi trường và tác động của hoạt động thể dục thể thao lên cơ thể.

20. SINH LÝ HỌC THỂ DỤC THỂ THAO (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chức năng và cơ chế hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người ở điều kiện bình thường và những biến đổi ở các cơ quan dưới tác động của các hoạt động TDTT, từ đó làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và ứng dụng các kiến thức về sinh lí học TDTT vào thực tiễn hoạt động giảng dạy, tập luyện thể thao sau này để nâng cao trình độ thể lực và thành tích thi đấu.

21. SINH HÓA HỌC THỂ DỤC THỂ THAO (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất và sự chuyển hóa các phân tử trong cơ thể sống; diễn biến các quá trình sinh hoá xảy ra trong cơ thể người khi thực hiện các bài tập TDTT. Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả trong tập luyện và thi đấu TDTT nói riêng và công tác giáo dục thể chất và TDTT nói chung.

22. LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học TDTT như khái niệm, vai trò của TDTT, các phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy,... Hình thành kĩ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong TDTT.

23. LỊCH SỬ THỂ DỤC THỂ THAO VÀ THỂ THAO TRƯỜNG HỌC (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục thể chất như khái niệm, vai trò của giáo dục thể chất, các phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy,... Hình thành kĩ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong giáo dục thể chất.

Phần lịch sử TDTT trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về nguồn gốc và lịch sử phát triển TDTT trên thế giới và ở Việt Nam. Trên cơ sở đó sinh viên có nhận thức đúng đắn về vai trò và vị trí to lớn của TDTT trong đời sống xã hội loài người.

24. THỐNG KÊ VÀ ĐO LƯỜNG THỂ DỤC THỂ THAO (2 tín chỉ)

Thống kê và đo lường thể dục thể thao là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của ngành Giáo dục thể chất và Quản lí Thể dục thể thao. Môn học trang bị và bổ sung cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản liên quan đến phương pháp thống kê trong TDTT: cách trình bày số liệu; lí luận cơ bản về thống kê mô tả, các tham số đặc

trung, ước lượng các giá trị trung bình, so sánh các tham số đặc trưng hay kiểm định, so sánh hai hay nhiều phương pháp huấn luyện, phương pháp giảng dạy; phân tích tương quan, hồi quy giữa các đặc tính. Môn học còn cung cấp kiến thức cơ bản về xử lý số liệu của phép đo; đo lường trong TDDT; Cơ sở lý thuyết của TEST và lý thuyết đánh giá vận động viên, các cách đánh giá, thang độ và đơn vị sử dụng trong đo lường, phương pháp đo; áp dụng khi đo thực tế các chỉ tiêu đánh giá thể chất của vận động viên, của nhân dân; xác định tiêu chuẩn tuyển chọn vận động viên cũng như đánh giá thành tích thể thao trong tuyển chọn, huấn luyện, thi đấu, các hoạt động giáo dục thể chất và thể thao quần chúng.

25.1. VỆ SINH Y HỌC THỂ DỤC THỂ THAO (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp vệ sinh cá nhân, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường và vệ sinh trong luyện tập TDDT, tính chất và sự chuyển hóa các phân tử trong cơ thể sống; nguyên tắc vệ sinh tập luyện và thi đấu một số môn thể thao. Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất và tập luyện TDDT.

25.2. GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học môi trường, về dân số; thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; những vấn đề về ô nhiễm môi trường và sự phát triển bền vững; phân tích được mối quan hệ dân số - tài nguyên - môi trường để từ đó nhận thức được những nội dung về bảo vệ môi trường, cơ sở khoa học của việc bảo vệ môi trường. Đồng thời, người học còn vận dụng kiến thức về giáo dục môi trường trong giảng dạy bộ môn ở nhà trường phổ thông và giải quyết những tình huống cụ thể trong thực tiễn liên quan đến môi trường, tài nguyên thiên nhiên để hướng tới sự phát triển bền vững.

25.3. GIAO TIẾP SƯ PHẠM (2 tín chỉ)

Học phần Giao tiếp sư phạm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về người giáo viên phổ thông như: vai trò, vị trí, đặc trưng, tính chất, phẩm chất, đạo đức nghề, năng lực, chuẩn nghề nghiệp giáo viên; đồng thời học phần là cơ hội để sinh viên thực hành rèn luyện những kỹ năng cơ bản của người giáo viên nhằm thực hiện tốt vai trò người giáo viên phổ thông như: kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng tổ chức và kết nối các lực lượng trong tổ chức các hoạt động cộng đồng, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm... Trên cơ sở đó, học phần góp phần bồi dưỡng thái độ nghề nghiệp cần thiết của người giáo viên như: yêu trẻ, yêu nghề, linh hoạt, sáng tạo trong các tình huống giao tiếp sư phạm, trong xử lý tình huống sư phạm...

25.4. QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO (2 tín chỉ)

Quản lý thể dục thể thao là môn học cơ sở, chủ yếu trong chương trình đào tạo

cử nhân ngành giáo dục thể chất. Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về hệ thống quản lý nhà nước và quản lý xã hội ở Việt Nam; quản lý thể dục thể thao; phương pháp quản lý; hoạt động quản lý; chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam và quản lý công tác TDTT trong trường học. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn quản lý công tác TDTT trong trường học các cấp.

26. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY ĐIỀN KINH 1 (CHẠY TRUNG BÌNH, NGẮN, TIẾP, NHẢY XA) (4 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 thuộc thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh (chạy cự li trung bình, chạy ngắn, nhảy xa) có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực. Môn Điền kinh trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn điền kinh như: chạy cự li trung bình, chạy ngắn, nhảy xa và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn điền kinh.

27. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY ĐIỀN KINH 2 (NHẢY CAO, NÉM BÓNG, ĐẨY TẠ) (4 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 là môn thể thao trong chương trình đào tạo, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực chung. Môn điền kinh 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn điền kinh như: Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài một số nội dung chính của môn điền kinh.

28. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CÔNG TÁC ĐOÀN - ĐỘI (3 tín chỉ)

Học phần phương pháp giảng dạy công tác Đoàn – Đội là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo, có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm hỗ trợ phát triển thân thể. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và các kỹ năng cơ bản về Công tác Đoàn – Đội như: Lịch sử hình thành và phát triển, mục đích, tính chất và nhiệm vụ, hệ thống tổ chức; các nghi thức, đội hình đội ngũ; Những hoạt động nghiệp vụ của Đoàn - Đội; Hoạt động ngoài giờ lên lớp; nguồn gốc trò chơi vận động, đặc điểm, tác dụng, vai trò của trò chơi vận động trong hệ thống giáo dục; Biết tổ chức, sáng tác trò chơi vận động.

29. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY THỂ DỤC (4 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Thể dục là môn học bắt buộc dành cho sinh viên chuyên GDTC của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lý thuyết môn Thể dục, Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không, bài tập phát triển

chung với dụng cụ. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn Thể dục, phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khoẻ hàng ngày. Môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.

30. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY BÓNG ĐÁ (3 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết: lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật; về phương pháp giảng dạy. Hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá; Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.

31. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY BÓNG CHUYỀN (3 tín chỉ)

Bóng chuyền là một môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất, quản lý thể dục thể thao và huấn luyện thể thao ở nước ta. Nội dung môn học được chia làm 3 tín chỉ, mỗi tín chỉ chia làm 2 phần lý thuyết và thực hành. Tín chỉ 1 giới thiệu lịch sử phát triển môn bóng chuyền, phương pháp giảng dạy kỹ thuật cơ bản như các bước di chuyển, chuyền bóng cao tay, chuyền bóng thấp tay, ngã nghiêng chuyền bóng; Tín chỉ 2 rèn luyện kỹ năng phát bóng thấp tay, phát bóng cao tay và nhảy phát. Thông qua môn học đồng thời trang bị cho người học những kỹ năng và nghiệp vụ chuyên môn cơ bản phục vụ cho công tác giảng dạy, tổ chức thi đấu và huấn luyện trong trường học các cấp, rèn luyện cho người học ý thức tự giác, tích cực, ý chí, nghị lực khắc phục khó khăn tự vươn lên. Tín chỉ 3 giới thiệu vai trò tác dụng của môn bóng chuyền, sự phát triển điển hình ở Việt Nam và thực hành rèn luyện kỹ năng đập bóng.

32. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY BÓNG BÀN (3 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức lịch sử môn học, vị trí và tác dụng của môn bóng bàn trong hệ thống giáo dục thể chất, nguyên lý chung về đánh bóng bàn, đồng thời biết cách biên soạn tài liệu môn học, phương pháp giảng dạy và huấn luyện, cách thức tổ chức giải bóng bàn, phương pháp trọng tài và luật thi đấu.

Trang bị cho sinh viên những kỹ thuật, chiến thuật; các bài tập phát triển thể lực chung, phương pháp tổ chức giảng dạy và huấn luyện bóng bàn, phương pháp trọng tài và tổ chức thi đấu. Ngoài ra, học phần còn giáo dục, giáo dưỡng cho sinh viên những phẩm chất đạo đức tốt; nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

33. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY BÓNG RỔ (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về: Lịch sử phát triển môn bóng rổ; một số điều luật và các kỹ thuật, chiến thuật thi đấu; phương pháp trọng tài. Thực hành các kỹ thuật: các bước di chuyển trong bóng rổ; dẫn bóng; kỹ thuật chuyền và bắt bóng bằng hai tay trước ngực; kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay dưới thấp; kỹ thuật tại chỗ cầm bóng qua người; chiến thuật tấn công nhanh; chiến thuật phòng thủ khu vực; phương pháp lên lớp; phương pháp thi đấu và thực hành trọng tài.

34. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CẦU LÔNG (3 tín chỉ)

Cầu lông thuộc môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Môn Cầu lông trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn cầu lông.

35. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÕ THUẬT (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật. Chương trình huấn luyện của môn võ thuật là nhấn mạnh vào tinh thần đoàn kết, tính mạnh mẽ và kiên cường, Tuy nhiên điểm then chốt của môn võ thuật là sự triển khai tính đạo đức và giúp người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, phát triển toàn diện tố chất thể lực.

36. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY AEROBIC (3 tín chỉ)

Aerobic là môn học bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành GDTC của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung môn học bao gồm: Lý thuyết Aeroic; bảy bước cơ bản của Aerobic; Các tư thế cơ bản Aerobic; các nhóm động tác độ khó Aerobic; Bài Aerobic. Ngoài kiến thức cơ bản, môn học còn trang bị cho sinh viên phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả môn học, phát triển năng lực tự học, tự rèn luyện, góp phần giáo dục phẩm chất đạo đức, tinh thần tập thể, rèn luyện ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.

37.1 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG ĐÁ (3 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết: lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật; về phương pháp giảng dạy. Hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng

đá; Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.

37.2 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG ĐÁ (3 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu, củng cố và nắm bắt một số nguyên lý kỹ chiến thuật thực hành cơ bản. Về lý thuyết, củng cố lại phương pháp trọng tài, hiểu và biết phân tích các kỹ thuật bóng đá cơ bản và phương pháp giảng dạy, công tác tổ chức thi đấu một giải bóng đá. Củng cố và cập nhật những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: củng cố các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá. Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá

37.3 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG ĐÁ (3 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho sinh viên và Củng cố và HT, Củng cố và HT, nắm bắt một số nguyên lý kỹ-chiến thuật thực hành cơ bản. Về lý thuyết: hiểu được khái niệm, nguyên lý chiến thuật và biết phân tích chiến thuật. Nhằm nâng cao khả năng tư duy, nhận thức về môn học và cập nhật những kiến thức về sự thay đổi của Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: Củng cố và HT và Củng cố và HT các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá. Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.

37.4 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG ĐÁ (3 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho sinh viên hoàn thiện và củng cố về các kỹ-chiến thuật thực hành từ cơ bản đến nâng cao. Về lý thuyết: người học sẽ nắm được về cách lập tiến trình giảng dạy, kế hoạch huấn luyện, biên soạn giáo án và công tác nghiên cứu khoa học trong môn bóng đá. Nhằm nâng cao khả năng tư duy, nhận thức về môn học và cập nhật những kiến thức về sự thay đổi của Luật bóng đá. Về thực hành: Củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá. Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.

38.1 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG CHUYỀN (3 tín chỉ)

Bóng chuyền thuộc môn thể thao chuyên sâu trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần tự chọn có nội dung rất đa dạng và phong phú, nhằm trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền. Bóng chuyền trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Bóng chuyền chuyên sâu 1 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của các bài tập Bóng chuyền như: Kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật

phát bóng, Chuyên bóng thấp tay, chuyên bóng cao tay; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn Bóng chuyên.

38.2 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG CHUYÊN (3 tín chỉ)

Bóng chuyên thuộc môn thể thao chuyên sâu trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần tự chọn có nội dung rất đa dạng và phong phú, nhằm trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyên. Bóng chuyên trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Bóng chuyên chuyên sâu 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của các bài tập Bóng chuyên như: Kỹ thuật đập bóng ở vị trí số 2, kỹ thuật đập bóng ở vị trí số 3, kỹ thuật đập bóng ở vị trí số 4 và kỹ thuật đập bóng ở sau vạch 3 mét; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn Bóng chuyên.

38.3 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG CHUYÊN (3 tín chỉ)

Bóng chuyên thuộc môn thể thao chuyên sâu trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần tự chọn có nội dung rất đa dạng và phong phú, nhằm trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyên. Bóng chuyên trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Bóng chuyên chuyên sâu 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của các bài tập Bóng chuyên như: Kỹ thuật phòng thủ 6 tiến, kỹ thuật phòng thủ 6 lùi và kỹ thuật chắn bóng ; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn Bóng chuyên.

38.4 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG CHUYÊN (3 tín chỉ)

Bóng chuyên thuộc môn thể thao chuyên sâu trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần tự chọn có nội dung rất đa dạng và phong phú, nhằm trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyên. Bóng chuyên trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Bóng chuyên chuyên sâu 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của các bài tập Bóng chuyên như: Kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật chắn bóng đơn, kỹ thuật chắn bóng 2,3 người và chiến thuật trong thi đấu ; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn Bóng chuyên.

39.1 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG RỔ (3 tín chỉ)

Thể thao chuyên sâu bóng rổ 1 là môn thể thao trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú. Môn Thể thao chuyên sâu bóng rổ 1 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về: Lịch sử phát triển môn bóng rổ; các nguyên lý kỹ thuật; một số điều luật và phương pháp trọng tài môn bóng rổ.

39.2 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG RỔ (3 tín chỉ)

Thể thao chuyên sâu bóng rổ 2 là môn thể thao trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú. Môn Thể thao chuyên sâu bóng rổ 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về: Nguyên lý kỹ thuật bóng rổ; chiến thuật bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu; một số điều luật và phương pháp trọng tài môn bóng rổ.

39.3 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG RỔ (3 tín chỉ)

Học phần Thể thao chuyên sâu bóng rổ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận và chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật Bóng rổ chuyên.

Học phần trang bị kiến thức về kỹ thuật, chiến thuật và kỹ năng tập luyện và luật thi đấu bóng rổ chuyên. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho đối tượng học sinh.

39.4 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG RỔ (3 tín chỉ)

Thể thao chuyên sâu bóng rổ 4 là môn thể thao trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú. Môn Thể thao chuyên sâu bóng rổ 4 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về: Nguyên lý kỹ thuật bóng rổ; chiến thuật bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu; phương pháp giảng dạy, một số điều luật và phương pháp trọng tài môn bóng rổ.

40.1 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG BÀN (3 tín chỉ)

Bóng bàn thuộc môn Thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú. Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, sự phát triển, đặc điểm và ý nghĩa tác dụng của môn Bóng bàn. phương pháp giảng dạy, nguyên lý chung về đánh bóng, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng bàn và thực hiện được các kỹ thuật một cách thành thạo. Đồng thời chuẩn bị thể lực chung cho sinh viên trong quá trình học tập.

40.2 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG BÀN (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên các nền tảng kiến thức về cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, một số chiến thuật đơn giản, phương pháp giảng dạy, luật Bóng bàn, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hiện, giảng dạy các động tác kỹ thuật trong môn bóng bàn và tổ chức thi đấu bóng bàn.

40.3 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG BÀN (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về cơ sở lý

luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn (phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài). Trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hiện, giảng dạy các động tác kỹ thuật trong bóng bàn và tổ chức thi đấu bóng bàn. Ngoài ra còn chuẩn bị một nền tảng thể lực vững chắc, đáp ứng yêu cầu học tập và giảng dạy giáo dục thể chất cho đối tượng học sinh sau này.

40.4 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG BÀN (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên các nền tảng kiến thức về cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, một số chiến thuật đơn giản, phương pháp giảng dạy, luật Bóng bàn, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hiện, giảng dạy các động tác kỹ thuật trong môn bóng bàn và tổ chức thi đấu bóng bàn.

41.1 THỂ THAO CHUYÊN SÂU CẦU LÔNG (3 tín chỉ)

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy cầu lông, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, nguyên lý chung về đánh cầu, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, thực hiện kỹ thuật một cách thành thạo đồng thời chuẩn bị các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cho sinh viên trong quá trình học tập.

41.2 THỂ THAO CHUYÊN SÂU CẦU LÔNG (3 tín chỉ)

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy cầu lông, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, nguyên lý chung về đánh cầu, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, thực hiện kỹ thuật một cách thành thạo đồng thời chuẩn bị các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cho sinh viên trong quá trình học tập.

41.3 THỂ THAO CHUYÊN SÂU CẦU LÔNG (3 tín chỉ)

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy cầu lông, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, nguyên lý chung về đánh cầu, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, thực hiện kỹ thuật một cách thành thạo đồng thời chuẩn bị các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cho sinh viên trong quá trình học tập.

41.4 THỂ THAO CHUYÊN SÂU CẦU LÔNG (3 tín chỉ)

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy cầu lông, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, nguyên lý chung về đánh cầu, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, thực hiện kỹ thuật một cách thành thạo đồng thời chuẩn bị các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cho sinh viên trong quá trình học tập.

42.1 THỂ THAO CHUYÊN SÂU VÕ THUẬT (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật có nhiều giá trị giáo dục, văn hóa thể chất, nhân văn thượng võ. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận

dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục thể chất bằng tinh thần thượng võ của võ thuật và cho phép giảng dạy cho đối tượng học sinh.

42.2 THỂ THAO CHUYÊN SÂU VÕ THUẬT (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật môn võ thuật. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục bằng võ thuật cho các đối tượng học sinh.

42.3 THỂ THAO CHUYÊN SÂU VÕ THUẬT (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật mang giá trị giáo dục đạo đức, văn hóa, nhân văn, thượng võ. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho các đối tượng học sinh

42.4 THỂ THAO CHUYÊN SÂU VÕ THUẬT (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật mang giá trị giáo dục đạo đức, văn hóa, nhân văn, thượng võ. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho các đối tượng học sinh.

43.1 PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY ĐÁ CẦU (2 tín chỉ)

Đá cầu được hình thành và phát triển từ những trò chơi dân gian dưới nhiều hình thức khác nhau mà mỗi địa phương, vùng dân cư trên đất nước Việt Nam có những hình thức, màu sắc đặc trưng riêng... Đá cầu có một quá trình phát triển theo lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Có thời kỳ phát triển rất rực rỡ, từ vua quan trong triều đến các tầng lớp nhân dân lao động, từ thành thị đến nông thôn, miền xuôi đến miền ngược ... ở đâu môn đá cầu cũng được ưa chuộng. Đá cầu thuộc môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Môn Đá cầu trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Đá cầu.

43.2 PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY BƠI LỘI (2 tín chỉ)

Bơi lội là môn thể thao cơ bản trong chương trình GDTC nhằm trang bị cho Sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật của môn bơi lội như: phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu, phương pháp trọng tài cách phòng chống đuối nước, Giới thiệu nguồn gốc, lịch sử, xu hướng phát triển của môn

Bơi lội và tác dụng của nó đến người học, thông qua môn học rèn luyện sức khỏe, phát triển tố chất thể lực, tầm vóc và phẩm chất, tâm lý tốt nhất cho người học. hình thành cho người học những phẩm chất: kiên trì, tự tin, vượt khó, tính kỷ luật, yêu thích vận động, có lòng yêu thương và hợp tác với nhau.

43.3 PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY KHIÊU VŨ THỂ THAO (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất của vũ điệu Chachacha nổi tiếng – Đặc trưng của đất nước Brazil và vũ điệu Chachacha sôi động vui nhộn với nhiều vũ hình quay, đổi tay, kéo và lẳng bạn nhảy, hiện đang rất phổ biến trong các sinh hoạt vũ hội. Người học sẽ được trang bị các kỹ thuật cơ bản của vũ điệu Chachacha hiểu được đặc trưng tiết tấu, giai điệu nhạc sôi động. Sau khi học xong môn học này, người học có thể tự tin tham gia các sinh hoạt văn hóa văn nghệ của Sinh viên, đồng thời có vốn kỹ năng phong phú khi tham gia các Câu lạc bộ khiêu vũ ngoài trường...

43.4 PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CỜ VUA (2 tín chỉ)

Cờ vua thuộc môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập trang bị nhằm phát triển tư duy logic, luyện trí thông minh, giáo dục những phẩm chất tốt đẹp như tính tổ chức kỷ luật, kiên cường bình tĩnh, luyện mưu trí, óc sáng tạo, luyện cách nhìn xa trông rộng biết phân tích, tổng hợp tình hình một cách khách quan khoa học, rèn luyện cách làm việc có kế hoạch, tính quyết đoán và táo bạo trong xử lý tình huống cho người tập. Môn Cờ vua trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cờ vua, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài của môn Cờ vua.

44. NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 1 (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống những hiểu biết về người giáo viên phổ thông như: vai trò, vị trí, đặc trưng, tính chất, phẩm chất, đạo đức nghề, năng lực, chuẩn nghề nghiệp giáo viên; đồng thời học phần là cơ hội để sinh viên thực hành rèn luyện những kỹ năng cơ bản của người giáo viên nhằm thực hiện tốt vai trò người giáo viên phổ thông như: kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng tổ chức và kết nối các lực lượng trong tổ chức các hoạt động cộng đồng, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề, kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục, công tác chủ nhiệm lớp, kỹ năng tổ chức hướng dẫn thực hiện nghi thức Đội và các hoạt động nghiệp vụ của Đội TNTP Hồ Chí Minh; trang bị cho người học các phương pháp tổ chức quá trình dạy học, giáo dục học sinh, phương pháp giải quyết các tình huống xảy ra trong hoạt động sư phạm, gắn lý luận với thực tiễn... Trên cơ sở đó, học phần góp phần bồi dưỡng thái độ nghiệp vụ cần thiết của người giáo viên như: yêu trẻ, yêu nghề, linh hoạt, sáng tạo trong các tình huống giao tiếp sư phạm, trong xử lý tình huống sư phạm...

45. NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 2 (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học hệ thống những kiến thức và tổ chức thực hành rèn những kỹ năng cơ bản của người giáo viên nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học trong nhà trường, bao gồm kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch bài học, kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học, kỹ năng tổ chức quản lý lớp học, kỹ năng kiểm tra đánh giá học sinh. Đồng thời học phần là cơ hội để sinh viên thực hành thuyết trình, viết bảng, xây dựng môi trường học tập. Góp phần bồi dưỡng thái độ nghề nghiệp cần thiết của người giáo viên, như: yêu trẻ, yêu nghề, sự linh hoạt, sáng tạo và kỉ luật trong tổ chức hoạt động dạy học,...

46. THỰC TẬP SƯ PHẠM 1 (2 tín chỉ)

Học phần nhằm gắn lí thuyết với thực hành, lí luận với thực tiễn trong quá trình đào tạo giáo viên; củng cố, hệ thống hoá kiến thức, kỹ năng đã được học trong các lĩnh vực tâm lí học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn; vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động dạy và giáo dục học sinh.

47. THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 (6 tín chỉ)

Học phần nhằm củng cố và nâng cao các kiến thức lí thuyết Tâm lí - Giáo dục, vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động giáo dục ở trường phổ thông; thực hành và vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học Ngữ văn, tiếp tục rèn luyện để hình thành năng lực và phẩm chất của người giáo viên, theo yêu cầu của các chương trình khung đào tạo giáo viên trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

48A. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP (7 tín chỉ)

Trong học kì cuối, sinh viên thực hiện nghiên cứu một đề tài nhỏ dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Tiến hành làm Khóa luận tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên có những kỹ năng nghiên cứu khoa học, có thời gian tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ thay thế cho kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên.

48B.1 LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT (4 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học Thể dục thể thao như khái niệm, vai trò của thể dục thể thao, các phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy ... Hình thành kỹ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong thể dục thể thao

48B.2 SINH LÝ HỌC THỂ DỤC THỂ THAO (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chức năng và cơ chế hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người ở điều kiện bình thường và những biến đổi ở các cơ quan dưới tác động của các hoạt động TDTT, từ đó làm cơ sở cho

việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và ứng dụng các kiến thức về sinh lý học TDTT vào thực tiễn hoạt động giảng dạy, tập luyện thể thao sau này để nâng cao trình độ thể lực và thành tích thi đấu.

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo hiện nay của nhà trường

1.1. Đội ngũ giảng viên

Nhà trường có đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo ngành Giáo dục thể chất trình độ đại học là những người có trình độ chuyên môn cao, đã trưởng thành qua thực tế và có nhiều năm kinh nghiệm, có thâm niên giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng và tâm huyết với sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT. Đội ngũ tham gia giảng dạy ngành Giáo dục thể chất gồm 46 người với 20 Tiến sĩ, 26 Thạc sĩ, trong đó:

- Có 01 Tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo: TS. Nguyễn Thị Thu Hiền, chuyên ngành Giáo dục thể chất.

- Có ít nhất 05 Tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy:

+ TS. Phạm Thị Thu Hằng, chuyên ngành Triết học Chủ trì giảng dạy khối kiến thức Giáo dục đại cương;

+ TS. Nguyễn Đức Toàn, chuyên ngành Ngôn ngữ học: Chủ trì giảng dạy nhóm kiến thức Cơ sở ngành trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp;

+ TS. Nguyễn Thị Tím Huế, chuyên ngành Tâm lý học: Chủ trì giảng dạy nhóm kiến thức Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp;

+ TS. Nguyễn Thái Hưng, chuyên ngành Giáo dục thể chất: Chủ trì thực hiện nội dung Nghiên cứu khoa học (Khóa luận tốt nghiệp) trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp.

+ TS. Nguyễn Thị Thu Hiền, chuyên ngành Giáo dục thể chất; + TS. Nguyễn Văn Quyên, chuyên ngành Sinh học chủ trì thực hiện nội dung Chuyên ngành trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp

**Bảng 4.1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu đứng tên
mở ngành Giáo dục thể chất**

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghệ	Ngành, chuyên ngành	Tham gia đào tạo Đại học (năm, CSDT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí)
1	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền, 1984, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Giáo dục thể chất	2018, Đại học Hải Phòng	05 đề tài NCKH cấp cơ sở, 11 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo
2	TS. Nguyễn Thị Tím Huế, 1979, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Khoa học Giáo dục	2018, Đại học Hải Phòng	04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 03 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo
3	TS. Nguyễn Đức Toàn	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Văn học	2018, Đại học Hải Phòng	05 đề tài NCKH cấp cơ sở, 34 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo
4	TS. Phạm Thị Thu Hằng, 1987, Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Triết học	2018, Đại học Hải Phòng	06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 05 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo
5	TS. Nguyễn Thái Hưng, 1976, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Giáo dục thể chất	2018, Đại học Hải Phòng	04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 03 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo
6	TS. Nguyễn Văn	Tiến sĩ, Việt	Vi sinh vật học	2018, Đại học Hải	1 đề tài NCKH cấp tỉnh, 04 bài báo khoa

	Quyên, 1980 Giảng viên chính	Nam, 2020		Phòng	học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo
--	---------------------------------	--------------	--	-------	--

Tiếp đến là đội ngũ tham gia giảng dạy ngành Giáo dục thể chất gồm 46 người với 15 Tiến sĩ, 26 Thạc sĩ.

Bảng 4.2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất

TT	Họ và tên, Năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, Năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Tham gia đào tạo Đại học (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí)	Tham gia giảng dạy học phần
1	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền, 1984, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Giáo dục thể chất	2018, Đại học Hải Phòng	05 đề tài NCKH cấp cơ sở, 11 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	<p>Phương pháp nghiên cứu khoa học</p> <p>Giải phẫu học thể dục thể thao;</p> <p>Sinh lí học thể dục thể thao;</p> <p>Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất</p> <p>Lịch sử thể dục thể thao và thể thao trường học</p> <p>Thống kê và đo lường thể dục thể thao</p> <p>Vệ sinh y học thể dục thể thao</p> <p>Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất</p> <p>Quản lí thể dục thể thao</p> <p>Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 (Chạy trung bình, ngắn, tiếp, nhảy xa)</p> <p>Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném</p>

						bóng, đẩy tạ) Phương pháp giảng dạy Thể dục Phương pháp giảng dạy Bóng bàn Phương pháp giảng dạy Aerobic Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 1 ,2,3,4 Phương pháp giảng dạy Bơi lội Phương pháp giảng dạy Khiêu vũ thể thao Thực tập sư phạm 1 Thực tập sư phạm 2 Khóa luận tốt nghiệp
2	TS. Nguyễn Thị Tím Huế, 1979, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Khoa học Giáo dục	2018, Đại học Hải Phòng	04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 03 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Phương pháp nghiên cứu khoa học; Phương pháp giảng dạy Công tác Đoàn - Đội; Khóa luận tốt nghiệp; Giáo dục học; Giao tiếp sư phạm.
3	TS. Nguyễn Đức Toàn	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Văn học	2018, Đại học Hải Phòng	05 đề tài NCKH cấp cơ sở, 34 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Cơ sở văn hóa Việt Nam; Lịch sử văn minh thế giới.
4	TS. Phạm Thị Thu Hằng, 1987, Giảng	Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Triết học	2018, Đại học Hải Phòng	06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 05 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01	Tư tưởng Hồ Chí Minh; Mĩ học đại cương

	viên				sách chuyên khảo	
5	TS. Nguyễn Thái Hung, 1976, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Giáo dục thể chất	2018, Đại học Hải Phòng	04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 03 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Phương pháp nghiên cứu khoa học; Giải phẫu học thể dục thể thao; Quản lí thể dục thể thao; Sinh lí học thể dục thể thao; Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất; Lịch sử thể dục thể thao và thể thao trường học; Thống kê và đo lường thể dục thể thao; Vệ sinh y học thể dục thể thao; Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất; Phương pháp giảng dạy Bóng chuyên1,2,3,4 Thể thao chuyên sâu Cầu lông 1,2,3,4; Khóa luận tốt nghiệp.
6	TS. Nguyễn Văn Quyên, 1980 Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Vi sinh vật học	2018, Đại học Hải Phòng	1 đề tài NCKH cấp tỉnh, 04 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Sinh hóa thể dục thể thao; Sinh lí học thể dục thể thao; Giải phẫu học thể dục thể thao

7	TS. Đặng Thị Mai, 1977, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Giáo dục học (LL và PPDH bộ môn Giáo dục Chính trị)	2018, Đại học Hải Phòng	05 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
8	TS. Tạ Thị Thúy Ngân, 1972, Giảng viên cao cấp	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Khoa học Giáo dục Lí luận Chính trị	2018, Đại học Hải Phòng	06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 12 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 03 sách chuyên khảo	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
9	TS. Nguyễn Thị Thu Hà, 1977, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Khoa học Giáo dục Lí luận Chính trị	2018, Đại học Hải Phòng	06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 08 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 02 sách chuyên khảo	Chủ nghĩa xã hội khoa học; Pháp luật đại cương
10	ThS. Trần Thị Tuyền, 1983, Giảng viên chính	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Triết học		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 02 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Chủ nghĩa xã hội khoa học; Mĩ học đại cương
11	ThS. Hoàng Thị Ngát, 1982, Giảng viên chính	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Triết học		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 04 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên	Triết học Mác - Lênin

					khảo	
12	ThS. Nguyễn Thị Lại, 1986, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Triết học		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 03 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Tư tưởng Hồ Chí Minh; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
13	ThS. Tiêu Thị Minh Hiền, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2022	Luật Dân sự và Tố tụng dân sự			Pháp luật đại cương
14	TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa, 1979, Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Lịch sử	2018, Đại học Hải Phòng	04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 12 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 02 sách chuyên khảo	Cơ sở văn hóa Việt Nam; Lịch sử văn minh thế giới
15	Lương Minh Huệ	Thạc sĩ Việt nam 2014	Du lịch	2018, Đại học Hải Phòng	04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 4 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí,	Cơ sở văn hóa Việt Nam; Lịch sử văn minh thế giới.
16	ThS. Cao Thị Thu Hằng, 1969, Giảng viên chính	Thạc sĩ, Việt Nam, 2001	Khoa học giáo dục		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 02 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Giáo dục học; Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT; Phương pháp giảng dạy Công tác Đoàn - Đội; Khóa luận tốt nghiệp.
17	ThS. Nguyễn Thị Minh Hải, 1976, Giảng	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Tâm lí học		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 03 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Tâm lí học; Nghiệp vụ sư phạm 1

	viên					
18	ThS. Lê Thị Minh Anh, 1977, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2004	Giáo dục học		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 03 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Quản lý hành chính NN và quản lý ngành GDĐT; Giao tiếp sư phạm;
19	ThS. Vũ Thị Nga, 1980, Giảng viên	Thạc sĩ Việt Nam, 2012	Tâm lý Giáo dục		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 01 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Giao tiếp sư phạm; Nghiệp vụ sư phạm 1
20	ThS. Trần Quốc Hưng, 1980, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Giáo dục học		04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 02 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Phương pháp Nghiên cứu khoa học
21	TS. Đồng Thị Yến, 1988, Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Tâm lý học		04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 09 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 02 sách chuyên khảo	Tâm lý học
22	ThS. Phạm Thị Loan, 1985, Giảng viên chính	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Công nghệ thông tin		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 03 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Tin học đại cương
23	ThS. Nguyễn Thị Thanh Tâm,	Thạc sĩ, Việt Nam,	Công nghệ thông tin		04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 01 bài báo khoa học đăng trên các tạp	Tin học đại cương

	1988, Giảng viên	2017			chí	
24	TS. Vũ Quốc Tuấn, 1982, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Toán học	2018, Đại học Hải Phòng	05 đề tài NCKH cấp cơ sở, 06 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Tin học đại cương
25	ThS. Nguyễn Thị Tuyết Nhưng, 1976, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Ngôn ngữ Anh		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 01 sách chuyên khảo	Tiếng Anh 1; Tiếng Anh 2
26	TS. Luyện Thị Minh Thư, 1983, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Triết học	2018, Đại học Hải Phòng	06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 06 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 02 sách chuyên khảo đồng tác giả	Triết học Mác - Lênin
27	TS. Phạm Thị Thu Thủy, 1977, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Ngữ văn	2018, Đại học Hải Phòng	06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 09 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 02 sách chuyên khảo	Khóa luận tốt nghiệp
28	Nguyễn Thị Hòa	Tiến sĩ Việt Nam 2008	Sinh học	2018, Đại học Hải Phòng		Sinh hóa thể dục thể thao

29	ThS. Vũ Thị Điệp Lan, 1987, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 01 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Tiếng Anh 1; Tiếng Anh 2
30	ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền, 1980, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Lí luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 07 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Tiếng Anh 1; Tiếng Anh 2
31	ThS. Lê Thị Bắc, 1980, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Tiếng Anh sư phạm		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 07 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Tiếng Anh 1; Tiếng Anh 2
32	ThS. Phạm Thị Hà Trang, 1983, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 01 sách chuyên khảo	Tiếng Anh 1; Tiếng Anh 2
33	Ths. Bùi Thị Thủy, 1982, Giảng viên	Thạc sĩ, Úc, 2014	Lí luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 03 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Tiếng Anh 1; Tiếng Anh 2

34	ThS. Nguyễn Thị Hải Vân, 1977, Giảng viên chính	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Địa lí		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 04 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Giáo dục môi trường
35	TS. Đàm Văn Bắc, 1969, Giảng viên cao cấp	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Địa lí	2018, Đại học Hải Phòng	17 đề tài NCKH cấp cơ sở, 08 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 02 sách chuyên khảo	Giáo dục môi trường
36	ThS. Nguyễn Thị Minh Hải, 1976, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Tâm lí học	2018, Đại học Hải Phòng	06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 03 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Tâm lí học
37	Quân khu 3			2018, Đại học Hải Phòng		Giáo dục quốc phòng – an ninh 1; Giáo dục quốc phòng – an ninh 2; Giáo dục quốc phòng – an ninh 3; Giáo dục quốc phòng – an ninh 4.
38	ThS. Đỗ Quốc Vương, 1984, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Giáo dục thể chất	2018, Đại học Hải Phòng	04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 02 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất; Lịch sử thể dục thể thao và thể thao trường học; Vệ sinh y học thể dục thể thao;

						<p>Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất; Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 (Chạy trung bình, ngắn, tiếp, nhảy xa); Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ); Phương pháp giảng dạy Võ thuật; Phương pháp giảng dạy Aerobic; Thể thao chuyên sâu Bóng đá 3; Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 3,4 Thể thao chuyên sâu Võ thuật 1,2,3,4 Khóa luận tốt nghiệp</p>
39	Phạm Thành Đông			2018, Đại học Hải Phòng	04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 02 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	<p>Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất; Lịch sử thể dục thể thao và thể thao trường học; Vệ sinh y học thể dục thể thao; Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất; Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 (Chạy trung bình, ngắn, tiếp, nhảy xa); Phương pháp giảng</p>

						<p>dạy Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ); Phương pháp giảng dạy Bóng rổ 1,2 Thể thao chuyên sâu Bóng đá 1,2,3,4 Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 1,2,3,4 Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 1,2 Thể thao chuyên sâu Cầu lông 1,2,3,4 Thể thao chuyên sâu Võ thuật 1,2,3,4, Phương pháp giảng dạy Đá cầu; Phương pháp giảng dạy Bơi lội; Thực tập sư phạm 1; Thực tập sư phạm 2; Khóa luận tốt nghiệp.</p>
40	ThS. Nguyễn Hữu Thái, 1985, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Giáo dục thể chất	2018, Đại học Hải Phòng	03 đề tài NCKH cấp cơ sở, 02 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	<p>Vệ sinh y học thể dục thể thao; Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 (Chạy trung bình, ngắn, tiếp, nhảy xa); Phương pháp giảng dạy Thể dục; Phương pháp giảng dạy Bóng bàn 1,2,3,4 Thể thao chuyên sâu Bóng đá 1,2,3,4 Thể thao chuyên sâu Bóng đá 1,2 Thể thao chuyên sâu</p>

						Bóng chuyền 3,4 Phương pháp giảng dạy Khiêu vũ thể thao; Phương pháp giảng dạy Cờ vua; Khóa luận tốt nghiệp.
41	Trần Doãn Khoa	Thạc sĩ Việt Nam 2009	Quản lý giao dục	Đại học Hải dương	0 4 đề tài NCKH cấp cơ sở, 02 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 (Chạy trung bình, ngắn, tiếp, nhảy xa); Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ); Phương pháp giảng dạy Thể dục; Phương pháp giảng dạy Bóng đá; Phương pháp giảng dạy Cầu lông 3,4 Thể thao chuyên sâu Bóng đá 1,2,3,4 Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 1,2 Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 1,2,3,4 Thể thao chuyên sâu Võ thuật 1,2,3,4 Phương pháp giảng dạy Cờ vua; Nghịệp vụ sư phạm 2; Khóa luận tốt nghiệp.
42	Phạm Văn Đò	Thạc sĩ Việt Nam	Quản Lý giáo dục	Đại học Hải dương	03 đề tài NCKH cấp cơ sở, 02 bài báo khoa học	Phương pháp giảng dạy Thể dục; Phương pháp giảng

		2014			đăng trên các tạp chí	dạy Bóng đá 1,2,3,4 Phương pháp giảng dạy Bóng chuyên 1.2 Phương pháp giảng dạy Cầu lông 1.2 Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 1; Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 2; Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 3; Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 4; Thể thao chuyên sâu Võ thuật 3,4 Khóa luận tốt nghiệp.
43	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thạc sĩ Việt Nam 2016	Tin học	2018, Đại học Hải Phòng	05 đề tài NCKH cấp cơ sở, 02 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Tin học Đại cương
44	Nguyễn Thị Tính	Thạc sĩ Việt Nam 2014	Ngữ văn	2018, Đại học Hải Phòng	03 đề tài NCKH cấp cơ sở, 02 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Khóa luận tốt nghiệp
45	Hoàng Thị Ngát	Thạc sĩ Việt Nam 2009	Triết học	2018, Đại học Hải Phòng	08 đề tài NCKH cấp cơ sở, 02 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Khóa luận tốt nghiệp
46	Đặng Thị Mây	Tiến sĩ Việt Nam 2000	Ngữ Văn	2018, Đại học Hải Phòng	08 đề tài NCKH cấp cơ sở, 02 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Cơ sở Văn hóa Việt Nam

Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất đều đảm bảo ít nhất có 02 giảng viên tham gia giảng dạy.

**Bảng 4.3. Phân công giảng viên, nhà khoa học cơ hữu
giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo Giáo dục thể chất**

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Tên giảng viên giảng dạy các học phần	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (Không tính các môn GDTC và GDQP - AN)			24		
Lí luận chính trị			11		
1	PLO001	Triết học Mác - Lênin	3	1. TS. Luyện Thị Minh Thư 2. Ths. Hoàng Thị Ngát	
2	PLO002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1. TS. Tạ Thị Thúy Ngân 2. TS. Đặng Thị Mai	
3	PLO003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1. TS. Nguyễn Thị Thu Hà 2. Ths. Trần Thị Tuyền	
4	PLO004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1. TS. Phạm Thị Thu Hằng 2. Ths. Nguyễn Thị Lại	
5	PLO005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1. TS. Đặng Thị Mai 2. Ths. Nguyễn Thị Lại	
Giáo dục quốc phòng và an ninh					
6	ME006	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1		Quân khu 3	
7	ME007	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2		Quân khu 3	
8	ME008	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3		Quân khu 3	
9	ME009	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4		Quân khu 3	
Ngoại ngữ			7		
10	EN01	Tiếng Anh 1	3	1. Ths. Nguyễn Thị Tuyết Nhung 2. Ths. Vũ Thị Điệp Lan 3. Ths. Nguyễn Thị Thanh	

				Huyền 4. Ths. Phạm Thị Hà Trang 5. Ths. Bùi Thị Thủy 6. Ths. Lê Thị Bắc	
11	EN02	Tiếng Anh 2	4	1. Ths. Nguyễn Thị Tuyết Nhung 2. Ths. Vũ Thị Điệp Lan 3. Ths. Nguyễn Thị Thanh Huyền 4. Ths. Phạm Thị Hà Trang 5. Ths. Bùi Thị Thủy 6. Ths. Lê Thị Bắc	
Khoa học Tự nhiên			2		
12	IT013	Tin học đại cương	2	1. TS. Vũ Quốc Tuấn 2. Ths. Phạm Thị Loan 3. Ths. Nguyễn Thị Thanh Tâm	
Khoa học Xã hội - Nhân văn			4		
13	PSY013	Pháp luật đại cương	2	1. TS. Nguyễn Thị Thu Hà 2. Ths. Tiêu Thị Minh Hiền	
14	EDU014	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	2	1. Ths. Cao Thị Thu Hằng 2. Ths. Lê Thị Minh Anh	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			101		
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			30		
Các học phần bắt buộc			26		
15	PSE115	Tâm lí học	3	1. TS. Đồng Thị Yến 2. Ths. Nguyễn Thị Minh Hải	
16	PSE116	Giáo dục học	3	1. TS. Nguyễn Thị Tím Hué 2. Ths. Cao Thị Thu Hằng	

17	CUL119	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa 2. Ths. Lương Minh Huệ	
18	PSE127	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1. TS. Nguyễn Thái Hưng 2. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	3.
19	PHYE119	Giải phẫu học thể dục thể thao	3	1. TS. Nguyễn Thái Hưng 2. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền 3. TS. Nguyễn Văn Quyên	
20	PHYE120	Sinh lí học thể dục thể thao	3	1. TS. Nguyễn Thái Hưng 2. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền 3. TS. Nguyễn Văn Quyên	
21	PHYE121	Sinh hóa thể dục thể thao	3	1. TS. Nguyễn Văn Quyên 2. TS. Nguyễn Thị Hòa 3. TS. Nguyễn Văn Quyên	
22	PHYE122	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	3	1. TS. Nguyễn Thái Hưng 2. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền 3. Ths. Đỗ Quốc Vương 4. Ths. Phạm Thành Đông	
23	PHYE122 3	Lịch sử thể dục thể thao và thể thao trường học	2	1. TS. Nguyễn Thái Hưng 2. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền 3. Ths. Đỗ Quốc Vương 4. Ths. Phạm Thành Đông	
24	PHYE124	Thống kê và đo lường thể dục thể thao	2	1. TS. Nguyễn Thái Hưng 2. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	
Các học phân tự chọn (Chọn 02 trong các học phần)			4		
25.1	PHYE325. 1	Vệ sinh y học thể dục thể thao	2	1. TS. Nguyễn Thái Hưng 2. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền 3. Ths. Đỗ Quốc Vương 4. Ths. Phạm Thành Đông 5. Ths. Nguyễn Hữu Thái	

25.2	EDU325.2	Giáo dục môi trường	2	1. TS. Phạm Thị Hòa 2. TS. Đàm Văn Bắc 3. Ths. Nguyễn Thị Hải Vân 4. TS. Nguyễn Đức Toàn	
25.3	PSE325.3	Giao tiếp sư phạm	2	1. Ths. Lê Thị Minh Anh 2. Ths. Vũ Thị Nga 3. TS. Nguyễn Thị Tím Huế	
25.4	PHYE325.4	Quản lí thể dục thể thao	2	1. TS. Nguyễn Thái Hưng 2. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	
2.2. Kiến thức chuyên ngành			52		
Các học phần bắt buộc			36		
26	MSP226	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 (Chạy trung bình, ngắn, tiếp, nhảy xa)	4	1. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền 2. Ths. Đỗ Quốc Vương 3. Ths. Phạm Thành Đông 4. Ths. Nguyễn Hữu Thái 5. Ths. Trần Doãn Khoa	
27	MSP227	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ)	4	1. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền 2. Ths. Đỗ Quốc Vương 3. Ths. Phạm Thành Đông 4. Ths. Nguyễn Hữu Thái 5. Ths. Trần Doãn Khoa	
28	MSP228	Phương pháp giảng dạy Công tác Đoàn - Đội	3	1. TS. Nguyễn Thị Tím Huế 2. Ths. Cao Thị Thu Hằng	
29	MSP229	Phương pháp giảng dạy Thể dục	4	1. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền 2. Ths. Nguyễn Hữu Thái 3. Ths. Trần Doãn Khoa 4. Ths. Phạm Văn Đổ	
30	MSP2230	Phương pháp giảng dạy Bóng đá	3	1. Ths. Trần Doãn Khoa 2. Ths. Phạm Văn Đổ	
31	MSP231	Phương pháp giảng dạy	3	1. Ths. Trần Doãn Khoa	

		dạy Bóng chuyền		2. Ths. Phạm Văn Đổ 3. TS Nguyễn Thái Hưng	
32	MSP232	Phương pháp giảng dạy Bóng bàn	3	1. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền 2. Ths. Nguyễn Hữu Thái	
33	MSP233	Phương pháp giảng dạy Bóng rổ	3	1. Ths. Phạm Thành Đông 2. Ths. Nguyễn Hữu Thái 3. Ths. Trần Doãn Khoa	
34	MSP234	Phương pháp giảng dạy Cầu lông	3	1. Ths. Phạm Thành Đông 2. Ths. Trần Doãn Khoa 3. Ths. Phạm Văn Đổ	
35	MSP235	Phương pháp giảng dạy Võ thuật	3	1. Ths. Phạm Thành Đông 2. Ths. Đỗ quốc Vương 3. Ths. Phạm Văn Đổ	
36	MSP236	Phương pháp giảng dạy Aerobic	3	1. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền 2. Ths. Đỗ Quốc Vương	
Các học phần chuyên sâu (Chọn 01 trong 06 phân môn sau: Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Bóng bàn, Cầu lông, Võ thuật - học trong 4 kì)			12		
37.1	PHYE237. 1	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 1	3	1. Ths. Phạm Thành Đông 2. Ths. Nguyễn Hữu Thái 3. Ths. Trần Doãn Khoa 4. Ths. Phạm Văn Đổ	
37.2	PHYE237. 2	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 2	3	1. Ths. Đỗ Quốc Vương 2. Ths. Nguyễn Hữu Thái 3. Ths. Trần Doãn Khoa 4. Ths. Phạm Văn Đổ	
37.3	PHYE237. 3	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 3	3	1. Ths. Đỗ Quốc Vương 3. Ths. Trần Doãn Khoa 4. Ths. Phạm Văn Đổ	
37.4	PHYE237. 4	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 4	3	1. Ths. Phạm Thành Đông 2. Ths. Phạm Văn Đổ 3. Ths. Trần Doãn Khoa	
38.1	PHYE238. 1	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 1	3	1. Ths. Phạm Thành Đông 2. Ths. Nguyễn Hữu Thái	

				3.Ths. Trần Doãn Khoa 4. TS. Nguyễn Thái Hưng	
38.2	PHYE238. 2	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 2	3	1. TS. Nguyễn Thái Hưng 2. Ths. Nguyễn Hữu Thái 3.Ths. Trần Doãn Khoa	
38.3	PHYE238. 3	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 3	3	1. TS. Nguyễn Thái Hưng 2. Ths. Nguyễn Hữu Thái 3.Ths. Trần Doãn Khoa	
38.4	PHYE238. 4	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 4	3	1. Ths. Phạm Thành Đông 2. Ths. Nguyễn Hữu Thái 3.Ths. Trần Doãn Khoa 4. TS. Nguyễn Thái Hưng	
39.1	PHYE239. 1	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 1	3	1. Ths. Phạm Thành Đông 2.Ths. Trần Doãn Khoa 3. Ths. Phạm Văn Đổ	
39.2	PHYE239. 2	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 2	3	1. Ths. Nguyễn Hữu Thái 2.Ths. Trần Doãn Khoa 3. Ths. Phạm Văn Đổ	
39.3	PHYE239. 3	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 3	3	1. Ths. Đỗ quốc Vương 2.Ths. Trần Doãn Khoa 3. Ths. Phạm Văn Đổ	
39.4	PHYE239. 4	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 4	3	1. 1. Ths. Đỗ quốc Vương 2.Ths. Trần Doãn Khoa 3. Ths. Phạm Văn Đổ	
40.1	PHYE240. 1	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 1	3	1. Ths. Nguyễn Hữu Thái 2. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	
40.2	PHYE240. 2	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 2	3	1. Ths. Nguyễn Hữu Thái 2. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	
41.3	PHYE240. 3	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 3	3	1. Ths. Nguyễn Hữu Thái 2. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	
40.4	PHYE240. 4	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 4	3	1. Ths. Nguyễn Hữu Thái 2. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	

41.1	PHYE241. 1	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 1	3	1. Ths. Phạm Thành Đông 2. TS. Nguyễn Thái Hưng	
41.2	PHYE241. 2	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 2	3	1. Ths. Phạm Thành Đông 2. TS. Nguyễn Thái Hưng	
41.3	PHYE241. 3	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 3	3	1. Ths. Phạm Thành Đông 2. TS. Nguyễn Thái Hưng	
41.4	PHYE241. 4	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 4	3	1. Ths. Phạm Thành Đông 2. TS. Nguyễn Thái Hưng	
42.1	PHYE242. 1	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 1	3	1. Ths. Phạm Thành Đông 2. Ths. Đỗ quốc Vương 3. Ths. Phạm Văn Đò	
42.2	PHYE242. 2	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 2	3	1. Ths. Phạm Thành Đông 2. Ths. Trần Doãn Khoa 3. Ths. Đỗ quốc Vương	
42.3	PHYE242. 3	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 3	3	1. Ths. Phạm Thành Đông 2. Ths. Đỗ quốc Vương 3. Ths. Phạm Văn Đò	
42.4	PHYE242. 4	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 4	3	1. Ths. Phạm Thành Đông 2. Ths. Trần Doãn Khoa 3. Ths. Đỗ quốc Vương	
Các học phần tự chọn (Chọn 02 trong các học phần)			4		
43.1	MSP343.1	Phương pháp giảng dạy Đá cầu	2	1. Ths. Phạm Thành Đông 2. Ths. Nguyễn Hữu Thái	
43.2	MSP343.2	Phương pháp giảng dạy Bơi lội	2	1. Ths. Phạm Thành Đông 2. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	
43.3	MSP343.3	Phương pháp giảng dạy Khiêu vũ thể thao	2	1. Ths. Phạm Thành Đông 2. Ths. Nguyễn Hữu Thái 3. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	
43.4	MSP343.4	Phương pháp giảng dạy Cờ vua	2	1. Ths. Phạm Thành Đông 2. Ths. Nguyễn Hữu Thái 3. Ths. Trần Doãn Khoa	
2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm			12		
44	TMT244	Nghiệp vụ sư phạm 1	2	1. Ths. Nguyễn Thị Minh Hải	

				2. Ths. Vũ Thị Nga	
45	TMT245	Nghiệp vụ sư phạm 2	2	1. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền 2. Ths. Phạm Thành Đông 3. Ths. Trần Doãn Khoa	
46	TMT246	Thực tập sư phạm 1	2	1. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền 2. Ths. Phạm Thành Đông	
47	TMT247	Thực tập sư phạm 2	6	1. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền 2. Ths. Phạm Thành Đông	
2.4. Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế			7		
Khóa luận tốt nghiệp			7		
48A	LIT448A	Khóa luận tốt nghiệp	7	1. TS. Nguyễn Thái Hưng 2. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền 3. Ths. Đỗ Quốc Vương 4. Ths. Phạm Thành Đông 5. Ths. Nguyễn Hữu Thái 6. Ths. Trần Doãn Khoa 7. Ths. Phạm Văn Đỏ 8. TS. Nguyễn Thị Tím Huế 9. Ths. Cao Thị Thu Hằng 10. TS. Phạm Thị Thu Thủy 11. TS. Nguyễn Đức Toàn	
Học phần thay thế			7		
48B.1	LIT448B.1	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	4	1. TS. Nguyễn Thái Hưng 2. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền 3. Ths. Đỗ Quốc Vương 4. Ths. Phạm Thành Đông	
48B.2	LIN48B.2	Sinh lí học thể dục thể thao	3	1. TS. Nguyễn Thái Hưng 2. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	
Tổng cộng			125		

- Có đủ số lượng giảng viên để đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định: Đội ngũ giảng viên cơ hữu hiện tại của trường đảm nhận được 100% khối lượng chương trình đào tạo.

(Xem Phụ lục Mẫu 1, Mẫu 2)

1.2. Cán bộ nghiên cứu khoa học

Hoạt động nghiên cứu khoa học luôn được nhà trường quan tâm, khuyến khích. Hiện tại, Trường Đại học Hải Dương có Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp trường, có quy chế hoạt động cụ thể. Hội đồng Khoa học và Đào tạo giữ vai trò tham mưu cho Ban Giám hiệu, các Khoa, Trung tâm trong định hướng phát triển chuyên môn, khoa học của nhà trường, các đơn vị và các ngành nghề đào tạo.

Trong giai đoạn từ 2010 đến nay, số lượng bài báo được đăng trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế về khoa học giáo dục đạt chỉ số quốc tế ISI, Scopus là 32 bài; số lượng bài đăng trên các tạp chí khoa học trong nước hàng trăm bài. Nhà trường cũng tham gia thực hiện 06 đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp Tỉnh về khoa học giáo dục; cùng với đó là nâng cao chất lượng Tạp chí khoa học của nhà trường nhằm không ngừng phát triển năng lực nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng sản phẩm nghiên cứu khoa học vào thực tiễn sản xuất và phát triển ngành nghề đào tạo, đặc biệt là ứng dụng vào khoa học giáo dục. Hằng năm, 100% các giảng viên, cán bộ quản lý của nhà trường tham gia nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến kinh nghiệm. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng được tăng cường thông qua việc làm đồ án, luận án, khoá luận tốt nghiệp.

05 năm trở lại đây, các giảng viên khoa Nhạc-Họa-Thể dục và các giảng viên ở những khoa khác đã thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành đào tạo Giáo dục thể chất. Các đề tài đều có tính ứng dụng cao, phục vụ trực tiếp cho công tác giảng dạy, được Hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học nhà trường đánh giá, xếp loại Giỏi, Xuất sắc.

Đặc biệt, các giảng viên của khoa Nhạc-Họa-Thể dục rất tích cực viết bài đăng trên các tạp chí nghiên cứu, tạp chí khoa học, biên soạn tài liệu tham khảo, xuất bản sách,... hỗ trợ hữu ích giảng viên và học sinh phổ thông trong việc dạy học môn Giáo dục thể chất theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

(Xem Phụ lục Mẫu 4, Mẫu 5)

2. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học của nhà trường

Nhằm tăng cường đội ngũ giảng viên có học vị Tiến sĩ, Trường Đại học Hải Dương thực hiện chính sách tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí cho giảng viên đi học. Ngoài ra, nhà trường cũng thực hiện chính sách ưu tiên tuyển dụng giảng viên có trình độ cao, áp dụng chế độ thu hút nhân tài của tỉnh Hải Dương đối với những giảng viên có trình độ Tiến sĩ.

Nhà trường cam kết thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị, tổ chức, cá nhân của cơ sở đào tạo và tổ chức triển khai thực hiện việc tuyển dụng, kí hợp đồng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học, bảo đảm về số lượng và chất

lượng theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phân công giảng dạy, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định.

PHẦN 5. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

ĐỀ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Về cơ sở vật chất hiện có của nhà trường

1.1. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Trường Đại học Hải Dương có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành Giáo dục thể chất. Trong đó bao gồm hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu; thư viện, trung tâm học liệu; trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập; nhà kí túc xá 5 tầng; nhà dịch vụ; nhà ăn sinh viên; phòng tập thể thao, nhà tập đa năng; sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo; sân bóng chuyên; sân bóng rổ. Cụ thể:

- Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu: 160;
- Thư viện, trung tâm học liệu: 04;
- Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập: 15;
- Nhà kí túc xá 5 tầng: 04;
- Nhà dịch vụ: 01;
- Nhà ăn sinh viên: 02;
- Phòng tập thể thao, nhà tập đa năng: 02;
- Sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo: 02;
- Sân bóng chuyên: 02;
- Sân bóng rổ: 02.

Trường Đại học Hải Dương cũng trang bị các phòng máy vi tính, mạng internet, tai nghe, hệ thống cách âm,... để giảng dạy các học phần đặc thù như Tin học, Tiếng Anh,... trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất trình độ đại học.

(Xem Phụ lục Mẫu 6, Mẫu 8)

1.2. Về học liệu, nguồn thông tin thư viện

Trường Đại học Hải Dương có thư viện được trang bị hàng nghìn đầu sách chung và hàng trăm đầu sách chuyên ngành. Ngoài thư viện đặt trong khuôn viên nhà trường, trường còn xây dựng thư viện điện tử với các đầu sách rất phong phú. Nguồn học liệu của nhà trường như các bài giảng điện tử, bản đồ tư duy,... được sưu tầm, lưu

trữ từ nhiều cơ sở đào tạo giáo viên giáo dục thể chất trên cả nước. Nhà trường có 213 đầu sách, gồm các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo để sinh viên ngành Giáo dục thể chất học tập các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

(Xem Phụ lục Mẫu 7)

1.3. Trường thực hành sư phạm

Trường Đại học Hải Dương có trường thực hành sư phạm THCS Chu Văn An được thành lập từ năm 2016 với đủ các khối lớp 6, 7, 8, 9, quy mô 13 lớp, trên 400 học sinh; Trường THPT Chu Văn An được thành lập từ năm 2019 với đủ các khối lớp 10, 11, 12, quy mô 28 lớp, trên 1000 học sinh. Đây là một trong các địa chỉ lí tưởng rèn năng lực nghề nghiệp cho sinh viên, thực hiện phương châm đào tạo thực hành, thực nghiệp của Trường Đại học Hải Dương.

2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất của nhà trường

Trong thời gian tới, theo Đề án sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương của UBND tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, mức đầu tư cơ sở vật chất giai đoạn 1 (2023 - 2025) ước tính từ 200 tỉ đồng đến 250 tỉ đồng để xây dựng phòng học, giảng đường, nhà làm việc,... khang trang, hiện đại dùng chung cho đào tạo các ngành. Nhà trường cam kết thực hiện việc tăng cường mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, học liệu,... bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định.

PHẦN 6. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Đơn vị chuyên môn quản lý đối với ngành đào tạo

- Đơn vị chuyên môn cấp khoa quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành Giáo dục thể chất trình độ đại học là khoa Nhạc - Họa - Thể dục

- Các tổ bộ môn trong khoa: Tổ Âm nhạc, Tổ Mỹ thuật, Tổ Thể dục

- Đội ngũ: 01 Tiến sĩ và các Thạc sĩ.

- Cơ sở vật chất của khoa: Khoa có 01 văn phòng dùng chung, 01 văn phòng cho Trưởng khoa, 02 văn phòng cho các Tổ bộ môn của khoa. Các văn phòng đều được trang bị máy vi tính, máy in, điện thoại cố định và các vật dụng văn phòng cần thiết khác.

Các phòng học lý thuyết, phòng học thực hành (Tin học, Ngoại ngữ,...) đều được trang bị máy chiếu, máy điều hoà, kết nối mạng internet ở tại cơ sở 2, Trường Đại học Hải Dương (toà nhà Giảng đường 06 tầng, số 42, đường Nguyễn Thị Duệ, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương).

Sân bãi thực hành phục vụ của ngành đào tạo: 1 Sân vận động, 1 sân bóng đá, 1 bể bơi, 1 nhà đa năng ở tại cơ sở 2, Trường Đại học Hải Dương (số 42, đường Nguyễn Thị Duệ, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương).

Cơ sở thực hành sư phạm của ngành đào tạo: Trường THCS Chu Văn An, Trường THPT Chu Văn An ở tại cơ sở 2, Trường Đại học Hải Dương (số 42, đường Nguyễn Thị Duệ, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương).

2. Phân công cán bộ quản lý chuyên môn

- Lãnh đạo khoa: Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Trợ lý khoa: Thạc sĩ Đỗ Quốc Vương.

- Lãnh đạo tổ bộ môn: Thạc sĩ Nguyễn Thị Hồng Vân (Tổ Mỹ Thuật), Thạc sĩ Nguyễn Thị Ánh Tuyết (Tổ Âm Nhạc).

- Trách nhiệm, quyền hạn của tập thể và cá nhân cán bộ quản lý chuyên môn để quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn đối với ngành đào tạo Giáo dục thể chất: Quản lý giảng viên, cán bộ và người học thuộc Nhạc - Họa - Thể dục theo phân cấp của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương; tham gia xây dựng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, kế hoạch giảng dạy; biên soạn và thẩm định giáo trình, tài liệu tham khảo các môn học do khoa quản lý; thực hiện giảng dạy các môn học chuyên ngành và các hoạt động giáo dục khác trong chương trình đào tạo; tham mưu cho Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương bổ sung cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo,

ngân hàng đề thi, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập; tổ chức sinh hoạt chuyên môn và các hội thảo khoa học chuyên ngành; triển khai nghiên cứu đề tài khoa học các cấp với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài Trường Đại học Hải Dương; hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học; tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, chủ động khai thác các dự án hợp tác quốc tế, phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; quản lý các hoạt động của sinh viên.

(Xem Phụ lục Mẫu 3)

PHẦN 7. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ RỦI RO

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đã quy định: Cơ sở đào tạo phải xây dựng, đề xuất, phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo do Hội đồng trường phê duyệt và chịu trách nhiệm về định hướng phát triển mở ngành mới, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của cơ sở đào tạo; đồng thời bảo đảm phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực. Ngoài ra phải bảo đảm việc triển khai đề án mở mã ngành đào tạo đạt hiệu quả; thẩm định về dự báo rủi ro; đề xuất các giải pháp ngăn ngừa đề phòng rủi ro và cách thức giải quyết trong trường hợp rủi ro xảy ra khi mở ngành đào tạo.

1. Rủi ro của đề án mở mã ngành

- Rủi ro vì việc tuyển sinh không đủ số lượng;
- Rủi ro do bối cảnh dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp phải học online;
- Rủi ro vì việc tuyển sinh không gắn với nhu cầu nhân lực của đại phương và vùng;
- Rủi ro do chương trình đào tạo cũng như điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo của ngành/trường;
- Rủi ro vì đối thủ cạnh tranh không lành mạnh;
- Rủi ro do các thay đổi về chính sách pháp luật có liên quan đến ngành Sư phạm Ngữ văn;
- Rủi ro vì hậu quả từ hoạt động của con người trong điều hành hoạt động của nhà trường và khoa.

2. Các biện pháp phòng ngừa rủi ro đối với đề án mở mã ngành

- Xây dựng và thẩm định đề án thật kỹ theo các quy định của pháp luật;
- Chuẩn bị tốt các cơ sở vật chất, cả trong trường hợp đào tạo online do ảnh hưởng của dịch bệnh;
- Khảo sát kỹ nhu cầu nhân lực của vùng và địa phương;
- Tăng cường việc định hướng nghề nghiệp đối với học sinh;
- Chuẩn bị thích ứng nhanh và hiệu quả nhất đối với các thay đổi về chính sách pháp luật có liên quan đến ngành Giáo dục thể chất;
- Chuẩn bị và đào tạo đội ngũ nhân lực có chất lượng cao điều hành hoạt động của nhà trường và khoa.

3. Các biện pháp xử lý rủi ro đối với đề án mở mã ngành

Trường Đại học Hải Dương nhận thức được các rủi ro có thể gặp phải nên theo quy định đã lập quỹ dự phòng để tự hạn chế, khắc phục hậu quả.

PHẦN 8. ĐỀ NGHỊ CAM KẾT VÀ THỰC HIỆN

Nhà trường cam kết không vi phạm các quy định hiện hành về các điều kiện mở ngành đào tạo, tuyển sinh, tổ chức quản lý và đào tạo các ngành đang đào tạo và các quy định liên quan đến giáo dục đại học từ khi thành lập trường đến nay.

Trường Đại học Hải Dương sẽ tiếp tục phát triển đội ngũ giảng viên, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu, giáo trình, đáp ứng tốt nhất cho việc dạy và học nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo ngành học Giáo dục thể chất

Nhà trường cam kết và khẳng định luôn công khai cam kết chất lượng giáo dục và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục; công khai danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng, sinh viên trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng hằng năm theo các khoá học, ngành học; công khai tỉ lệ việc làm của sinh viên sau 01 năm tốt nghiệp; công khai mức thu học phí; công khai chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của ngành.

Với điều kiện cơ sở vật chất như trên, cùng đội ngũ cán bộ tâm huyết, có năng lực, Trường Đại học Hải Dương hoàn toàn có thể triển khai thành công Đề án mở ngành đào tạo Giáo dục thể chất (mã ngành 7140206), trình độ đại học để Trường triển khai công tác tuyển sinh và đào tạo từ năm học 2023 - 2024./.

HIỆU TRƯỞNG

						dụng	đồng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Nguyễn Thị Thu Hiền 27/8/1984	02518400 1362 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Giáo dục thể chất	04/01/2011		3010001495	14		12	
2	Nguyễn Thái Hưng 03/11/1976	03007600 8330 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Giáo dục thể chất	14/9/1988		8699000091	25	04		
3	Nguyễn Thị Tím Huế 17/11/1979	03017900 8513 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Khoa học Giáo dục	02/12/2005		8605003316	21	04		
4	Nguyễn Đức Toàn 21/11/1981	03008100 0548		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Ngữ văn	15/7/2005		3009055915	13	42	06	
5	Phạm Thị Thu Hằng 25/08/1987	03018702 1812 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Triết học	01/9/2015		3011000041	13	04		

6	Nguyễn Văn Quyên 20/8/1980	03008000 3727 Việt Nam		Tiến sĩ Việt Nam, 2020	Sinh học	2010		8604001868	13	05		
7	Phạm Thị Thu Thủy 10/12/1977	03017700 7120 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Ngữ văn	01/01/2000		8600002683	23	11		
8	Vũ Thùy Nga 11/10/1963	030163021860 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Ngữ văn	20/3/1986		239049785	35	03	02	
9	Luyện Thị Minh Thư 02/4/1983	03018302 4380 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Triết học	01/9/2008		3008013495	15	08		
10	Nguyễn Thị Thanh 17/9/1966	03016601 1651 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Ngữ văn	10/9/1999		2396030202	15	08	01	
11	Nguyễn Thị Thanh Tâm 27/5/1977	03177014 630 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Ngữ văn	15/11/2001		8603001648	15	04	01	

12	Đặng Thị Mây 18/12/1976	03017600 4063 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2010	Ngữ văn	01/01/2000		8600001043	16	25		
13	Nguyễn Thị Tính 06/7/1984	30184010 135		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Ngữ văn		01/9/2 010	3010007846	14			
14	Đặng Thị Mai 19/8/1977	03017601 6427 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Giáo dục học (LL và PPDH bộ môn Giáo dục Chính trị)	01/02/1999		8699000084	24	08		
15	Tạ Thị Thúy Ngân 19/3/1972	33172010 028 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Khoa học Giáo dục Lí luận Chính trị	31/8/1996		2396049762	27	12	03	
16	Nguyễn Thị Thu Hà	03017701 8186		Tiến sĩ, Việt	Khoa học	01/9/2000		8603003291	09	08	02	

	03/4/1977	Việt Nam		Nam, 2017	Giáo dục Lí luận Chính trị							
17	Trần Thị Tuyền 09/01/1983	02418301 6025 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Triết học	01/01/2008		3008008616	16	04	01	
18	Hoàng Thị Ngát 13/01/1982	03018200 7383 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Triết học	15/12/2007		8607011037	17	04	01	
19	Nguyễn Thị Lài 26/01/1986	03018600 6793 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Triết học	01/7/2020		3011034210	12		03	
20	Tiêu Thị Minh Hiền	30190018 332 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2022	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự		2011	3012022506	12			
21	Nguyễn Thị Thanh Hoa 13/8/1979	03017901 8111 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam,	Lịch sử	01/8/2014		8603000666	12	11	03	

				2015								
22	Lương Minh Huệ 05/12/1983	03018301 9426 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Du lịch		01/10/ 2010	8607002551	13			
23	Cao Thị Thu Hằng 03/3/1969	14144958 8 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2001	Khoa học giáo dục	12/1993		2396049729	27	01		
24	Nguyễn Thị Minh Hải 04/6/1976	14179687 0 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Tâm lí học	01/01/2007		8605003317	24	02		
25	Lê Thị Minh Anh 17/02/1977	03017700 2123 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2004	Giáo dục học	01/02/1999		8699000081	24	02		
26	Nguyễn Thị Tím Huế 17/11/1979	03017900 8513 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Khoa học Giáo dục	02/12/2005		8605003316	21	04		
27	Vũ Thị Nga 08/3/1980	09864163 45 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam,	Tâm lí Giáo dục	02/12/2005		8606003593	19			

33	Nguyễn Hữu Thái 04/6/1985	03008500 3556 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Giáo dục thể chất	01/5/2022		1910000825	09			
34	Đỗ Quốc Vương 07/9/1984	30084010 399 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Giáo dục thể chất	01/9/2011		3011034212	12		03	
35	Nguyễn Thị Tuyết Nhung 04/08/1976	03017600 8343 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Ngôn ngữ Anh	01/01/2000		8600003690	17	01		
36	Vũ Thị Điệp Lan 14/01/1987	03018701 3359 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	01/03/2011		3010001492	13	02		
37	Nguyễn Thị Thanh Huyền 24/9/1980	30180001 569 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Lí luận và phương pháp giảng dạy	01/01/2004		86040033238	18		08	

					Tiếng Anh							
38	Lê Thị Bắc 24/11/1980	30180009 388 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Tiếng Anh sư phạm	01/12/2008		8605001294	19		08	
39	Phạm Thị Hà Trang 26/10/1983	03018301 9198 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh	01/02/2011		0110139893	12			
40	Bùi Thị Thủy 20/5/1982	30182013 807 Việt Nam		Thạc sĩ, Úc, 2014	Lí luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	10/6/2007		8607025756	09	04		
41	Phạm Thị Hòa 01/05/1977	03017701 2781 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Sinh học	01/01/2000		8602003604	13	06	02	

42	Nguyễn Thị Hải Vân 16/01/1977	03317700 3924 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Địa lí	01/01/2001		8600003639	18	05	02	
43	Đàm Văn Bắc 02/01/1969	03006900 6958 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Địa lí	01/3/2013		2396007176	17	09	01	
44	Phạm Thị Hòa 01/05/1977	03017701 2781 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Sinh học	01/01/2000		8602003604	13	06	02	

Ghi chú: Lí lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành Giáo dục thể chất dự kiến mở của Trường Đại học Hải Dương

T T	Họ và tên	Học phần/ môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kì, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp, chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
			91	Học trực tiếp	Học trực tuyển	Học trực tiếp	Học trực tuyển	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nguyễn Thị Thu Hiền	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kì 1, năm thứ tư	X				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình; chủ trì giảng dạy thành phần Chuyên ngành trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp
		Giải phẫu học thể dục thể thao	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Sinh lí học thể dục thể thao	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	Học kỳ 2, năm thứ tư	X				
		Lịch sử thể dục thể thao và thể thao trường học	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Thống kê và đo lường thể dục thể thao	Học kỳ 1, năm thứ hai					

	Vệ sinh y học thể dục thể thao	Học kỳ 1, năm thứ hai			X		
	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	Học kỳ 2, năm thứ tư			X		
	Quản lí thể dục thể thao	Học kỳ 1, năm thứ hai			X		
	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 (Chạy trung bình, ngắn, tiếp, nhảy xa)	Học kì 1, năm thứ nhất	X				
	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ)	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
	Phương pháp giảng dạy Thể dục	Học kì 1, năm thứ ba	X				
	Phương pháp giảng dạy Bóng bàn	Học kì 1, năm thứ tư	X				
	Phương pháp giảng dạy Aerobic	Học kì 2, năm thứ hai	X				
	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				

		Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 2	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 3	Học kì 1, năm thứ hai	X				
		Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 4	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Phương pháp giảng dạy Bơi lội	Học kì 2, năm thứ ba			X		
		Phương pháp giảng dạy Khiêu vũ thể thao	Học kì 2, năm thứ ba			X		
		Nghiệp vụ sư phạm 2	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Thực tập sư phạm 1	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Thực tập sư phạm 2	Học kì 2, năm thứ tư	X				
		Khóa luận tốt nghiệp	Kỳ 4, năm thứ tư	X				
2	Nguyễn Thị Tím Huế	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kì 1, năm thứ tư	X				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì giảng dạy thành phần Nghiệp vụ sư phạm, thực tập trong khối
		Giáo dục học	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Phương pháp giảng dạy	Học kì 1, năm thứ hai	X				

		Công tác Đoàn - Đội						kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kì 1, năm thứ tư	X		X		
		Giao tiếp sư phạm	Học kì 1, năm thứ tư			X		
3	Nguyễn Đức Toàn	Giáo dục môi trường	Học kì 1, năm thứ hai			X		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình thành phần Cơ sở ngành trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp
		Khóa luận tốt nghiệp	Kỳ 2, năm thứ tư	X				
4	Phạm Thị Thu Hằng	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kì 2, năm thứ hai	X				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình khối kiến thức Giáo dục đại cương
		Mĩ học đại cương	Học kì 1, năm thứ hai			X		
5	Nguyễn Thái Hưng	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kì 1, năm thứ tư	X				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình thành
		Giải phẫu học thể dục thể thao	Học kì 2, năm thứ nhất	X				

	Quản lí thể dục thể thao	Học kỳ 1, năm thứ hai			X		phần Nghiên cứu khoa học trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp
	Sinh lí học thể dục thể thao	Học kì 1, năm thứ ba	X				
	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	Học kỳ 2, năm thứ tư	X				
	Lịch sử thể dục thể thao và thể thao trường học	Học kỳ 2, năm thứ nhất	X				
	Thông kê và đo lường thể dục thể thao	Học kỳ 1, năm thứ hai	X				
	Vệ sinh y học thể dục thể thao	Học kỳ 1, năm thứ hai			X		
	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	Học kỳ 2, năm thứ tư			X		
	Phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	Học kì 1, năm thứ ba	X				
	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 2	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
	Thể thao chuyên sâu	Học kì 1, năm thứ hai	X				

		Bóng chuyền 3						
		Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 4	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Thể thao chuyên sâu Cầu lông 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				
		Thể thao chuyên sâu Cầu lông 2	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Thể thao chuyên sâu Cầu lông 3	Học kì 1, năm thứ hai	X				
		Thể thao chuyên sâu Cầu lông 4	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ tư	X				
6	Nguyễn Văn Quyên	Sinh hóa thể dục thể thao	Học kỳ I, năm thứ tư	X				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình Chuyên ngành trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp
		Sinh lý học thể dục thể thao	Học kì 1, năm thứ tư					
		Giải phẫu học thể dục thể thao	Học kì 2, năm thứ nhất					
7	Đặng	Kinh tế chính trị	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện

	Thị Mai	Mác - Lênin						chương trình
		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học kì 1, năm thứ ba	X				
8	Phạm Thị Thu Hằng	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kì 2, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Mĩ học đại cương	Học kì 1, năm thứ hai			X		
9	Tạ Thị Thúy Ngân	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
10	Nguyễn Thị Thu Hà	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học kì 1, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Pháp luật đại cương	Học kì 2, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
11	Trần Thị Tuyên	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học kì 1, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Mĩ học đại cương	Học kì 1, năm thứ hai			X		
12	Hoàng Thị Ngát	Triết học Mác - Lênin	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
	Nguyễn	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kì 2, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện

13	Thị Lài	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học kì 1, năm thứ ba	X				chương trình
14	Tiêu Thị Minh Hiền	Pháp luật đại cương	Học kì 2, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
15	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Lịch sử văn minh thế giới	Học kì 1, năm thứ nhất	X				
16	Lương Minh Huệ	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Lịch sử văn minh thế giới	Học kì 1, năm thứ nhất	X				
17	Cao Thị Thu Hằng	Giáo dục học	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Phương pháp giảng dạy Công tác Đoàn - Đội	Học kì 1, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Khóa luận tốt nghiệp	Kỳ 4, năm thứ tư	X				Giảng viên thực hiện chương trình

18	Nguyễn Thị Minh Hải	Tâm lý học	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Nghiệp vụ sư phạm 1	Học kì 1, năm thứ ba					
19	Lê Thị Minh Anh	Quản lí hành chính NN Và quản lí ngành GDĐT	Học kì 1, năm thứ tư	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Giao tiếp sư phạm	Học kì 1, năm thứ hai			X		
20	Vũ Thị Nga	Giao tiếp sư phạm	Học kì 1, năm thứ hai			X		Giảng viên thực hiện chương trình
		Nghiệp vụ sư phạm 1	Học kì 1, năm thứ ba					
21	Trần Quốc Hưng	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	Học kì 1, năm thứ tư	X				Giảng viên thực hiện chương trình
22	Đông Thị Yến	Tâm lý học	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
23	Phạm Thị Loan	Tin học đại cương	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
24	Nguyễn	Tin học đại cương	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện

	Thị Thanh Tâm							chương trình
25	Vũ Quốc Tuấn	Tin học đại cương	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
26	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Tiếng Anh 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Tiếng Anh 2	Học kì 1, năm thứ hai	X				
27	Luyện Minh Thư	Triết học Mác - Lênin	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
28	Phạm Thị Thu Thủy	Khóa luận tốt nghiệp	Kỳ 2, năm thứ tư	X				Giảng viên thực hiện chương trình
29	Nguyễn Thị Hòa	Sinh hóa thể dục thể thao	Kỳ 1, năm thứ tư	X				Giảng viên thực hiện chương trình
30	Vũ Thị Điệp Lan	Tiếng Anh 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Tiếng Anh 2	Học kì 1, năm thứ hai	X				

31	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Tiếng Anh 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Tiếng Anh 2	Học kì 1, năm thứ hai	X				
32	Lê Thị Bắc	Tiếng Anh 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Tiếng Anh 2	Học kì 1, năm thứ hai	X				
33	Phạm Thị Hà Trang	Tiếng Anh 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Tiếng Anh 2	Học kì 1, năm thứ hai	X				
34	Bùi Thị Thủy	Tiếng Anh 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Tiếng Anh 2	Học kì 1, năm thứ hai	X				
35	Nguyễn Thị Hải Vân	Giáo dục môi trường	Học kì 1, năm thứ hai			X		Giảng viên thực hiện chương trình
35	Đàm Văn Bắc	Giáo dục môi trường	Học kì 1, năm thứ hai			X		Giảng viên thực hiện chương trình
37	Phạm Thị Hòa	Giáo dục môi trường	Học kì 1, năm thứ hai			X		Giảng viên thực hiện chương trình
38	Quân khu 3	Giáo dục quốc phòng – an ninh 1	Học kì 2, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình

		Giáo dục quốc phòng – an ninh 2	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Giáo dục quốc phòng – an ninh 3	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Giáo dục quốc phòng – an ninh 4	Học kì 2, năm thứ hai	X				
39	Đỗ Quốc Vương	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	Học kỳ 2, năm thứ tư	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Lịch sử thể dục thể thao và thể thao trường học	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Vệ sinh y học thể dục thể thao	Học kỳ I, năm thứ hai			X		
		Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	Học kỳ 2, năm thứ tư			X		
		Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 (Chạy trung bình, ngắn, tiếp, nhảy xa)	Học kì 1, năm thứ nhất	X				
		Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ)	Học kì 2, năm thứ nhất	X				

	Phương pháp giảng dạy Võ thuật	Học kì 1, năm thứ tư	X				
	Phương pháp giảng dạy Aerobic	Học kì 2, năm thứ hai	X				
	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 3	Học kì 1, năm thứ hai	X				
	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 3	Học kì 1, năm thứ hai	X				
	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 4	Học kì 2, năm thứ hai	X				
	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				
	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 2	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 3	Học kì 1, năm thứ hai	X				
	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 4	Học kì 2, năm thứ hai	X				
	Khóa luận tốt nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ tư	X				

40	Phạm Thành Đông	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	Học kỳ 2, năm thứ tư	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Lịch sử thể dục thể thao và thể thao trường học	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Vệ sinh y học thể dục thể thao	Học kỳ I, năm thứ hai			X		
		Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	Học kỳ 2, năm thứ tư			X		
		Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 (Chạy trung bình, ngắn, tiếp, nhảy xa)	Học kì 1, năm thứ nhất	X				
		Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ)	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Phương pháp giảng dạy Bóng rổ	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Phương pháp giảng dạy Cầu lông	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Phương pháp giảng dạy Võ thuật	Học kì 1, năm thứ tư	X				

	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				
	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 2	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 4	Học kì 2, năm thứ hai	X				
	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				
	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 4	Học kì 2, năm thứ hai	X				
	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				
	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				
	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 2	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 3	Học kì 1, năm thứ hai	X				
	Thể thao chuyên sâu Cầu	Học kì 2, năm thứ hai	X				

	lông 4					
	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X			
	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 2	Học kì 2, năm thứ nhất	X			
	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 3	Học kì 1, năm thứ hai	X			
	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 4	Học kì 2, năm thứ hai	X			
	Phương pháp giảng dạy Đá cầu	Học kì 2, năm thứ ba				X
	Phương pháp giảng dạy Bơi lội	Học kì 2, năm thứ ba				X
	Phương pháp giảng dạy Khiêu vũ thể thao	Học kì 2, năm thứ ba				X
	Phương pháp giảng dạy Cờ vua	Học kì 2, năm thứ ba				X
	Nghiệp vụ sư phạm 2	Học kỳ 1, năm thứ ba	X			
	Thực tập sư phạm 1	Học kỳ 2, năm thứ ba	X			

		Thực tập sư phạm 2	Học kỳ 1, năm thứ tư	X				
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ tư	X				
41	Nguyễn Hữu Thái	Vệ sinh y học thể dục thể thao	Học kỳ 1, năm thứ hai			X		Giảng viên thực hiện chương trình
		Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 (Chạy trung bình, ngắn, tiếp, nhảy xa)	Học kì 1, năm thứ nhất	X				
		Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ)	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Phương pháp giảng dạy Thể dục	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Phương pháp giảng dạy Bóng bàn	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Phương pháp giảng dạy Bóng rổ	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Phương pháp giảng dạy Võ thuật	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Thể thao chuyên sâu Bóng đá 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				

	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 2	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				
	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 2	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 3	Học kỳ 1, năm thứ hai	X				
	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 4	Học kỳ 2, năm thứ hai	X				
	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 2	Học kỳ 2, năm thứ nhất	X				
	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 1	Học kỳ 1, năm thứ nhất	X				
	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 2	Học kỳ 2, năm thứ nhất	X				
	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 3	Học kỳ 1, năm thứ hai	X				

		Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 4	Học kỳ 2, năm thứ hai	X				
		Phương pháp giảng dạy Đá cầu	Học kỳ 2, năm thứ ba			X		
		Phương pháp giảng dạy Khiêu vũ thể thao	Học kỳ 2, năm thứ ba			X		
		Phương pháp giảng dạy Cờ vua	Học kỳ 2, năm thứ ba			X		
		Khóa luận tốt nghiệp	Kỳ 2, năm thứ tư	X				
42	Trần Doãn Khoa	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 (Chạy trung bình, ngắn, tiếp, nhảy xa)	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ)	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Phương pháp giảng dạy Thể dục	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Phương pháp giảng dạy Bóng đá	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Phương pháp giảng dạy	Học kì 1, năm thứ ba	X				

	Bóng chuyên					
	Phương pháp giảng dạy Bóng rổ	Học kì 2, năm thứ ba	X			
	Phương pháp giảng dạy Cầu lông	Học kì 2, năm thứ ba	X			
	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 1	Học kỳ 1, năm thứ nhất	X			
	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 2	Học kỳ 2, năm thứ nhất	X			
	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 3	Học kỳ 1, năm thứ hai	X			
	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 4		X			
	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyên 1	Học kỳ 1, năm thứ nhất	X			
	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyên 2	Học kỳ 2, năm thứ nhất	X			
	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyên 3	Học kỳ 1, năm thứ hai	X			

		Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 4	Học kỳ 2, năm thứ hai	X				
		Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 1	Học kỳ 1, năm thứ nhất	X				
		Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 2	Học kỳ 2, năm thứ nhất	X				
		Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 3	Học kỳ 1, năm thứ hai	X				
		Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 4	Học kỳ 2, năm thứ hai	X				
		Thể thao chuyên sâu Võ thuật 2	Học kỳ 2, năm thứ nhất	X				
		Thể thao chuyên sâu Võ thuật 4	Học kỳ 2, năm thứ hai	X				
		Phương pháp giảng dạy Cờ vua	Học kỳ 2, năm thứ ba			X		
		Nghiệp vụ sư phạm 2	Học kỳ 1, năm thứ ba	X				
		Khóa luận tốt nghiệp	Kỳ 2, năm thứ tư	X				
43	Phạm	Phương pháp giảng dạy	Học kỳ 1, năm thứ ba	X				Giảng viên thực hiện

Văn Đổ	Thẻ dực						chương trình
	Phương pháp giảng dạy Bóng đá	Học kì 1, năm thứ ba	X				
	Phương pháp giảng dạy Bóng chuyên	Học kì 1, năm thứ ba	X				
	Phương pháp giảng dạy Cầu lông	Học kì 2, năm thứ ba	X				
	Phương pháp giảng dạy Võ thuật	Học kì 1, năm thứ tư	X				
	Thẻ thao chuyên sâu Bóng đá 1	Học kỳ 1, năm thứ nhất	X				
	Thẻ thao chuyên sâu Bóng đá 2	Học kỳ 2, năm thứ nhất	X				
	Thẻ thao chuyên sâu Bóng đá 3	Học kỳ 1, năm thứ hai	X				
	Thẻ thao chuyên sâu Bóng đá 4	Học kỳ 2, năm thứ hai	X				
	Thẻ thao chuyên sâu Bóng rổ 1	Học kỳ 1, năm thứ nhất	X				

	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 2	Học kỳ 2, năm thứ nhất	X				
	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 3	Học kỳ 1, năm thứ hai	X				
	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 4	Học kỳ 2, năm thứ hai	X				
	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 1	Học kỳ 1, năm thứ nhất	X				
	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 2	Học kỳ 2, năm thứ nhất	X				
	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 3	Học kỳ 1, năm thứ hai	X				
	Khóa luận tốt nghiệp	Kỳ 2, năm thứ tư	X				

44	Lương Minh Huệ	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
45	Nguyễn Thị Tính	Khóa luận tốt nghiệp	Kỳ 2, năm thứ tư	X				Giảng viên thực hiện chương trình
46	Hoàng Thị Ngát	Triết học Mác- Lê Nin	Kì 1 năm nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình

Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo Giáo dục thể chất dự kiến mở trình độ đại học của Trường Đại học Hải Dương

STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thu Hiền 27/08/1984 Phó trưởng khoa, Phụ trách khoa	Tiến sĩ 2018	Giáo dục thể chất	
2	Nguyễn Thị Hồng Vân	Thạc sĩ		

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành Giáo dục thể chất dự kiến mở do Trường Đại học Hải Dương thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần, môn học được phân công)	Ghi chú
1	QĐ số 23/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS huyện Kinh Môn	Vũ Thùy Nga	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	93.60 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
2	QĐ số 23/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS huyện Kinh Môn	Phạm Thị Thu Thủy	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	91.40 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
3	QĐ số	Cấp	Bồi dưỡng năng	Nguyễn Thị	QĐ số	04-06/7/2018	87.40		Công

	23/QĐ- CĐHD, ngày 15/11/201 7	cơ sở	lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS huyện Kinh Môn	Thanh Tâm	12/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2018		điểm Giỏi		nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
4	QĐ số 23/QĐ- CĐHD, ngày 15/11/201 7	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS huyện Kinh Môn	Nguyễn Thị Thanh	QĐ số 12/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	87.30 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
5	QĐ số 23/QĐ- CĐHD, ngày 15/11/201 7	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS huyện Kinh Môn	Nguyễn Đức Toàn	QĐ số 12/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	87.00 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
6	QĐ số 23/QĐ- CĐHD, ngày 15/11/201 7	Cấp cơ sở	Xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động một số Câu lạc bộ thể thao theo sở thích cho học sinh THCS Chu	Nguyễn Thái Hưng	QĐ số 12/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	87.00 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13

			Văn An theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới						
7	QĐ số 23/QĐ-CDHD, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Phát triển hoạt động liên kết giữa trường Cao đẳng Hải Dương với các trường Tiểu học, THCS trong việc dạy kỹ năng sống cho học sinh	Tạ Thị Thúy Ngân	QĐ số 12/QĐ-CDHD, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	91.90 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
8	QĐ số 23/QĐ-CDHD, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS môn tiếng Anh huyện Kinh Môn	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	QĐ số 12/QĐ-CDHD, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	88.70 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
9	QĐ số 23/QĐ-CDHD,	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực	Nguyễn Thị Thanh Huyền	QĐ số 12/QĐ-CDHD,	04-06/7/2018	89.70 điểm Giỏi		Công nhận ngày

	ngày 15/11/201 7		nghề nghiệp cho giáo viên THCS môn tiếng Anh huyện Kinh Môn		ngày 02/6/2018				20/7/2018 QĐ số 13
10	QĐ số 23/QĐ- CĐHD, ngày 15/11/201 7	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS môn tiếng Anh huyện Kinh Môn	Phạm Thị Hà Trang	QĐ số 12/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	87.90 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
11	QĐ số 14/QĐ- CĐHD, ngày 15/11/201 8	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS huyện Kinh Môn	Vũ Thùy Nga	QĐ số 12/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	90.70 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
12	QĐ số 14/QĐ- CĐHD, ngày 15/11/201 8	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực tạo lập văn bản nghị luận xã hội cho học sinh lớp 9 thi vào lớp 10 THPT	Phạm Thị Thu Thủy	QĐ số 12/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	91.70 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
13	QĐ số	Cấp	Thiết kế bài	Nguyễn Thị	QĐ số	29-30/6/2019	90.50		Công

	14/QĐ- CĐHD, ngày 15/11/201 8	cơ sở	giảng trực tuyến E-learning môn Ngữ văn THCS	Thanh Tâm	12/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2019	01/7/2019	điểm Xuất sắc		nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
14	QĐ số 14/QĐ- CĐHD, ngày 15/11/201 8	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học (về tác phẩm/ đoạn trích thơ) cho học sinh lớp 9 thi vào lớp 10 THPT	Nguyễn Thị Thanh	QĐ số 12/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	90.60 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
15	QĐ số 14/QĐ- CĐHD, ngày 15/11/201 8	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học (về tác phẩm/ đoạn trích truyện) cho học sinh lớp 9 thi vào lớp 10 THPT	Nguyễn Đức Toàn	QĐ số 12/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	90.40 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
16	QĐ số 14/QĐ-	Cấp cơ sở	Giáo dục kỹ năng sống cho học	Tạ Thị Thúy Ngân	QĐ số 12/QĐ-	29-30/6/2019 01/7/2019	94.40 điểm		Công nhận

	CĐHD, ngày 15/11/201 8		sinh, sinh viên trường Cao đẳng Hải Dương		CĐHD, ngày 02/6/2019		Xuất sắc		ngày 21/7/2019 QĐ số 13
17	QĐ số 14/QĐ- CĐHD, ngày 15/11/201 8	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình ôn tập Kỹ năng Đọc hiểu môn Tiếng Anh thi vào lớp 10 THPT	Nguyễn Thị Tuyết Nhưng	QĐ số 12/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	90.10 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
18	QĐ số 14/QĐ- CĐHD, ngày 15/11/201 8	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình ôn tập Kỹ năng Viết môn Tiếng Anh thi vào lớp 10 THPT	Phạm Thị Hà Trang	QĐ số 12/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	90.40 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
19	QĐ số 14/QĐ- CĐHD, ngày 15/11/201 8	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình ôn tập Từ vựng - Ngữ pháp - Chức năng ngôn ngữ môn Tiếng Anh thi vào lớp 10 THPT	Nguyễn Thị Thanh Huyền	QĐ số 12/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	90.70 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13

20	QĐ số 14/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2018	Cấp cơ sở	Xây dựng bài học trực tuyến E-learning bộ môn tiếng Anh cho học sinh khối 6	Vũ Thị Diệp Lan	QĐ số 12/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	88.30 điểm Giỏi		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
21	QĐ số 10/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Xây dựng bộ kiểm định chất lượng giáo dục THPT	Vũ Thùy Nga	QĐ số 41/QĐ-CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	96.60 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
22	QĐ số 10/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá ngành Công tác xã hội, ngành Sư phạm Ngữ văn	Phạm Thị Thu Thủy	QĐ số 41/QĐ-CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	96.50 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
23	QĐ số 10/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng đề thi học sinh giỏi lớp 9 môn Ngữ văn, đề thi thử vào lớp 10 môn Ngữ văn	Nguyễn Thị Thanh Tâm	QĐ số 41/QĐ-CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	95.70 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42

24	QĐ số 10/QĐ- CĐHD, ngày 15/11/202 0	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá ngành Quản lý văn hóa, ngành Sư phạm Ngữ văn	Nguyễn Thị Thanh	QĐ số 41/QĐ- CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	96.20 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
25	QĐ số 10/QĐ- CĐHD, ngày 15/11/202 0	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá ngành Việt Nam học, ngành Sư phạm Ngữ văn	Nguyễn Đức Toàn	QĐ số 41/QĐ- CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	95.40 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
26	QĐ số 10/QĐ- CĐHD, ngày 15/11/202 0	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy học học phân: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin	Tạ Thị Thúy Ngân	QĐ số 41/QĐ- CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	98.10 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
27	QĐ số 10/QĐ- CĐHD, ngày 15/11/202	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy học học phân: Đường lối cách mạng	Nguyễn Thị Thu Hà	QĐ số 41/QĐ- CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	97.40 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42

	0		của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh						
28	QĐ số 10/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Xây dựng các quyết định phục vụ kiểm định	Đàm Văn Bắc	QĐ số 41/QĐ-CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	96.60 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
29	QĐ số 10/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hoàng Thị Ngát	QĐ số 41/QĐ-CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	96.30 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
30	QĐ số 10/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin	Nguyễn Thị Lại	QĐ số 41/QĐ-CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	96.10 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42

31	QĐ số 10/QĐ- CĐHD, ngày 15/11/202 0	Cấp cơ sở	Kiểm định môn Tâm lí học lứa tuổi và Tâm lí học sư phạm ngành đào tạo giáo viên THCS; Hoạt động giáo dục ở trường THCS	Nguyễn Thị Tím Huế	QĐ số 41/QĐ- CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	95.80 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
32	QĐ số 10/QĐ- CĐHD, ngày 15/11/202 0	Cấp cơ sở	Xây dựng bộ kiểm định THPT môn Ngữ văn 10	Đoàn Thị Việt Nga	QĐ số 41/QĐ- CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	93.50 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
33	QĐ số 10/QĐ- CĐHD, ngày 15/11/202 0	Cấp cơ sở	Thiết kế KHDH môn GDTC lớp 6 theo Chương trình GDPT mới	Nguyễn Thái Hưng	QĐ số 41/QĐ- CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	89.40 điểm Giỏi		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
34	QĐ số 73/QĐ- CĐHD,	Cấp cơ sở	Xây dựng bộ sản phẩm kiểm định giáo dục môn	Vũ Thùy Nga	QĐ số 26/QĐ- CĐHD,	23-24/6/2022	95.10 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày

	ngày 22/11/202 1		Ngữ văn lớp 11 khóa 2020 - 2023		ngày 02/6/2022				15/7/2022 QĐ số 35
35	QĐ số 73/QĐ- CĐHD, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên môn Ngữ văn THCS đáp ứng chương trình GDPT mới (Chuyên đề Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu dạy học môn Ngữ văn cấp THCS theo chương trình GDPT 2018)	Phạm Thị Thu Thủy	QĐ số 26/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	98.30 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
36	QĐ số 73/QĐ- CĐHD, ngày 22/11/202	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên môn Ngữ văn THCS đáp ứng	Nguyễn Thị Thanh Tâm	QĐ số 26/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	91.10 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35

	1		chương trình GDPT mới (Chuyên đề Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu dạy học môn Ngữ văn cấp THCS theo chương trình GDPT 2018)						
37	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng đề thi tốt nghiệp THPT và thi đại học môn Ngữ văn	Nguyễn Thị Thanh	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	94.30 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
38	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên môn Ngữ văn THCS đáp ứng chương trình GDPT mới	Nguyễn Đức Toàn	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	97.40 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35

			(Chuyên đề Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu dạy học môn Ngữ văn cấp THCS theo chương trình GDPT 2018)						
39	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng chuyên đề ôn thi tốt nghiệp THPT và thi Đại học môn Ngữ văn (phần truyện)	Nguyễn Thị Tính	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	88.80 điểm Giỏi		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
40	QĐ số 73/QĐ-CĐHD, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng bài giảng Elearning môn Tin học lớp 10 bài 6,7	Phạm Thị Loan	QĐ số 26/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	94.60 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
41	QĐ số 73/QĐ-CĐHD,	Cấp cơ sở	Thiết kế kế hoạch dạy học môn Thể thao tự	Nguyễn Thái Hưng	QĐ số 26/QĐ-CĐHD,	23-24/6/2022	92.90 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày

	ngày 22/11/202 1		chọn lớp 7 theo chương trình GDPT 2018		ngày 02/6/2022				15/7/2022 QĐ số 35
42	QĐ số 73/QĐ- CĐHD, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Thiết kế kế hoạch dạy học môn Thể dục lớp 10 theo chương trình GDPT 2018	Nguyễn Thị Thu Hiền	QĐ số 26/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	92.80 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
43	QĐ số 73/QĐ- CĐHD, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên THCS module Tin học	Nguyễn Thị Thanh Tâm	QĐ số 26/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	91.90 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
44	QĐ số 73/QĐ- CĐHD, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên THCS module Tin học	Phạm Thị Loan	QĐ số 26/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	91.90 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
45	QĐ số 73/QĐ- CĐHD,	Cấp cơ sở	Mối quan hệ giữa khí chất và stress ở học sinh	Đông Thị Yến	QĐ số 26/QĐ- CĐHD,	23-24/6/2022	90.00 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày

	ngày 22/11/202 1		THPT		ngày 02/6/2022				15/7/2022 QĐ số 35
46	QĐ số 73/QĐ- CĐHD, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên năm 2022 đáp ứng chương trình Giáo dục phổ thông 2018	Nguyễn Thị Tím Huế	QĐ số 26/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	89.00 điểm Giỏi		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
47	QĐ số 73/QĐ- CĐHD, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Một số biện pháp tạo hứng thú học tập cho sinh viên trong dạy học các môn lí luận Mác- Lênin ở trường đại học, cao đẳng	Tạ Thị Thúy Ngân	QĐ số 26/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	95.00 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
48	QĐ số 73/QĐ- CĐHD, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Thiết kế bài dạy môn GDCD lớp 6	Trần Thị Tuyền	QĐ số 26/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	91.10 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35

	1								
49	QĐ số 73/QĐ- CĐHD, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng bộ đề thi môn GDCD lớp 10	Phạm Thị Thu Hằng	QĐ số 26/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	91.33 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
50	QĐ số 73/QĐ- CĐHD, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng bộ đề thi môn GDCD lớp 10	Nguyễn Thị Lài	QĐ số 26/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	91.33 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
51	QĐ số 73/QĐ- CĐHD, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng đề thi thử vào lớp 10 THPT (tối thiểu 5 đề + đáp án) môn Tiếng Anh	Vũ Thị Điệp Lan	QĐ số 26/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	91.77 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
52	QĐ số 73/QĐ- CĐHD, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng đề thi thử vào lớp 10 THPT (tối thiểu 5 đề + đáp án) môn Tiếng Anh	Nguyễn Thị Tuyết Nhưng	QĐ số 26/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	93.37 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35

53	QĐ số 73/QĐ- CĐHD, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng bộ đề thi môn GDCD lớp 11	Hoàng Thị Ngát	QĐ số 26/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	92.20 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
54	QĐ số 73/QĐ- CĐHD, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng câu hỏi ôn luyện môn GDCD phục vụ ôn luyện kì thi tốt nghiệp THPT quốc gia	Nguyễn Thị Thu Hà	QĐ số 26/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	92.37 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
55	QĐ số 73/QĐ- CĐHD, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng câu hỏi ôn luyện môn GDCD phục vụ ôn luyện kì thi tốt nghiệp THPT quốc gia	Luyện Thị Minh Thu	QĐ số 26/QĐ- CĐHD, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	92.44 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35

Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành Giáo dục thể chất dự kiến mở của Trường Đại học Hải Dương (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Phạm Thị Thu Thủy (2012), “ <i>Dấu ấn Nam Bộ trong truyện ngắn “Mùa “len” trâu” của nhà văn Sơn Nam</i> ”, <i>Tạp chí Nhà văn</i> , số 3, tr. 112-116.	Bài viết, Tác giả
2	Phạm Thị Thu Thủy (2012), “ <i>Nhân vật trong tập truyện ngắn “Hương rừng Cà Mau” của Sơn Nam từ góc nhìn văn hóa</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội 2</i> , số 18, tr. 51-60.	Bài viết, Tác giả
3	Phạm Thị Thu Thủy (2012), <i>Thân phận con người trong tập truyện ngắn “Thầm lặng”</i> , <i>Tạp chí Văn hóa nghệ thuật</i> , số 336, tr.103-106.	Bài viết, Tác giả
4	Phạm Thị Thu Thủy (2014), “ <i>Cảm thức lưu lạc trong sáng tác của bốn nhà văn Nam Bộ</i> ”, <i>Tạp chí Văn hóa nghệ thuật</i> , số 362, tr. 85-90.	Bài viết, Tác giả
5	Phạm Thị Thu Thủy (2014), “ <i>Con người Nam Bộ “tiền hiện đại” trong sáng tác của Hồ Biểu Chánh</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội 2</i> , số 34, tr. 105-117.	Bài viết, Tác giả
6	Phạm Thị Thu Thủy (2015), “ <i>Con người Nam Bộ trọng nghĩa khinh tài trong sáng tác của nhà văn Hồ Biểu Chánh, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội</i> , số 3, tr. 68-74.	Bài viết, Tác giả
7	Phạm Thị Thu Thủy (2016), “ <i>Con người Nam Bộ trên hành trình mở đất và giữ đất trong sáng tác của Bình Nguyên Lộc và Sơn Nam</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Khoa học -</i>	Bài viết, Tác giả

	<i>Đại học Huế</i> , số 2, tr. 37-49.	
8	Phạm Thị Thu Thủy (2016), “ <i>Con người Nam Bộ trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư</i> ”, <i>Tạp chí Văn hóa nghệ thuật</i> , số 387, tr. 74-77.	Bài viết, Tác giả
9	Phạm Thị Thu Thủy (2016), <i>Dạy học Phong cách học Tiếng Việt ở chương trình Ngữ văn THCS</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.	Sách, Tác giả
10	Phạm Thị Thu Thủy (2018), <i>Từ điển tác giả, tác phẩm văn học Hải Dương</i> , Nhà xuất bản Hội Nhà văn.	Sách, Tác giả thành viên
11	Phạm Thị Thu Thủy (2022), “ <i>Một số điểm cần lưu ý khi dạy học trực tuyến môn Ngữ văn cho học sinh THCS hiện nay</i> ”, <i>Tạp chí Dạy và học ngày nay</i> , số đặc biệt, tr. 296-297.	Báo, Tác giả
12	Nguyễn Đức Toàn (2011), “ <i>Một phương diện nghệ thuật tiểu thuyết Nguyễn Bình Phương</i> ”, <i>Tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam</i> , số 202, tháng 11 năm 2011, tr. 19-23.	Bài viết, Tác giả
13	Nguyễn Đức Toàn (2012), “ <i>Đặc sắc thế giới nội tâm nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư</i> ”, <i>Tạp chí Diễn đàn văn nghệ Việt Nam</i> , số 206, tháng 3 năm 2012, tr 40-45.	Bài viết, Tác giả
14	Nguyễn Đức Toàn (2012), “ <i>Dấu hiệu của kỹ thuật dòng ý thức trong tiểu thuyết Tám ván phóng dao của Mạc Can</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học</i> , Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, (20), tháng 8 năm 2012, tr. 53-59.	Bài viết, Tác giả
15	Nguyễn Đức Toàn (2012), “ <i>Một phương diện nghệ thuật trong tiểu thuyết Người sông Mê của Châu Diên</i> ”, <i>Tạp chí Diễn đàn văn nghệ Việt Nam</i> , (214), tháng 11 năm 2012, tr. 17-22.	Bài viết, Tác giả
16	Nguyễn Đức Toàn (2013), “ <i>Kết cấu thời gian trong Nỗi buồn chiến tranh của Bảo Ninh</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học</i> , Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, (25), tháng 6 năm 2013, tr. 69 -79.	Bài viết, Tác giả

17	Nguyễn Đức Toàn (2014), “ <i>Kỹ thuật dòng ý thức trong tiểu thuyết Và khi tro bụi</i> ”, <i>Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật</i> , (355), tháng 01 năm 2014, tr. 83-87.	Bài viết, Tác giả
18	Nguyễn Đức Toàn (2014), “ <i>Tư duy thơ trong tiểu thuyết Đoàn Minh Phương</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học</i> , Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, (32), tháng 8 năm 2014, tr. 64-71.	Bài viết, Tác giả
19	Nguyễn Đức Toàn (2014), “ <i>Khuynh hướng dòng ý thức trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại</i> ”, <i>Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật</i> , (363), tháng 9 năm 2014, tr. 68-71.	Bài viết, Tác giả
20	Nguyễn Đức Toàn (2014), “ <i>Yếu tố vô thức với nỗ lực cách tân lối viết trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại</i> ”, <i>Tạp chí Nhân lực Khoa học Xã hội</i> , (5), tháng 12 năm 2014, trang 69-76.	Bài viết, Tác giả
21	Nguyễn Đức Toàn (2014), “ <i>Dấu ấn vô thức nhân vật trong tiểu thuyết Nguyễn Bình Phương từ góc nhìn phân tâm học</i> ”, In trong sách <i>Phân tâm học với văn học</i> (Hò Thê Hà, Nguyễn Thành (Chủ biên), Nhà xuất bản Đại học Huế, 2014, ISBN: 978-604-912-322-1, tr. 216-229.	Sách, Đồng tác giả
22	Nguyễn Đức Toàn (2014), “ <i>Xung quanh vấn đề người đọc trong diễn trình tiếp nhận truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp</i> ”, In trong sách <i>Mỹ học tiếp nhận văn học ở Việt Nam</i> (Nhiều tác giả, Khoa Ngữ văn trường Đại học Huế), Nhà xuất bản Đại học Huế, 2014, ISBN: 978-604-912-263-7, tr. 289-299.	Sách, Đồng tác giả
23	Nguyễn Đức Toàn (2015), “ <i>Một cách nhìn mới về hiện thực và con người trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại</i> ”, <i>Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật</i> , (368), tháng 2 năm 2015, tr. 78-83.	Bài viết, Tác giả
24	Nguyễn Đức Toàn (2015), “ <i>Biểu tượng nghệ thuật trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam</i> , số 7 (92), năm 2015, tr. 104-107.	Bài viết, Tác giả
25	Nguyễn Đức Toàn (2015), “ <i>Kiểu nhân vật đi tìm thời gian đã mất và hiệu ứng kỹ thuật dòng ý thức trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại</i> ”, <i>Tạp chí Hồn Việt</i> , số 9 (248) - 2015, tr. 68-72.	Bài viết, Tác giả
26	Nguyễn Đức Toàn (2015), “ <i>Hành trình đi tìm bản ngã trong văn xuôi Việt Nam đương đại</i> ”, <i>Tạp</i>	Bài viết,

	<i>chí Văn hóa Nghệ thuật</i> , số 376, tháng 10 - 2015, tr. 65-69.	Tác giả
27	Nguyễn Đức Toàn (2016), “ <i>Yếu tố vô thức nhân vật trong tiểu thuyết Nguyễn Bình Phương</i> ”, <i>Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật</i> , số 381, tháng 3 năm 2016, tr. 76-80.	Bài viết, Tác giả
28	Nguyễn Đức Toàn (2016), “ <i>Hành trình tôi đi tìm tôi trong một vài tác phẩm văn xuôi Việt Nam đương đại</i> ”, <i>Tạp chí Văn nghệ quân đội</i> , số 854, tháng 10 năm 2016, tr. 101-105.	Bài viết, Tác giả
29	Nguyễn Đức Toàn (2016), “ <i>Yếu tố vô thức trong một vài tiểu thuyết Việt Nam đương đại</i> ”, <i>Tạp chí Văn nghệ Quân đội</i> , số 858, tháng 12 năm 2016, tr. 106-109.	Bài viết, Tác giả
30	Nguyễn Đức Toàn (2016), “ <i>Nguyễn Bình Phương và dấu hiệu cách tân lối kể trong tiểu thuyết</i> ”, In trong sách <i>Thế hệ nhà văn sau 1975 - Diện mạo và thành tựu</i> (Hội thảo Quốc gia tổ chức tại Đại học Văn hóa Hà Nội), Nhà xuất bản Hội nhà văn, Hà Nội, 2016; ISBN: 978-604-53-6094-1, tr. 439-452.	Sách, Đồng tác giả
31	Nguyễn Đức Toàn (2016), “ <i>Phác thảo diện mạo tiểu thuyết có khuynh hướng dòng ý thức ở Việt Nam</i> ”, In trong sách <i>Văn học Việt Nam ba mươi năm Đổi mới (1986 - 2016)</i> , (Nguyễn Thành, Hồ Thế Hà (Chủ biên), Nhà xuất bản Văn học, 2017, ISBN: 978-604-954-272-5, tr. 433-448.	Sách, Đồng tác giả
32	Nguyễn Đức Toàn (2016), <i>Văn xuôi Việt Nam đương đại, hiện tượng và bút pháp</i> , Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 2016.	Sách, Tác giả
33	Nguyễn Đức Toàn (2016), <i>Hệ biểu tượng nghệ thuật trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại</i> , <i>Tạp chí Khoa học</i> , Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, (41), tháng 2, tr. 90-99.	Bài viết, Tác giả
34	Nguyễn Đức Toàn (2017), “ <i>Tính phi nhân - một hướng tiếp cận hiện thực và con người trong một số tiểu thuyết Việt Nam đương đại</i> ”, <i>Tạp chí Văn nghệ Quân đội</i> , số 876, tháng 9 năm 2017, tr. 106-110.	Bài viết, Tác giả

35	Nguyễn Đức Toàn (2017), “ <i>Đặc điểm nghệ thuật của một số tác phẩm văn xuôi viết cho tuổi mới lớn</i> ”, In trong sách <i>Nghiên cứu và dạy học Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới giáo dục</i> (Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Huế tổ chức năm 2017), Nhà xuất bản Đại học Huế, 2017, ISBN: 978-604-912-711-3, tr. 359-378.	Sách, Đồng tác giả
36	Nguyễn Đức Toàn (2017), “ <i>Diễn ngôn về giới trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư</i> ”, In trong sách <i>Nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới và hội nhập</i> (Kỷ yếu Hội thảo Khoa học toàn quốc do Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội 2 tổ chức), Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2017, ISBN 978-604-956-142-9, tr. 277-283.	Sách, Đồng tác giả
37	Nguyễn Đức Toàn (2017), “ <i>Dòng ý thức - Từ kĩ thuật đến khuynh hướng sáng tạo - Khảo sát qua một số tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến nay</i> ”, In trong sách <i>Tuyển tập công trình nghiên cứu ngữ văn học</i> , (Nhiều tác giả, Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội), Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2017, ISBN 978-604-0-10569-1, tr. 147-160.	Sách, Đồng tác giả
38	Nguyễn Đức Toàn (2018), <i>Chát trỡ tình trong kịch Lưu Quang Vũ</i> , In trong sách <i>Lưu Quang Vũ - Những đối thoại nghệ thuật</i> (Hội thảo Khoa học Quốc gia do Viện Văn học và trường Đại học Duy Tân (Đà Nẵng) tổ chức), Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2018, ISBN: 978-604-84-3417-5, tr. 347-357.	Sách, Đồng tác giả
39	Nguyễn Đức Toàn (2019), <i>Tổ chức sự kiện và thời gian trong tiểu thuyết Hồ Quý Ly của Nguyễn Xuân Khánh</i> , In trong sách <i>Nghiên cứu và giảng dạy văn học đề tài lịch sử dân tộc</i> (Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia do Trường Đại học Hồng Đức và Tạp chí Văn nghệ Quân đội phối hợp tổ chức), Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 2019, ISBN: 978-604-963-259-4, tr. 214-227.	Sách, Đồng tác giả
40	Nguyễn Đức Toàn (2019), <i>Diễn ngôn về giới trong truyện ngắn chữ Hán Việt Nam từ thế kỉ XV</i>	Bài viết,

	<i>đến XIX</i> , In trong <i>Văn học và Giới</i> (Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia do Trường Đại học Sư phạm Huế, Tạp chí Nghiên cứu văn học tổ chức), Nhà xuất bản Đại học Huế, 2019, ISBN: 978-604-974-265-1, tr. 647-659.	Tác giả
41	Nguyễn Đức Toàn (2020), <i>Hình tượng thiên nhiên trong sáng tác Nguyễn Minh Châu sau 1975</i> , <i>Tạp chí Thế giới trong ta</i> , số Chuyên đề 201 tháng 5 năm 2020, tr. 33-39.	Bài viết, Tác giả
42	Nguyễn Đức Toàn (2020), <i>Những vỉa tầng văn hóa trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại</i> , <i>Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật</i> , tháng 9 năm 2020, tr. 32-36.	Bài viết, Tác giả
43	Nguyễn Đức Toàn (2020), <i>Hình tượng thiên nhiên trong sáng tác Nguyễn Minh Châu</i> , In trong sách <i>Nguyễn Minh Châu trong tiến trình đổi mới văn học</i> (Nguyễn Đăng Điệp chủ biên, Viện Văn học - Viện Hàn lâm khoa học Xã hội Việt Nam), Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2020, ISSN: 978-604-9964-18-3, tr. 439-454.	Bài viết, Tác giả
44	Nguyễn Đức Toàn (2020), “ <i>Từ hình tượng chiến sĩ công an nhân dân trong Bên kia cổng trời (Ngôn Vĩnh), nghĩ về một hướng đi của tiểu thuyết tư liệu trong dòng chảy văn chương đương đại</i> ”, In trong sách <i>Sáng tạo văn học về đề tài công an nhân dân từ năm 1986 đến nay</i> , Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 283-301.	Sách, Tác giả thành viên
45	Nguyễn Đức Toàn (2021), <i>Tiểu thuyết Việt Nam đương đại nhìn từ lí thuyết liên văn bản</i> , <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân</i> , số 04 (47), tháng 8 năm 2021.	Bài viết, Tác giả
46	Nguyễn Đức Toàn (2021), <i>Nét đẹp đời thường trong trang văn Lê Minh Khuê</i> , <i>Đặc san Văn hóa Quân sự</i> , (4), tr. 80-81.	Bài viết, Tác giả
47	Nguyễn Đức Toàn (2021), <i>Phát triển năng lực môn Ngữ văn cho học sinh lớp 6</i> (Theo Chương trình GDPT 2018 và sách giáo khoa mới), Nhà xuất bản Dân trí.	Sách, Đồng tác giả
48	Nguyễn Đức Toàn (2021), <i>Hướng dẫn kỹ năng viết đoạn văn nghị luận xã hội theo chương</i>	Sách,

	<i>trình sách giáo khoa mới - lớp 6</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.	Đồng tác giả
49	Nguyễn Đức Toàn (2022), <i>Đột phá tư duy qua các chuyên đề Ngữ văn ôn luyện thi vào lớp 10 THPT</i> , Nhà xuất bản Dân trí, Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
50	Nguyễn Đức Toàn (2022), <i>Học tốt Ngữ văn 6, tập 1, Biên soạn theo chương trình giáo dục phổ thông mới - Theo SGK Kết nối tri thức với cuộc sống</i> , Nhà xuất bản Dân trí, Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
51	Nguyễn Đức Toàn (2022), <i>Học tốt Ngữ văn 6, tập 2, Biên soạn theo chương trình giáo dục phổ thông mới - Theo SGK Kết nối tri thức với cuộc sống</i> , Nhà xuất bản Dân trí, Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
52	Nguyễn Đức Toàn (2022), <i>Học tốt Ngữ văn 6, tập 1, Biên soạn theo chương trình giáo dục phổ thông mới - Theo SGK Cánh Diều</i> , Nhà xuất bản Dân trí, Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
53	Nguyễn Đức Toàn (2022), <i>Học tốt Ngữ văn 6, tập 2, Biên soạn theo chương trình giáo dục phổ thông mới - Theo SGK Cánh Diều</i> , Nhà xuất bản Dân trí, Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
54	Nguyễn Đức Toàn (2022), <i>Giúp em học tốt Ngữ văn 7, tập 1 (Theo chương trình SGK mới - Bộ Cánh Diều)</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
55	Nguyễn Đức Toàn (2022), <i>Giúp em học tốt Ngữ văn 7, tập 2 (Theo chương trình SGK mới - Bộ Cánh Diều)</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
56	Nguyễn Đức Toàn (2022), <i>Giúp em học tốt Ngữ văn 10, tập 1 (Theo chương trình SGK mới - Bộ Cánh Diều)</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
57	Nguyễn Đức Toàn (2022), <i>Giúp em học tốt Ngữ văn 10, tập 2 (Theo chương trình SGK mới - Bộ Cánh Diều)</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.	Sách, Đồng tác giả
58	Nguyễn Đức Toàn (2023), <i>Đề kiểm tra, đánh giá năng lực môn Ngữ văn 6</i> , Nhà xuất bản Dân trí, Hà Nội, 2023.	Sách, Đồng tác giả
59	Nguyễn Đức Toàn (2023), <i>Đề kiểm tra, đánh giá năng lực môn Ngữ văn 7</i> , Nhà xuất bản Dân	Sách,

	trí, Hà Nội, 2023.	Đồng tác giả
60	Luyện Thị Minh Thư (2013), <i>Bước đầu tìm hiểu về tình hình tôn giáo ở Ấn Độ hiện nay</i> , Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á, số 2 (5), tr. 26-33.	Bài viết, Tác giả
61	Luyện Thị Minh Thư (2016), <i>Hướng dẫn tự học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 267-316.	Sách, Tác giả thành viên
62	Luyện Thị Minh Thư (2016), <i>Quan niệm trung, hiếu của Phan Bội Châu trong Khổng học đăng</i> , Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 386 (8), tr. 85-88.	Bài viết, Tác giả
63	Luyện Thị Minh Thư (2016), <i>Quan niệm về nội dung giáo dục của Nho giáo và sự luận giải quan niệm này của Phan Bội Châu trong tác phẩm Khổng học đăng</i> , Tạp chí Giáo dục lí luận, số 248 (7), tr. 46-61.	Bài viết, Tác giả
64	Luyện Thị Minh Thư (2016), <i>Quan niệm về nhân trong học thuyết Khổng - Mạnh và biểu hiện của nó ở nhà nho Phan Bội Châu</i> , Tạp chí Nhân lực Khoa học Xã hội, số 8 (39), tr. 102-110.	Bài viết, Tác giả
65	Luyện Thị Minh Thư (2016), <i>Quan niệm về “trời”, “mệnh trời” trong tác phẩm Khổng học đăng của Phan Bội Châu</i> , Tạp chí Giáo dục lí luận, số 245, tr. 93-94,109.	Bài viết, Tác giả
66	Luyện Thị Minh Thư (2022), <i>Phân tích chủ nghĩa duy vật biện chứng theo chuyên đề</i> , Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, tr. 96-140.	Sách, Tác giả thành viên
67	Nguyễn Thị Thu Hiền (2020), “ <i>Lựa chọn các test và xây dựng tiêu chuẩn đánh giá thực trạng thể lực chuyên môn của nam sinh viên đội tuyển Bóng rổ trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội</i> ”, Tạp chí khoa học và đào tạo thể dục thể thao Trường ĐH TDTT TPHCM, số 2/2020, trang 36.	Bài viết, tác giả
68	Nguyễn Thị Thu Hiền (2020), “ <i>Nghiên cứu bài tập dưỡng sinh đối với người cao tuổi sau 3</i>	Bài viết, tác giả

	<i>tháng tập luyện tại câu lạc bộ dưỡng sinh hội người cao tuổi phường Thanh bình, Thành phố Hải dương</i> ”, Tạp chí khoa học và đào tạo thể thao Trường ĐH TDTT Đà Nẵng, số 20-6/2022, Trang 37.	
69	Nguyễn Thị Thu Hiền (2020), “ <i>Thực trạng sinh viên năm thứ nhất khóa 8 trường Đại học Thái Bình</i> ”, Tạp chí khoa học và đào tạo thể dục thể thao Trường ĐH TDTT Đà Nẵng, số 14-12/2020, Trang 66.	Bài viết, tác giả
70	Nguyễn Thị Thu Hiền (2020), “ <i>Tuyển tập một số Trò chơi vận động phát triển thể chất cho trẻ mầm non</i> ”, Nhà xuất bản Giáo dục, năm 2020.	Sách, tác giả thành viên
71	Nguyễn Thị Thu Hiền (2021), “ <i>Lựa chọn các test và xây dựng tiêu chuẩn đánh giá thực trạng thể lực chuyên môn của nam sinh viên đội tuyển Bóng rổ trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội</i> ”, Tạp chí khoa học và đào tạo thể dục thể thao Trường ĐH TDTT Đà Nẵng, số 17- 9/2021, trang 57.	Bài viết, tác giả
72	Nguyễn Thị Thu Hiền (2021), “ <i>Thực trạng thể lực nam sinh viên năm thứ nhất trường Cao đẳng Hải Dương</i> ”, Tạp chí khoa học và đào tạo thể thao Trường ĐH TDTT Đà Nẵng Số 18-12/2021, Trang 194.	Bài viết, tác giả
73	Nguyễn Thị Thu Hiền (2021), “ <i>Xây dựng tiêu chí đánh giá thực trạng hoạt động học tập môn GDTC cho sinh viên trường Đại học Thái Bình</i> ”, Tạp chí khoa học và đào tạo thể thao Trường ĐH TDTT Đà Nẵng , số 18-12/2021, Trang 222.	Bài viết, tác giả
74	Nguyễn Thị Thu Hiền (2022), “ <i>Thực trạng thể lực Nam sinh viên năm thứ nhất khóa 41 trường Cao đẳng Hải Dương</i> ”, Tạp chí khoa học Thể dục thể thao, số 2/2022, trang 81.	Bài viết, tác giả
75	Nguyễn Thị Thu Hiền (2022), “ <i>Đánh giá thực trạng thể lực của sinh viên năm thứ nhất Trường Cao đẳng Hải Dương</i> ”, Tạp chí khoa học và đào tạo thể dục thể thao, số 4/2022, trang 48.	Bài viết, tác giả

76	Nguyễn Thị Thu Hiền (2022), “ <i>Quản lý hoạt động giáo dục thể chất của học sinh trung học phổ thông</i> ”, Tạp chí Công dân và khuyến học Dạy và học ngày nay, tháng 11/2022, trang 76.	Bài viết, tác giả
77	Nguyễn Hữu Thái (2022), “ <i>Nâng cao chất lượng môn Thể dục thể thao cho học sinh trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Hải Dương</i> ”, Tạp chí Công dân và khuyến học Dạy và học ngày nay, số đặc biệt tháng 12/2022, trang 276.	Bài viết, tác giả
78	Nguyễn Thái Hưng (2012), “ <i>Thực trạng bơi lội của học sinh tiểu học tỉnh Hải Dương</i> ”, Tạp chí khoa học Thể dục thể thao Viện Khoa học thể dục thể thao, năm 2012, trang 53.	Bài viết, tác giả
79	Nguyễn Thái Hưng (2019), “ <i>Thực trạng cơ sở vật chất và hoạt động dạy bơi tại các trường tiểu học có bể bơi tỉnh Hải Dương</i> ”, Tạp chí khoa học Thể dục thể thao Viện Khoa học thể dục thể thao, năm 2019, trang 58.	Bài viết, tác giả
80	Nguyễn Thái Hưng (2019), “ <i>Kết quả triển khai Chương trình chống đuối nước học sinh tiểu học tỉnh Hải Dương</i> ”, Tạp chí khoa học Thể dục thể thao Viện Khoa học thể dục thể thao, năm 2019, trang 68.	Bài viết, tác giả
81	Nguyễn Thái Hưng (2020), “ <i>Tuyển tập một số Trò chơi vận động phát triển thể chất cho trẻ mầm non</i> ”, Nhà xuất bản Giáo dục, năm 2020.	Sách, tác giả thành viên
82	Phạm Thành Đông (2023), “ <i>Một số biện pháp nâng cao chất lượng dạy bơi cho học sinh Trung học cơ sở</i> ”, Tạp chí Công dân và khuyến học Dạy và học ngày nay, tháng 1/2023, trang 73.	Bài viết, tác giả
83	Đỗ Quốc Vương (2023), “ <i>Nâng cao ý thức học môn Giáo dục Quốc Phòng An Ninh của sinh viên các trường hiện nay</i> ”, Tạp chí Công dân và khuyến học Dạy và học ngày nay, tháng	Bài viết, tác giả

	1/2023, trang	
84	Trần quốc Hưng	
85	Cao Thị Thu hằng	

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách*, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tên bài viết*', *tên tập san*, số, kì/thời gian phát hành, số trang.
- Tác giả (Năm xuất bản), *tên tài liệu*, đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.
- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tiêu đề bài viết*', [*trong*] *tên kỷ yếu*, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành Sư phạm Ngữ văn dự kiến mở trình độ đại học của Trường Đại học Hải Dương

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	03	1,564			
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	02	405			
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	41	4,112	Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương	Các học kì 1, 2, 3, 4, 5, 7 của toàn khóa học	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	21	977	Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	Các học kì của toàn khóa học	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	02	540	Các học phần Tin học, Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2	Học kì 1, 2, 3 của toàn khóa học	

1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	71	1,939	Các học phần thuộc chương trình đào tạo	Các học kì của toàn khóa học	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	04	286	Các học phần thuộc chương trình đào tạo	Các học kì của toàn khóa học	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	15	12,740	Các học phần nghiệp vụ sư phạm, thực tập	Học kì 5, 6, 7, 8 của toàn khóa học	
4	Nhà kí túc xá 5 tầng	04	12,869		Các học kì của toàn khóa học	
5	Nhà dịch vụ	01	1,267		Các học kì của toàn khóa học	
6	Nhà ăn sinh viên	02	950		Các học kì của toàn khóa học	
7	Phòng tập thể thao, nhà tập đa năng	02	976	Các học phần chuyên ngành Giáo dục thể chất Giáo dục quốc phòng - an ninh		
8	Sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo, bể bơi	02	2,750	Các học phần chuyên ngành Giáo dục thể chất Giáo dục quốc phòng - an ninh	Học kì 1, 2, 4 của toàn khóa học	
9	Sân bóng chuyên	02	840	Các học phần chuyên	Học kì 1, 2, 4	

				ngành Giáo dục thể chất Giáo dục quốc phòng - an ninh	của toàn khóa học	
10	Sân bóng rổ	03	2,100	Các học phần Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 2, Giáo dục quốc phòng - an ninh	Học kì 1, 2, 4 của toàn khóa học	
	Tổng		44,315			

Mẫu 7: Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kì, Năm học)	Ghichú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Giáo trình triết học Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lí luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Triết học Mác-Lênin	PLO001	Kì I	
2	Giáo trình triết học Mác - Lênin (Tái bản có sửa chữa, bổ sung)	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Triết học Mác-Lênin	PLO001	Kì I	
3	Giáo trình Những nguyên lí	Bộ Giáo dục	Chính trị Quốc gia,	50	Triết học	PLO001	Kì I	

	ơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Dành cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)	và Đào tạo	Hà Nội, 2017, Việt Nam		Mác-Lênin			
4	Những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng	Hội đồng Lí luận Trung ương	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Triết học Mác-Lênin	PLO001	Kì I	
5	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin(Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lí luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	PLO002	Kì II	
6	Giáo trình Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin(Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, Việt Nam	50	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	PLO002	Kì II	
7	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội,	50	Chủ nghĩa xã hội	PLO003	Kì III	

	học không chuyên lí luận chính trị)		2021, Việt Nam		khoa học			
8	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đỗ Nguyên Phương	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, Việt Nam	50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	PLO003	Kì III	
9	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đỗ Nguyên Phương, Nguyễn Viết Thông	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	PLO003	Kì III	
10	Hỏi - đáp môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đỗ Thị Thạch	Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2005, Việt Nam	50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	PLO003	Kì III	
11	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học không chuyên lí luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	PLO004	Kì IV	
12	Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 1,2,4,15		Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2011, Việt Nam	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	PLO004	Kì IV	
13	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, Việt Nam	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	PLO004	Kì IV	

14	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	PLO004	Kì IV	
15	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho sinh viên hệ chuyên Lí luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PLO005	Kì IV	
16	Chương trình môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho sinh viên hệ chuyên Lí luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PLO005	Kì V	
17	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, Việt Nam	50	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PLO005	Kì V	
18	Báo cáo tổng kết một số vấn đề lí luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016)	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, Việt Nam	50	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PLO005	Kì V	
19	DVD-ROM Văn kiện Đảng toàn tập	Đảng Cộng sản Việt Nam	Trung tâm Công nghệ DVD, Hà Nội, 2020, Việt Nam	50	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PLO005	Kì V	
20	Hồ Chí Minh toàn tập	Hồ Chí Minh	Chính trị Quốc gia,	50	Lịch sử	PLO005	Kì V	

			Hà Nội, 2011, Việt Nam		Đảng Cộng sản Việt Nam			
21	80 năm Đảng Cộng sản Việt Nam, những chặng đường lịch sử (1930 - 2010)	Ngô Đăng Tri	Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2010, Việt Nam	50	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PLO005	Kì V	
22	Life: A2-B1	Hughes. J, Stephenson. H, Dummet. P	Cengage Learning Asia, 2015, Singapore	50	Tiếng Anh 1	EN01	Kì I	
23	Test your English Vocabulary in Use	Redman. S, Ruth. G	Trẻ, 2001, Việt Nam	50	Tiếng Anh 1	EN01	Kì I	
24	Grammar in Use	Murphy. R	Oxford University Press, 2006, Vương quốc Anh	50	Tiếng Anh 1	EN01	Kì I	
25	Life: A2-B1	Hughes. J, Stephenson. H, Dummet. P	Cengage Learning Asia, 2015, Singapore	50	Tiếng Anh 2	EN013	Kì III	
26	Test your English Vocabulary in Use	Redman. S, Ruth. G	Trẻ, 2001, Việt Nam	50	Tiếng Anh 2	EN013	Kì III	
27	Grammar in Use	Murphy. R	Oxford University Press, 2006, Vương quốc Anh	50	Tiếng Anh 2	EN013	Kì III	

28	Bộ giáo trình IC3: Máy tính căn bản; Các ứng dụng chủ chốt; Cuộc sống trực tuyến	Microsoft Việt Nam	Giáo dục Việt Nam, 2014, Việt Nam	50	Tin học đại cương	IT013	Kì I	
29	Giáo trình Thực hành Tin học cơ sở	Phạm Hồng Thái, Du Phương Hạnh, Lương Việt Nguyên, Nguyễn Việt Tân, Đào Minh Thu	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Tin học đại cương	IT013	Kì I	
30	Tin học cơ sở	Đào Kiến Quốc, Bùi Thế Duy	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Tin học đại cương	IT013	Kì I	
31	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Pháp luật đại cương	PSY013	Kì IV	
32	Giáo trình Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn (Chủ biên)	Chính trị Quốc gia, 2012, Việt Nam	50	Pháp luật đại cương	PSY013	Kì IV	
33	Giáo trình Lí luận Nhà nước và Pháp luật	Lê Minh Tâm, Nguyễn	Công an nhân dân, 2015, Việt Nam	50	Pháp luật đại cương	PSY013	Kì IV	

		Minh Đoan						
34	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành Giáo dục và Đào tạo	Phạm Viết Vượng (Chủ biên)	Đại học Su phạm Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU014	Kì VII	
35	Quản lí hành chính Nhà nước và quản lí ngành Giáo dục và Đào tạo		Đại học Su phạm, 2005, Việt Nam	50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU014	Kì VII	
36	Nghị quyết 29, Hội nghị 8 BCHTW khóa XI ngày 4/11/2013			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU014	Kì VII	
37	Luật Giáo dục 2019			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU014	Kì VII	
38	Luật Trẻ em 2016			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU014	Kì VII	
39	Luật Viên chức 2010			50	Quản lí hành	EDU016	Kì VII	

					chính NN và quản lí ngành GDĐT			
40	Luật Cán bộ, công chức 2008			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU014	Kì VII	
41	Điều lệ trường Trung học (Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 05/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU014	Kì VII	
42	Thông tư 39/2013/TT-BGDĐT ngày 04/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU014	Kì VII	
43	Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU014	Kì VII	

	Quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học							
44	Báo cáo tổng kết đánh giá Giáo dục và Đào tạo Hải Dương hằng năm			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU014	Kì VII	
45	Giáo trình quản lí hành chính Nhà nước	Nguyễn Hữu Hải	Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU014	Kì VII	
46	Hệ thống giáo dục quốc dân và bộ máy quản lí giáo dục	Nguyễn Xuân Thanh	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU014	Kì VII	
47	Giáo trình Tâm lí học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	Đại học Sư phạm, 2014, Việt Nam	50	Tâm lí học	PSE115	Kì I	
48	Tâm lí học phát triển	Trương Thị Khánh Hà	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013,	50	Tâm lí học	PSE115	Kì I	

			Việt Nam					
49	Giáo trình Tâm lí học đại cương	Nguyễn Xuân Thúc	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Tâm lí học	PSE115	Kì I	
50	Giáo trình Tâm lí học giáo dục	Nguyễn Đức Sơn, Trần Quốc Thành, Lê Minh Nguyệt, Đỗ Thị Hạnh Phúc, Trần Lê Thu, Nguyễn Thị Huệ	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2015, Việt Nam	50	Tâm lí học	PSE115	Kì I	
51	Giáo trình Giáo dục học, Tập 1 + Tập 2	Trần Thị Tuyết Oanh (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Giáo dục học	PSE116	Kì II	
52	Giáo dục học	Phạm Viết Vượng	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Giáo dục học	PSE116	Kì II	
53	Dạy học hiện đại - Lí luận, biện pháp, kĩ thuật	Đặng Thành Hưng	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002, Việt Nam	50	Giáo dục học	PSE116	Kì II	
54	Những vấn đề chung của	Phan	Đại học Sư phạm	50	Giáo dục học	PSE116	Kì II	

	giáo dục học	Thanh Long (Chủ biên)	Hà Nội, 2007, Việt Nam					
55	Giải phẫu học TDTT	Trần Hạnh Dung, Quách Văn Tĩnh (2004)	Nhà xuất bản Thể Dục Thể Thao, Hà Nội	50	Giải phẫu học thể dục thể thao	PHYE117	Kì II	
56	Giải phẫu vận động	Vũ Chung Thủy, Ngô Phương Lan (2008)	Nhà xuất bản Thể Dục Thể Thao, Hà Nội	50	Giải phẫu học thể dục thể thao	PHYE117	Kì II	
57	Giáo trình Sinh lý học TDTT	Trường đại học TDTT Đà Nẵng –Tập 1,2 (2013)	NXB Thể dục thể thao	50	Sinh lý học thể dục thể thao	PHYE118	Kì V	
58	Giáo trình Sinh lý học TDTT	Trường đại học sư phạm TDTT Hà Nội (2012)	NXB Thể dục thể thao	50	Sinh lý học thể dục thể thao	PHYE118	Kì V	
59	Giáo trình Sinh hóa TDTT	Trường đại học TDTT Đà Nẵng –Tập 1,2 (2013)	NXB Thể dục thể thao	50	Sinh hóa thể dục thể thao	PHYE119	Kì VII	
60	Giáo trình Sinh hóa TDTT	Trường đại học sư phạm TDTT Hà Nội	NXB Thể dục thể thao	50	Sinh hóa thể dục thể thao	PHYE119	Kì VII	

		(2012)						
61	Lý luận và phương pháp Thể dục thể thao	PGS.TS Nguyễn Toán, TS. Phạm Danh Tồn (2006)	Nxb TĐTT, Hà Nội	50	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	PHYE120	Kì VIII	
62	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường học	ThS. Đồng Văn Triệu, TS. Lê Anh Thơ (2006)	Nxb TĐTT, Hà Nội	50	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	PHYE120	Kì VIII	
63	Giáo trình giảng dạy Lịch sử TĐTT	Lê Thiết Can (2008)		50	Lịch sử thể dục thể thao và thể thao trường học	PHYE121	Kì II	
64	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường học	ThS. Đồng Văn Triệu, TS. Lê Anh Thơ (2006)	Nxb TĐTT, Hà Nội	50	Lịch sử thể dục thể thao và thể thao trường học	PHYE121	Kì II	
65	Đo lường thể dục thể thao	UBTĐTT, Trường Đại học TĐTT I (2004)	NXB Thể dục thể thao, Hà Nội	50	Thống kê và đo lường thể dục thể thao	PHYE122	Kì III	
66	Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao	Trường Đại học TĐTT I (2008)	NXB Thể dục thể thao	50	Thống kê và đo lường thể	PHYE122	Kì III	

					dục thể thao			
67	Tuyển tập các bài toán thống kê – đo lường	Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (2011)	NXB Thể dục thể thao	50	Thống kê và đo lường thể dục thể thao	PHYE122	Kì III	
68	Giáo trình Vệ sinh học TDTT	Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội (2011)	Nxb Thể dục Thể thao	50	Vệ sinh Y học Thể dục thể thao	PHYE323.1	Kì III	
69	Giáo trình Vệ sinh học TDTT	Trường Đại học TDTT Đà Nẵng (2011)	Nxb Thể dục Thể thao	50	Vệ sinh Y học Thể dục thể thao	PHYE323.1	Kì III	
70	Giáo trình Con người và môi trường	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.	50	Giáo dục môi trường	EDU323.2	Kì III	
71	Giáo dục môi trường	Lê Văn Trường, Nguyễn Kim Tiến (đồng chủ biên)	NXB Giáo dục Hà Nội, 2006.	50	Giáo dục môi trường	EDU323.2	Kì III	
72	Cơ sở khoa học môi trường,	Lưu Đức Hải	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006.	50	Giáo dục môi trường	EDU323.2	Kì III	
73	Giáo trình Sinh thái học và môi trường	Trần Kiên và cộng sự	NXB Giáo dục, 1999	50	Giáo dục môi trường	EDU323.2	Kì III	
74	Giao tiếp sư phạm	Ngô Công Hoàn, Hoàng Anh	NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội,	50	Giao tiếp sư phạm	PSE323.3	Kì III	

			2010					
75	Giao tiếp và ứng xử sư phạm	Ngô Công Hoàn	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997	50	Giao tiếp sư phạm	PSE323.3	Kì III	
76	Các tình huống sư phạm trong giáo dục	Bùi Thị Mùi	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2006.	50	Giao tiếp sư phạm	PSE323.3	Kì III	
77	Giáo trình quản lý TDTT	Nguyễn Cẩm Ninh (chủ biên), Phạm Đình Bẩm, Đặng Đình Minh, Phạm Việt Hùng(2015)	NXBTDTT, Hà Nội	50	Quản lý thể dục thể thao	PHYE323.4	Kì 1 năm thứ 2	
78	Quản lý TDTT	Phạm Đình Bẩm, Trần Tuấn Hiếu (2015)	NXB TDTT, Hà Nội	50	Quản lý thể dục thể thao	PHYE323.4	Kì 1 năm thứ 2	
79	Giáo trình Điền kinh,	Nguyễn Thanh Tùng	NXB TDTT, Hà Nội.	50	Phương pháp giảng dạy điền kinh	MSP224	Kì I	
80	Giáo trình Điền kinh	Trường ĐHTDTT	NXB TDTT, Hà Nội.	50	Phương pháp giảng dạy điền kinh 1	MSP224	Kì I	
81	Luật điền kinh	UBTDTT	NXB TDTT, Hà Nội	50	Phương pháp giảng dạy điền	MSP224	Kì I	

					kinh 1			
82	Giáo trình Tổ chức thi đấu Thể dục thể thao	Trịnh Ngọc Trung	NXB TDTT&DL, Hà Nội.	50	Phương pháp giảng dạy điền kinh 1	MSP224	Kì I	
83	Giáo trình Điền kinh	Trường ĐHTDTT Đà Nẵng	NXB TDTT, Hà Nội	50	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2	MSP225	Kì II	
84	Giáo trình Điền kinh	Trường ĐHTDTT	NXB TDTT, Hà Nội.	50	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2	MSP225	Kì II	
85	Luật điền kinh	UBTDTT	NXB TDTT, Hà Nội	50	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2	MSP225	Kì II	
86	Giáo trình Tổ chức thi đấu Thể dục thể thao	Trịnh Ngọc Trung	NXB TDTT&DL, Hà Nội.	50	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2	MSP225	Kì II	
87	Phương pháp giảng dạy môn Công tác đội	Bùi Sĩ Tụng	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.	50	Phương pháp giảng dạy Công tác Đoàn – Đội	MSP226	Kì III	
88	Giáo trình trò chơi	Hà Đình Lâm	NXB TDTT, Hà Nội.	50	Phương pháp giảng dạy Công tác Đoàn	MSP226	Kì III	

					- Đội			
89	Thể dục	Trường ĐH TDTT Bắc Ninh	NXB TDTT, Hà Nội	50	Phương pháp giảng dạy Thể dục	MSP227	Kì V	
90	Giáo trình Bóng đá	Trần Đức Dũng	NXB TDTT, Hà Nội	50	Phương pháp giảng dạy Bóng đá	MSP228	Kì V	
91	Luật bóng đá 07 người, Luật Futsal (2015), Luật bóng đá 11 người (2014)	Liên đoàn bóng đá Việt Nam	NXB TDTT Hà Nội	50	Phương pháp giảng dạy Bóng đá	MSP228	Kì V	
92	Giáo trình Bóng đá	UBTDTT	NXB TDTT Hà Nội	50	Phương pháp giảng dạy Bóng đá	MSP228	Kì V	
93	Giáo trình bóng chuyên	Nguyễn Việt Minh	NXB ĐHSP, Hà Nội.	50	Phương pháp giảng dạy Bóng chuyên	MSP229	Kì V	
94	101 bài tập môn bóng chuyên	Thanh Ly- Nhã Thu	NXB TỔNG HỢP, TPHCM.	50	Phương pháp giảng dạy Bóng chuyên	MSP229	Kì V	
95	Giáo trình Tổ chức thi đấu Thể dục thể thao	Trịnh Ngọc Trung	NXB TDTT&DL, Hà Nội.	50	Phương pháp giảng dạy Bóng chuyên	MSP229	Kì V	

96	Luật bóng bàn	Tổng cục TDTT	NXB TDTT, Hà Nội.	50	Phương pháp giảng dạy Bóng bàn	MSP230	Kì VII	
97	Bóng bàn hiện đại	Nguyễn Danh Thái	NXB TDTT, Hà Nội.	50	Phương pháp giảng dạy Bóng bàn	MSP230	Kì VII	
98	Giáo trình Tổ chức thi đấu Thể dục thể thao	Trịnh Ngọc Trung	NXB TDTT&DL, Hà Nội.	50	Phương pháp giảng dạy Bóng bàn	MSP230	Kì VII	
99	Giáo trình Bóng rổ	Nguyễn Văn Trung	NXB TDTT&DL, Hà Nội.	50	Phương pháp giảng dạy Bóng rổ	MSP231	Kì VI	
100	Giáo trình Cầu Lông	Trường ĐHSP TDTT Hà Nội	NXB TDTT, Hà Nội	50	Phương pháp giảng dạy Cầu lông	MSP232	Kì VI	
101	Hướng dẫn tập luyện cầu lông	Đào Chí Thành	NXB TDTT, Hà Nội	50	Phương pháp giảng dạy Cầu lông	MSP232	Kì VI	
102	Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài cầu lông	Ths Trần Văn Vinh	NXB TDTT, Hà Nội	50	Phương pháp giảng dạy Cầu lông	MSP232	Kì VI	

103	Luật thi đấu Cầu lông	UBTDTT	NXB TDTT, Hà Nội	50	Phương pháp giảng dạy Cầu lông	MSP232	Kì VI	
104	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn học cầu lông	Trường ĐHTDTT Bắc Ninh	NXB TDTT, Hà Nội	50	Phương pháp giảng dạy Cầu lông	MSP232	Kì VI	
105	Giáo trình Võ thuật Vovinam	Nguyễn Thành Trung	NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.	50	Phương pháp giảng dạy Võ thuật	MSP233	Kì VII	
106	Giáo trình Thể dục Aerobic, tập 1.	Nguyễn Văn Thời	NXB Thể dục thể thao, Hà Nội	50	Phương pháp giảng dạy Aerobic	MSP234	Kì IV	
107	Thể dục	Trường ĐH TDTT Bắc Ninh	NXB TDTT, Hà Nội	50	Phương pháp giảng dạy Aerobic	MSP234	Kì IV	
108	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm (Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CUL119	Kì IV	
109	Bản sắc văn hóa Việt Nam	Phan Ngọc	Văn học, Hà Nội, 2019, Việt Nam	50	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CUL119	Kì IV	
110	Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm	Trần Quốc Vượng	Giáo dục, Hà Nội, 2003, Việt Nam	50	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CUL119	Kì IV	

111	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học	PSE127	Kì VII	
112	Đi vào nghiên cứu khoa học	Nguyễn Văn Tuấn	Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2013, Việt Nam	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học	PSE127	Kì VII	
113	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc	Lao động Xã hội, 2015, Việt Nam	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học	PSE127	Kì VII	
114	Phương pháp nghiên cứu xã hội học	Phạm Văn Quyết	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học	PSE127	Kì VII	
115	Giáo trình Bóng đá	Trần Đức Dũng (2007).	NXB TDTT, Hà Nội. - Nguyễn Xuân Sinh, <i>Thể dục</i> , NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.	50	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 1	PHYE237.1	Kì I	
116	Luật bóng đá 07 người, Luật Futsal (2015) Luật bóng đá 11 người (2014)	Liên đoàn bóng đá Việt Nam	NXB TDTT Hà Nội.	50	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 1	PHYE237.1	Kì I	

117	Giáo trình Bóng đá	UBTDTT (2001).	NXB TDTT Hà Nội	50	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 1	PHYE237.1	Kì I	
118	Giáo trình Bóng đá	Trần Đức Dũng (2007).	NXB TDTT, Hà Nội. - Nguyễn Xuân Sinh, <i>Thể dục</i> , NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.	50	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 2	PHYE237.2	Kì II	
119	Luật bóng đá 07 người, Luật Futsal (2015) Luật bóng đá 11 người (2014)	Liên đoàn bóng đá Việt Nam	NXB TDTT Hà Nội.	50	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 2	PHYE237.2	Kì II	
120	Giáo trình Bóng đá	UBTDTT (2001).	NXB TDTT Hà Nội	50	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 2	PHYE237.2	Kì II	
121	Giáo trình Bóng đá	Trần Đức Dũng (2007).	NXB TDTT, Hà Nội. - Nguyễn Xuân Sinh, <i>Thể dục</i> , NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.	50	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 3	PHYE237.3	Kì III	
122	Luật bóng đá 07 người, Luật	Liên đoàn	NXB TDTT Hà	50	Thể thao chuyên	PHYE237.3	Kì III	

	Futsal (2015) Luật bóng đá 11 người (2014)	bóng đá Việt Nam	Nội.		sâu Bóng đá 3			
123	Giáo trình Bóng đá	UBTDTT (2001).	NXB TDTT Hà Nội	50	Thẻ thao chuyên sâu Bóng đá 3	PHYE237.3	Kì III	
124	Giáo trình Bóng đá	Trần Đức Dũng (2007).	NXB TDTT, Hà Nội. - Nguyễn Xuân Sinh, <i>Thẻ dục</i> , NXB Thẻ dục thể thao, Hà Nội.	50	Thẻ thao chuyên sâu Bóng đá 4	PHYE237.4	Kì IV	
125	Luật bóng đá 07 người, Luật Futsal (2015) Luật bóng đá 11 người (2014)	Liên đoàn bóng đá Việt Nam	NXB TDTT Hà Nội.	50	Thẻ thao chuyên sâu Bóng đá 4	PHYE237.4	Kì IV	
126	Giáo trình Bóng đá	UBTDTT (2001).	NXB TDTT Hà Nội	50	Thẻ thao chuyên sâu Bóng đá 4	PHYE237.4	Kì IV	
127	Giáo trình bóng chuyên	Nguyễn Viết Minh (chủ biên),	NXB ĐHSP, Hà Nội	50	Thẻ thao chuyên sâu Bóng chuyên 1	PHYE238.1	Kì I	
128	101 bài tập môn bóng chuyên	Thanh Ly- Nhã	NXB TỔNG HỢP,	50	Thẻ thao chuyên	PHYE238.1	Kì I	

		Thư (biên dịch),	TPHCM.		sâu Bóng chuyên 1			
129	Giáo trình Tổ chức thi đấu Thể dục thể thao	Trịnh Ngọc Trung (2019),	NXB TĐTT&DL, Hà Nội.	50	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyên 1	PHYE238.1	Kì I	
130	Giáo trình bóng chuyên	Nguyễn Viết Minh (chủ biên),	NXB ĐHSP, Hà Nội	50	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyên 2	PHYE238.2	Kì II	
131	101 bài tập môn bóng chuyên	Thanh Ly- Nhã Thư (biên dịch),	NXB TỔNG HỢP, TPHCM.	50	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyên 2	PHYE238.2	Kì II	
132	Giáo trình Tổ chức thi đấu Thể dục thể thao	Trịnh Ngọc Trung (2019),	NXB TĐTT&DL, Hà Nội.	50	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyên 2	PHYE238.2	Kì II	
133	Giáo trình bóng chuyên	Nguyễn Viết Minh (chủ biên),	NXB ĐHSP, Hà Nội	50	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyên 3	PHYE238.3	Kì III	
134	101 bài tập môn bóng chuyên	Thanh Ly- Nhã Thư (biên dịch),	NXB TỔNG HỢP, TPHCM.	50	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyên 3	PHYE238.3	Kì III	
135	Giáo trình Tổ chức thi đấu Thể dục thể thao	Trịnh Ngọc Trung (2019),	NXB TĐTT&DL, Hà Nội.	50	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyên 3	PHYE238.3	Kì III	
136	Giáo trình bóng chuyên	Nguyễn Viết	NXB ĐHSP, Hà	50	Thể thao chuyên sâu	PHYE238.4	Kì IV	

		Minh (chủ biên),	Nội		Bóng chuyền 4			
137	101 bài tập môn bóng chuyền	Thanh Ly- Nhã Thư (biên dịch),	NXB TỔNG HỢP, TPHCM.	50	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 4	PHYE238.4	Kì IV	
138	Giáo trình Tổ chức thi đấu Thể dục thể thao	Trịnh Ngọc Trung (2019),	NXB TĐTT&DL, Hà Nội.	50	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 4	PHYE238.4	Kì IV	
139	Giáo trình Bóng rổ	Nguyễn Văn Trung	NXB TĐTT&DL, Hà Nội (2003).	50	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 1	PHYE239.1	Kì I	
140	Luật Bóng rổ	UBTĐTT	NXB TĐTT&DL, Hà Nội (2001).	50	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 1	PHYE239.1	Kì I	
141	Giáo trình Bóng rổ	Nguyễn Văn Trung	NXB TĐTT&DL, Hà Nội (2003).	50	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 2	PHYE239.2	Kì II	
142	Luật Bóng rổ	UBTĐTT	NXB TĐTT&DL, Hà Nội (2001).	50	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 2	PHYE239.2	Kì II	
143	Giáo trình Bóng rổ	Nguyễn Văn Trung	NXB TĐTT&DL, Hà Nội (2003).	50	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 1	PHYE239.3	Kì III	
144	Luật Bóng rổ	UBTĐTT	NXB TĐTT&DL, Hà Nội (2001).	50	Thể thao chuyên sâu	PHYE239.3	Kì III	

					Bóng rổ 1			
145	Giáo trình Bóng rổ	Nguyễn Văn Trung	NXB TDTT&DL, Hà Nội (2003).	50	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 1	PHYE239.4	Kì IV	
146	Luật Bóng rổ	UBTDTT	NXB TDTT&DL, Hà Nội (2001).	50	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 1	PHYE239.4	Kì IV	
147	Luật bóng bàn	Tổng cục TDTT (2011),	NXB TDTT, Hà Nội.	50	Thể thao chuyên sâu bóng bàn 1	PHYE240.1	Kì I	
148	Bóng bàn	Nguyễn Danh Thái – ThS.Vũ Thành Sơn (1999),	NXB TDTT, Hà Nội.	50	Thể thao chuyên sâu bóng bàn 1	PHYE240.1	Kì I	
149	Bóng bàn hiện đại	Nguyễn Danh Thái (1997),	NXB TDTT, Hà Nội	50	Thể thao chuyên sâu bóng bàn 1	PHYE240.1	Kì I	
150	Giáo trình Tổ chức thi đấu Thể dục thể thao	Trịnh Ngọc Trung (2019)	NXB TDTT&DL, Hà Nội.	50	Thể thao chuyên sâu bóng bàn 1	PHYE240.1	Kì I	
151	Luật bóng bàn	Tổng cục TDTT (2011),	NXB TDTT, Hà Nội.	50	Thể thao chuyên sâu	PHYE240.2	Kì II	

					bóng bàn 2			
152	Bóng bàn	Nguyễn Danh Thái – ThS.Vũ Thành Sơn (1999),	NXB TDTT, Hà Nội.	50	Thể thao chuyên sâu bóng bàn 2	PHYE240.2	Kì II	
153	Bóng bàn hiện đại	Nguyễn Danh Thái (1997),	NXB TDTT, Hà Nội	50	Thể thao chuyên sâu bóng bàn 2	PHYE240.2	Kì II	
154	Giáo trình Tổ chức thi đấu Thể dục thể thao	Trịnh Ngọc Trung (2019)	NXB TDTT&DL, Hà Nội.	50	Thể thao chuyên sâu bóng bàn 2	PHYE240.2	Kì II	
155	Luật bóng bàn	Tổng cục TDTT (2011),	NXB TDTT, Hà Nội.	50	Thể thao chuyên sâu bóng bàn 3	PHYE240.3	Kì III	
156	Bóng bàn	Nguyễn Danh Thái – ThS.Vũ Thành Sơn (1999),	NXB TDTT, Hà Nội.	50	Thể thao chuyên sâu bóng bàn 3	PHYE240.3	Kì III	
157	Bóng bàn hiện đại	Nguyễn Danh Thái (1997),	NXB TDTT, Hà Nội	50	Thể thao chuyên sâu bóng bàn 3	PHYE240.3	Kì III	
158	Giáo trình Tổ chức thi đấu	Trịnh Ngọc	NXB TDTT&DL,	50	Thể thao	PHYE240.3	Kì III	

	Thẻ dục thể thao	Trung (2019)	Hà Nội.		chuyên sâu bóng bàn 3			
159	Luật bóng bàn	Tổng cục TDTT (2011),	NXB TDTT, Hà Nội.	50	Thể thao chuyên sâu bóng bàn 4	PHYE240.4	Kì IV	
160	Bóng bàn	Nguyễn Danh Thái – ThS.Vũ Thành Sơn (1999),	NXB TDTT, Hà Nội.	50	Thể thao chuyên sâu bóng bàn 4	PHYE240.4	Kì IV	
161	Bóng bàn hiện đại	Nguyễn Danh Thái (1997),	NXB TDTT, Hà Nội	50	Thể thao chuyên sâu bóng bàn 4	PHYE240.4	Kì IV	
162	Giáo trình Tổ chức thi đấu Thẻ dục thể thao	Trịnh Ngọc Trung (2019)	NXB TDTT&DL, Hà Nội.	50	Thể thao chuyên sâu bóng bàn 4	PHYE240.4	Kì IV	
163	Giáo trình Cầu Lông	Trường ĐHSP TDTT Hà Nội (2014)	NXB TDTT, Hà Nội	50	Thể thao chuyên sâu cầu lông 1	PHYE241.1	Kì I	
164	Hướng dẫn tập luyện cầu lông	Đào Chí Thành (2000)	NXB TDTT, Hà Nội	50	Thể thao chuyên sâu cầu lông 1	PHYE241.1	Kì I	
165	Phương pháp tổ chức thi đấu	ThS. Trần Văn	NXB TDTT, Hà	50	Thể thao	PHYE241.1	Kì I	

	và trọng tài cầu lông	Vinh (2002),	Nội			chuyên sâu cầu lông 1			
166	Luật thi đấu Cầu lông	UBTDTT (2011),	NXB TDTT, Hà Nội	50		Thể thao chuyên sâu cầu lông 1	PHYE241.1	Kì I	
167	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn học cầu lông	. Trường ĐHTDTT Bắc Ninh (2009),	NXB TDTT, Hà Nội	50		Thể thao chuyên sâu cầu lông 1	PHYE241.1	Kì I	
168	Giáo trình Cầu Lông	Trường ĐHSP TDTT Hà Nội (2014)	NXB TDTT, Hà Nội	50		Thể thao chuyên sâu cầu lông 2	PHYE241.2	Kì II	
169	Hướng dẫn tập luyện cầu lông	Đào Chí Thành (2000)	NXB TDTT, Hà Nội	50		Thể thao chuyên sâu cầu lông 2	PHYE241.2	Kì II	
170	Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài cầu lông	ThS. Trần Văn Vinh (2002),	NXB TDTT, Hà Nội	50		Thể thao chuyên sâu cầu lông 2	PHYE241.2	Kì II	
171	Luật thi đấu Cầu lông	UBTDTT (2011),	NXB TDTT, Hà Nội	50		Thể thao chuyên sâu cầu lông 2	PHYE241.2	Kì II	
172	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn học cầu lông	. Trường ĐHTDTT Bắc	NXB TDTT, Hà Nội	50		Thể thao chuyên sâu cầu	PHYE241.2	Kì II	

		Ninh (2009),				lông 2			
173	Giáo trình Cầu Lông	Trường ĐHSP TDTT Hà Nội (2014)	NXB TDTT, Hà Nội	50		Thể thao chuyên sâu cầu lông 3	PHYE241.3	Kì III	
174	Hướng dẫn tập luyện cầu lông	Đào Chí Thành (2000)	NXB TDTT, Hà Nội	50		Thể thao chuyên sâu cầu lông 3	PHYE241.3	Kì III	
175	Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài cầu lông	ThS. Trần Văn Vinh (2002),	NXB TDTT, Hà Nội	50		Thể thao chuyên sâu cầu lông 3	PHYE241.3	Kì III	
176	Luật thi đấu Cầu lông	UBTDTT (2011),	NXB TDTT, Hà Nội	50		Thể thao chuyên sâu cầu lông 3	PHYE241.3	Kì III	
177	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn học cầu lông	. Trường ĐHTDTT Bắc Ninh (2009),	NXB TDTT, Hà Nội	50		Thể thao chuyên sâu cầu lông 3	PHYE241.3	Kì III	
178	Giáo trình Cầu Lông	Trường ĐHSP TDTT Hà Nội (2014)	NXB TDTT, Hà Nội	50		Thể thao chuyên sâu cầu lông 4	PHYE241.4	Kì IV	
179	Hướng dẫn tập luyện cầu lông	Đào Chí Thành (2000)	NXB TDTT, Hà Nội	50		Thể thao chuyên sâu cầu lông 4	PHYE241.4	Kì IV	

180	Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài cầu lông	ThS. Trần Văn Vinh (2002),	NXB TDTT, Hà Nội	50	Thể thao chuyên sâu cầu lông 4	PHYE241.4	Kì IV	
181	Luật thi đấu Cầu lông	UBTDTT (2011),	NXB TDTT, Hà Nội	50	Thể thao chuyên sâu cầu lông 4	PHYE241.4	Kì IV	
182	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn học cầu lông	. Trường ĐHTDTT Bắc Ninh (2009),	NXB TDTT, Hà Nội	50	Thể thao chuyên sâu cầu lông 4	PHYE241.4	Kì IV	
183	Giáo trình Võ thuật Taekwondo	Nguyễn Văn Chung(1999),	NXB TDTT, Hà Nội	50	Thể thao chuyên sâu võ thuật 1	PHYE242.1	Kì I	
184	Luật Võ thuật Taekwondo (2010),		NXB TDTT, Hà Nội	50	Thể thao chuyên sâu võ thuật 1	PHYE242.1	Kì I	
185	Giáo trình Võ thuật Taekwondo	Nguyễn Văn Chung(1999),	NXB TDTT, Hà Nội	50	Thể thao chuyên sâu võ thuật 2	PHYE242.2	Kì II	
186	Luật Võ thuật Taekwondo (2010),		NXB TDTT, Hà Nội	50	Thể thao chuyên sâu võ thuật 2	PHYE242.2	Kì II	
187	Giáo trình Võ thuật	Nguyễn Văn	NXB TDTT, Hà Nội	50	Thể thao	PHYE242.3	Kì III	

	Taekwondo	Chung(1999),			chuyên sâu võ thuật 3			
188	Luật Võ thuật Taekwondo (2010),		NXB TDTT, Hà Nội	50	Thể thao chuyên sâu võ thuật 3	PHYE242.3	Kì III	
189	Giáo trình Võ thuật Taekwondo	Nguyễn Văn Chung(1999),	NXB TDTT, Hà Nội	50	Thể thao chuyên sâu võ thuật 4	PHYE242.4	Kì IV	
190	Luật Võ thuật Taekwondo (2010),		NXB TDTT, Hà Nội	50	Thể thao chuyên sâu võ thuật 4	PHYE242.4	Kì IV	
191	Giáo trình Đá cầu	. UBTDTT (1999)	NXB TDTT Hà Nội	50	Phương pháp giảng dạy Đá cầu	MSP343.1	Kì VI	
192	Luật Đá cầu	. UBTDTT (2007)	NXB TDTT, Hà Nội	50	Phương pháp giảng dạy Đá cầu	MSP343.1	Kì VI	
193	Lý luận và phương pháp TDTT	Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn (1994)	NXB TDTT, Hà Nội	50	Phương pháp giảng dạy Đá cầu	MSP343.1	Kì VI	
194	Giáo trình Tổ chức thi đấu Thể dục thể thao	Trịnh Ngọc Trung (2019)	NXB TDTT&DL, Hà Nội.	50	Phương pháp giảng dạy Đá cầu	MSP343.1	Kì VI	

195	Giáo trình Bơi lội	Ngô Xuân Viên, Lê Đức Long	Nxb TDTT, Hà Nội	50	Phương pháp giảng dạy Bơi lội	MSP343.2	Kì VI	
196	Giáo trình Tổ chức thi đấu Thể dục thể thao	Trịnh Ngọc Trung (2019)	NXB TDTT&DL, Hà Nội.	50	Phương pháp giảng dạy Bơi lội	MSP343.2	Kì VI	
197	Giáo trình Khiêu vũ thể thao	Vũ Thị Mai và Cộng sự	Nhà xuất bản Thể dục thể thao, Hà Nội.	50	Phương pháp giảng dạy Khiêu vũ thể thao	MSP343.3	Kì VI	
198	Tập bài giảng Khiêu vũ thể thao	Nguyễn Thành Trung, Tô Thị Hương (2021)	trường đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	50	Phương pháp giảng dạy Khiêu vũ thể thao	MSP343.3	Kì VI	
199	Giáo trình Cờ Vua	Đàm Quốc Chính	NXB TDTT Hà Nội	50	Phương pháp giảng dạy Cờ vua	MSP343.4	Kì VI	
200	Giáo trình Tổ chức thi đấu Thể dục thể thao	Trịnh Ngọc Trung (2019)	NXB TDTT&DL, Hà Nội.	50	Phương pháp giảng dạy Cờ vua	MSP343.4	Kì VI	
201	Nghiệp vụ sư phạm 1	Nguyễn Thị Yến Thoa, Bùi Thị	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT254	Kì V	

		Hồng Minh						
202	Giáo trình Giao tiếp sư phạm	Nguyễn Văn Lũy, Lê Quang Sơn	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2015, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT254	Kì V	
203	Nghiệp vụ sư phạm 3	Bùi Văn Quân (Chủ biên)	Đại học Quốc gia, 2019, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT254	Kì V	
204	Giao tiếp sư phạm	Nguyễn Thị Thanh Bình, Vũ Thị Ngọc Tú	Đại học Sư phạm, 2018, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT254	Kì V	
205	Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Bộ Giáo dục và Đào tạo	QĐ14/2007/QĐ-BGDĐT, 2007, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT254	Kì V	
206	Luật Giáo dục năm 2005 (bổ sung, chỉnh sửa 2009, 2014)		Chính trị Quốc gia, 2015, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT254	Kì V	
207	Tâm lí học xã hội	Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2013, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT254	Kì V	
208	Tôi tự học	Thu Giang, Nguyễn Duy Cần	Trẻ, 2016, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT254	Kì V	

209	Giáo dục học, Tập 1	Trần Thị Tuyết Oanh (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2013, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT254	Kì V	
210	Lý luận và phương pháp Thể dục thể thao	PGS.TS Nguyễn Toán, TS. Phạm Danh Tồn (2006)	Nxb TĐTT, Hà Nội	50	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	LIT448B.1	Kì VIII	
211	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường học	ThS. Đồng Văn Triệu, TS. Lê Anh Thơ (2006)	Nxb TĐTT, Hà Nội	50	Lý luận và phương pháp GDTC	LIT448B.1	Kì VIII	
212	Giáo trình Sinh lý học TĐTT	Trường đại học TĐTT Đà Nẵng –Tập 1,2 (2013)	NXB Thể dục thể thao	50	Sinh lý học thể dục thể thao	LIN448B.2	Kì VIII	
213	Giáo trình Sinh lý học TĐTT	Trường đại học sư phạm TĐTT Hà Nội (2012)	NXB Thể dục thể thao	50	Sinh lý học thể dục thể thao	LIN448B.2	Kì VIII	

Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo Giáo dục thể chất dự kiến mở

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Số người học/ máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, kí hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Máy tính Mạng internet	Đông Nam Á	50	Khoa Nhạc-Họa-Thể dục	Tin học đại cương	Kì 1, năm thứ nhất	01	
2	Máy tính Tai nghe Mạng internet	Đông Nam Á	50	Khoa	Tiếng Anh 1	Kì 1, năm thứ nhất	01	
3	Máy tính Tai nghe Mạng internet	Đông Nam Á	50	Nhạc-Họa-Thể dục	Tiếng Anh 2	Kì 3, năm thứ nhất	01	

Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lí kê khai
(theo từng mẫu trên)
(Kí tên xác nhận)

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Kí tên, đóng dấu)